

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)

Phụ lục 1. Cấu trúc và nội dung phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Căn cứ thực hiện:

Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường làm căn cứ để thực hiện dự án.

2. Thông tin chung:

2.1. Giới thiệu về phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường (Nêu tên phương án, địa điểm thực hiện...)

2.2. Giới thiệu về các bên liên quan chính:

Các bên liên quan chính bao gồm: chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, cơ quan tư vấn, đơn vị hưởng lợi v.v... Đối với mỗi bên liên quan, cần trình bày những thông tin về tên, người đại diện/liên hệ chính, địa chỉ, số điện thoại, email.

CHƯƠNG II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM

Chương này trình bày những kết quả điều tra, đánh giá về phạm vi và mức độ ô nhiễm của khu vực. Các báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ và chi tiết về khu vực đã thực hiện cần được đính kèm. Những thông tin chính cần được nêu tại chương này bao gồm:

1. Thông tin nền về địa phương

Liệt kê những thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa phương bao gồm:

1.1. Điều kiện tự nhiên

Nêu tóm tắt các nội dung sau: các đặc điểm địa hình, địa chất và thủy văn; thông tin về tính chất đất tại khu vực ô nhiễm (tính chất lý, hóa, các đặc trưng, hình thái và phân diện các loại đất chính của địa phương); các đặc điểm về khí hậu/thời tiết; các đặc điểm về thủy văn của địa phương, trong đó đặc biệt là những thông tin về tầng nước ngầm và các đặc trưng dòng chảy bề mặt chính.

1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

Nêu tóm tắt các nội dung sau: dân số địa phương, đặc biệt là số hộ dân và số người sống xung quanh khu vực ô nhiễm; hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử

dụng đất của địa phương, các điều kiện sinh hoạt, vệ sinh nói chung và sức khỏe của nhân dân, có đề cập đến những ảnh hưởng đến sức khỏe do khu vực bị ô nhiễm gây ra;

2. Thông tin về khu vực bị ô nhiễm

2.1. Vị trí khu vực: Địa chỉ, vị trí địa lý, tọa độ địa lý, độ cao so với mực nước biển, ranh giới của khu vực bị ô nhiễm, chủ sở hữu hiện tại và người liên hệ chính.

2.2. Lịch sử hoạt động khu vực: Thời gian bắt đầu hoạt động, thời gian đóng cửa; Các hoạt động tại khu vực; Những vấn đề/ý kiến phản nàn hoặc khiếu nại được ghi nhận liên quan đến hoạt động của khu vực.

2.3. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực: Nêu rõ hiện trạng sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực; Quy hoạch sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.4. Bản đồ và ảnh: Bản đồ phác thảo của khu vực; hình ảnh (tổng hợp hình ảnh toàn cảnh, ảnh thể hiện ranh giới khu vực, ảnh của các đối tượng ô nhiễm chính,...).

3. Phạm vi và mức độ ô nhiễm

3.1. Các đợt điều tra, khảo sát đã thực hiện:

Liệt kê các đợt khảo sát đã thực hiện, trình bày trong bảng sau:

- a) Kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ;
- b) Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết;
- c) Khảo sát, đánh giá bổ sung nhằm khoanh vùng chính xác khu vực ô nhiễm có mức độ rủi ro cao.

3.2. Kết quả khoanh vùng phạm vi ô nhiễm: Cần nêu được các nguồn ô nhiễm có trong khu vực; phạm vi của khu vực bị ô nhiễm và phạm vi của các nguồn ô nhiễm có trong khu vực (phạm vi cần được thể hiện cả về diện tích lẫn chiều sâu).

3.3. Kết quả quan trắc và phân tích môi trường

Nêu rõ thuyết minh phương pháp luận lấy mẫu gồm: sơ đồ và vị trí lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu, thời gian lấy mẫu, số lần lấy mẫu, loại mẫu, độ sâu lấy mẫu, chỉ tiêu phân tích. Trong phần này, phải kèm theo các hình vẽ, sơ đồ về vị trí lấy mẫu.

Diễn giải các kết quả phân tích (đất, trầm tích đáy, nước mặt và nước ngầm). Có thể diễn giải theo bảng biểu, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

3.4. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm

Bản đồ khu vực bị ô nhiễm mô tả đầy đủ hiện trạng ô nhiễm của khu vực, trong đó mô tả chi tiết các nguồn gây ô nhiễm tồn lưu, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm trước hết là sơ đồ mặt bằng khu vực và sơ đồ lát cắt dọc địa hình.

3.5. Kết quả phân loại mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm: mô tả được việc áp dụng phương pháp phân loại mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm theo 3 mức độ: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp.

3.6. Đánh giá tác động của khu vực bị ô nhiễm dựa trên 3 yếu tố: ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái và khả năng lan truyền ô nhiễm.

CHƯƠNG III. LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

1. Các biện pháp kỹ thuật

Đối với từng đối tượng tồn tại trong khu vực bị ô nhiễm, đưa ra các biện pháp kỹ thuật để cải tạo và phục hồi môi trường khác nhau. Các biện pháp kỹ thuật có thể được chia ra thành các giai đoạn như sau:

a) Các biện pháp bảo vệ đối tượng bị tác động trước khi xử lý:

- Thông báo cho các đối tượng bị tác động, các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng về tình trạng của khu vực;

- Ngăn ngừa tiếp xúc với chất ô nhiễm bằng cách lập rào chắn cách ly khu vực và niêm phong và đóng cửa khu nhà bị ô nhiễm;

- Hạn chế hoặc cấm sử dụng đất và nước ngầm, hoặc di dời tạm thời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm;

- Di dời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm.

b) Các biện pháp xử lý nguồn ô nhiễm và ngăn chặn lan truyền:

- Xử lý tại chỗ hoặc bóc xúc, vận chuyển đi xử lý các nguồn ô nhiễm;

- Bao vây, cô lập lâu dài các nguồn ô nhiễm và các khu vực ô nhiễm xung quanh;

- Bơm và xử lý nước ngầm (nếu có);

- Tiến hành các biện pháp cách ly các khu vực đất/trầm tích đáy bị ô nhiễm còn lại, hoặc triển khai các biện pháp xử lý/cải tạo các khu vực này;

- Thiết lập các màng ngăn thẩm thấu để ngăn ngừa chất ô nhiễm lan truyền thông qua nước ngầm.

c) Các biện pháp kiểm soát khu vực bị ô nhiễm sau khi xử lý:

- Thông báo công khai, cảnh báo và duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm.

- Khoanh vùng, cô lập, cách ly nhằm ngăn ngừa các tác động của khu vực bị ô nhiễm và chất gây ô nhiễm lan truyền ra môi trường xung quanh;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm để chủ động phòng tránh các tác động do ô nhiễm môi trường gây ra;

- Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường xung quanh và công bố thông tin.

2. Bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật

Lập bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật để xây dựng, lựa chọn phương án tối ưu cho việc cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm. Việc xác định các biện pháp kỹ thuật có thể dựa vào các tiêu chí sau:

- a) Mức độ giảm thiểu rủi ro mà biện pháp kỹ thuật có thể đạt được;
- b) Mức độ tin cậy của công nghệ và/hoặc biện pháp đề xuất (Những tác động gây ra cho đất, nước ngầm và không khí trong và sau khi thực hiện phương án; hiệu suất xử lý v.v...);
- c) Chi phí thực hiện biện pháp kỹ thuật;
- d) Thời gian thực hiện;
- đ) Tính khả thi về mặt kỹ thuật, và tính khả thi của công nghệ xử lý được đề xuất khi triển khai;
- e) Các tác động khác của biện pháp nếu được thực hiện.

Trên cơ sở các phân tích các tiêu chí nêu trên, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật tối ưu của từng mức độ ưu tiên xử lý khu vực bị ô nhiễm để tổng hợp, lựa chọn phương án xử lý ô nhiễm tối ưu nhất (có thể lựa chọn một hay kết hợp nhiều biện pháp tùy thuộc đối tượng bị tác động và mức độ ô nhiễm).

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ ĐƯỢC LỰA CHỌN

1. Nội dung và kế hoạch xử lý:

1.1. Nội dung

Phần này sẽ tập trung nêu chi tiết các hạng mục công việc sẽ thực hiện, với các khối lượng công việc được định lượng một cách cụ thể và chi tiết, về cơ bản, phần nội dung sẽ phụ thuộc vào từng dự án cụ thể, tuy nhiên có thể tóm tắt tổng quát như sau:

- a) Ngăn ngừa, xử lý hoặc loại bỏ các nguồn ô nhiễm;
- b) Ngăn chặn các đường lan truyền ô nhiễm;
- c) Bảo vệ các đối tượng bị tác động.

1.2. Kế hoạch xử lý

Đối với từng hạng mục công trình hoặc các biện pháp để cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm, lập kế hoạch xử lý bao gồm các nội dung sau:

- Thời gian, tiến độ thực hiện các hạng mục công trình hoặc các biện pháp kỹ thuật;
- Liệt kê khối lượng công việc cần phải làm cho từng hạng mục công trình, hoặc các biện pháp kỹ thuật;
- Liệt kê các thiết bị và nhân công để thực hiện;

- Phân công đơn vị, nhân sự để quản lý, giám sát triển khai từng hạng mục công trình.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường

Xác định những tác động tiêu cực đến môi trường gây ra trong suốt quá trình thực hiện phương án từ giai đoạn giải phóng mặt bằng đến giai đoạn giám sát, quản lý sau xử lý (nêu những tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

Các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện phương án (nêu những biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

CHƯƠNG V. GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT TRONG VÀ SAU XỬ LÝ

1. Giám sát trong quá trình xử lý

Nêu kế hoạch và cách thức giám sát chất lượng kỹ thuật của công tác xử lý, cải tạo phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện phương án.

Căn cứ vào từng nội dung dự án cụ thể xác định các tác động môi trường, xác định các rủi ro an toàn lao động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

2. Kiểm soát sau xử lý

Trong trường hợp chưa thể loại bỏ hết những tác động đến sức khỏe và môi trường do tác động của các chất gây ô nhiễm tồn lưu; những công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đã xây dựng cần quản lý và duy trì để đảm bảo các rủi ro được kiểm soát. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- a) Duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm;
- b) Truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm;
- c) Duy tu, bảo dưỡng các công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường;
- d) Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường tại khu vực bị ô nhiễm và môi trường xung quanh; công bố thông tin về chất lượng môi trường.

PHỤ LỤC

Hình ảnh về khu vực bị ô nhiễm: Cần đưa ra đầy đủ hình ảnh, bản đồ và sơ đồ chi tiết về khu vực bị ô nhiễm bao gồm nguồn ô nhiễm tồn lưu, các đối tượng bị tác động và môi trường xung quanh.

Phụ lục 2. Hướng dẫn điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm

Việc điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm (sau đây gọi tắt là khu vực) được tiến hành theo các bước sau:

1. Rà soát các tài liệu liên quan đến khu vực

a) Nguồn thông tin

- Chủ sở hữu, người sử dụng khu vực trong quá khứ và hiện tại;
- Trên mạng internet, báo chí và các phương tiện truyền thông khác;
- Văn bản lưu trữ;
- Các báo cáo liên quan tới khu vực.

b) Các thông tin thu thập

- Thông tin chung:
 - + Thông tin về vị trí khu vực như: địa chỉ; vị trí địa lý; độ cao so với mực nước biển; ranh giới...;
 - + Thông tin về điều kiện địa hình, địa chất và thủy văn;
 - + Thông tin về điều kiện khí hậu;
 - + Thông tin liên quan đến sử dụng đất tại khu vực;
 - Tổng quan chung về hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đã và đang diễn ra tại khu vực;
 - Thông tin liên quan tới lịch sử sử dụng khu vực:
 - + Thông tin về chủ sở hữu khu vực;
 - + Thời gian hoạt động;
 - Bản đồ khu vực (địa hình, hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, v.v...);
 - Thông tin về những vị trí có khả năng là nguồn ô nhiễm (vị trí từng đổ thải, lưu chứa, chôn chát gây ô nhiễm, v.v...).

2. Khảo sát sơ bộ hiện trường khu vực

a) Phỏng vấn các bên liên quan đến khu vực: để thu thập thông tin về khu vực và kiểm chứng kết quả rà soát tài liệu. Đối tượng cần phỏng vấn là chủ sở hữu, quản lý khu vực; người đã từng làm việc tại khu vực; người dân sống xung quanh; những người nghiên cứu lâu năm về khu vực.

b) Khảo sát nhanh tại hiện trường khu vực bao gồm các bước sau:

- Phỏng vấn các bên liên quan tại hiện trường để kiểm chứng và bổ sung những thông tin đã thu thập từ việc rà soát tài liệu;
- Xác định sơ bộ các nguồn có khả năng gây ô nhiễm;

- Xác định sơ bộ các đường lan truyền ô nhiễm: không khí, nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, tiếp xúc vật lý với chất gây ô nhiễm và tích lũy trong hệ sinh thái, trong chuỗi thức ăn và con người;

- Xác định sơ bộ đối tượng bị tác động: con người, động vật (gia súc, gia cầm), cá và các loài thủy sinh, thực vật - hệ sinh thái.

c) Lập báo cáo hình ảnh về khu vực.

d) Minh họa thông tin liên quan đã điều tra được vào sơ đồ khu vực.

3. Lấy mẫu đại diện, phân tích để xác định chất gây ô nhiễm, nguồn ô nhiễm và sơ bộ đánh giá mức độ ô nhiễm

- Lấy mẫu đại diện tại ít nhất 5 (năm) vị trí khác nhau để phân tích, xác định hàm lượng các chất gây ô nhiễm tồn lưu để xác định những chất gây ô nhiễm tồn lưu chính. Việc lấy mẫu phân tích theo quy định hiện hành;

- Căn cứ vào tình hình thực tế, lựa chọn các thông số ô nhiễm đặc trưng của khu vực để phân tích.

4. Lập báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ

Báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ cần bao gồm các nội dung sau:

a) Giới thiệu chung

- Lý do và mục đích thực hiện đánh giá sơ bộ;

- Phương pháp tiến hành, tiến độ và hiện trạng thực hiện đánh giá sơ bộ khu vực.

b) Kết quả đánh giá

- Thông tin cơ bản của khu vực;

- Hiện trạng sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực;

- Kết quả phân tích, xác định chất gây ô nhiễm, nguồn ô nhiễm và sơ bộ đánh giá mức độ ô nhiễm;

- Sơ đồ khu vực: thể hiện được vị trí các nguồn gây ô nhiễm, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động.

c) Kết luận và Kiến nghị

d) Tài liệu tham khảo

đ) Các phụ lục

- Phụ lục 1. Bản đồ khu vực;

- Phụ lục 2. Báo cáo hình ảnh;

- Câu hỏi phỏng vấn;

- Danh sách người được phỏng vấn;

- Các tài liệu khác có liên quan.

Phụ lục 3. Hướng dẫn điều tra, đánh giá chi tiết khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu

Việc điều tra, đánh giá chi tiết được thực hiện theo các bước sau:

1. Lập kế hoạch khảo sát chi tiết hiện trường:

Từ các kết quả khảo sát sơ bộ, đánh giá các thông tin còn thiếu từ quá trình điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm, tiến hành lập kế hoạch khảo sát chi tiết hiện trường.

Việc lập kế hoạch khảo sát chi tiết hiện trường bao gồm:

- a) Kế hoạch thu thập các thông tin còn thiếu cần bổ sung;
- b) Kế hoạch lấy mẫu và phân tích các chất gây ô nhiễm tồn lưu tại khu vực khảo sát để xác định thông tin chi tiết hơn về loại hình, phạm vi và mức độ ô nhiễm;
- c) Phân công khảo sát: nhân lực, thời gian khảo sát, các trang thiết bị cần sử dụng, các bên cần phối hợp thực hiện.

2. Điều tra, khảo sát chi tiết tại hiện trường

- a) Thu thập bổ sung thông tin:

Việc thu thập này sẽ được thực hiện thông qua phỏng vấn, thu thập các tài liệu bổ sung từ các cơ quan liên quan, tổng hợp tài liệu, các bảng hỏi, thống kê...

- b) Khảo sát chi tiết các vị trí nguồn và đường lan truyền ô nhiễm tại khu vực

- Căn cứ vào kế hoạch khảo sát hiện trường, thực hiện các hoạt động quan sát, kiểm kê, đo đạc, khoan khảo sát và lấy mẫu tại các vị trí có khả năng là nguồn và đường lan truyền tại khu vực nhằm xác định cụ thể kích thước và mức độ ô nhiễm của các vị trí này. Số lượng mẫu lấy để phân tích tại mỗi vị trí theo quy định hiện hành;

- Trong một số trường hợp đặc biệt tại hiện trường cần có những thay đổi so với kế hoạch ban đầu, tham khảo ý kiến chuyên gia và điều chỉnh kế hoạch khảo sát cho phù hợp với từng điều kiện thực tế. Ghi chép lại lý do thay đổi và các điều chỉnh trong báo cáo điều tra;

- Dựa vào kết quả khảo sát tại hiện trường, kết quả phân tích các mẫu tại phòng thí nghiệm và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường liên quan tiến hành xác định cụ thể phạm vi và mức độ của các nguồn, đường lan truyền và đối tượng bị tác động tại khu vực;

- Xác định các nguyên nhân gây ô nhiễm (ví dụ: do tự nhiên hoặc do hoạt động của con người; có chủ ý hoặc do sự cố môi trường v.v...).

3. Xây dựng bản đồ khu vực bị ô nhiễm

Sau khi xác định được đầy đủ các thông tin về khu vực bị ô nhiễm qua kết quả

điều tra, đánh giá chi tiết, tiến hành xây dựng bản đồ khu vực bị ô nhiễm. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm phải thể hiện đầy đủ toàn bộ các nguồn ô nhiễm, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động.

Xây dựng bản đồ khu vực bị ô nhiễm:

a) Xác định tỉ lệ của bản đồ dựa trên kích thước thật của khu vực, một bản đồ hiện trạng ô nhiễm thường có tỉ lệ lớn; đối với những khu vực cần thiết phải mô tả chi tiết hơn các đối tượng có trong khu vực, nhưng tỉ lệ bản đồ đã lựa chọn không cho phép thực hiện việc này, xây dựng các bản đồ chi tiết cho các đối tượng này ở tỉ lệ lớn hơn và chú thích trong bản đồ khu vực.

b) Xây dựng ít nhất một mặt cắt khu vực để minh họa theo chiều sâu các đối tượng chính có trong khu vực, các nguồn và đường lan truyền ô nhiễm;

c) Mô tả chính xác trong bản đồ và mặt cắt tất cả các nguồn ô nhiễm, đường lan truyền (kích thước, mức độ và loại chất ô nhiễm) và đối tượng bị tác động (con người, động thực vật, hệ sinh thái) đã được xác định qua quá trình điều tra, khảo sát;

d) Ghi chú bằng dấu hỏi đối với cho những kết quả khảo sát còn nghi vấn và cần điều tra thêm;

đ) Ghi rõ thông tin về đợt khảo sát (tên cá nhân, tổ chức thực hiện khảo sát, ngày khảo sát) ở dưới góc phải của bản đồ;

e) Chú giải bản đồ và chú thích các biểu tượng đã sử dụng.

4. Lập báo cáo điều tra, đánh giá chi tiết

Báo cáo điều tra, đánh giá chi tiết ngoài các nội dung đã được thể hiện trong báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ cần thể hiện thêm các nội dung sau:

a) Thông tin chung: bao gồm thông tin cơ bản về địa điểm (vị trí địa lý, chủ sở hữu, loại hình sử dụng đất và nước, các thông tin cơ bản về thổ nhưỡng, địa hình, địa chất, thủy văn và khí hậu v.v...);

b) Kế hoạch điều tra, đánh giá: bao gồm cụ thể các hoạt động dự kiến để thu thập các thông tin bổ sung và điều tra, khảo sát thực địa tại hiện trường;

c) Kết quả điều tra, đánh giá thực địa tại hiện trường:

- Các công việc đã thực hiện tại hiện trường;

- Kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm tại khu vực:

+ Vị trí, kích thước, nồng độ các chất ô nhiễm của các nguồn và đường lan truyền ô nhiễm;

+ Nhận định cụ thể về các đối tượng bị tác động, bao gồm cả mức độ và tần suất tác động;

+ So sánh kết quả phân tích mẫu với quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan;

+ Bản đồ khu vực bị ô nhiễm.

d) Kết luận và kiến nghị

đ) Phụ lục

Bao gồm ít nhất các tài liệu sau:

- Bản đồ vị trí khu vực ô nhiễm và/hoặc ảnh vệ tinh của khu vực;
- Sơ đồ lấy mẫu;
- Kết quả phân tích;
- Kết quả khảo sát các yếu tố môi trường (ví dụ: phễu diện các lỗ khoan lấy mẫu đất, các giếng quan trắc nước dưới đất v.v...);
- Báo cáo hình ảnh;
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan khác.

Phụ lục 4. Mẫu báo cáo danh mục khu vực bị ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

I. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỂM CÓ KHU VỰC BỊ NHIỄM ĐỘC HÓA CHẤT TRONG CHIẾN TRANH

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực bị nhiễm độc (6)	Kết quả phân tích (nếu có) (7)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (8)	Dân cư xung quanh (9)	Phản ánh (10)	Ghi chú (11)

Ghi chú:

(1)- Số thứ tự;

(2)- Tên các điểm có khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh;

(3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;

(4)- Mô tả chung (hiện trạng sở hữu, sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, các loại hình sản xuất trong khu vực đó, quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải của các cơ sở bên trong khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh, khoảng thời gian sử dụng làm nơi sản xuất);

(5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

Phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

(6)- Diện tích khu vực bị nhiễm độc (Ha, m²);

(7)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực nếu có, so sánh với QCVN 45:2012/BTNMT;

(8)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;

(9)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);

(10)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân

(11)- Các thông tin khác địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

II. THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẬP TRUNG, CỤM CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐÃ ĐÓNG CỬA HOẶC DI DỜI KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÂY Ô NHIỄM

TT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích (nếu có) (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ảnh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

(1)- Số thứ tự

(2)- Tên các điểm có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời;

(3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;

(4)- Thông tin về nhà máy (loại hình sản xuất, quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải...);

- Thông tin về: các loại hình sản xuất trong khu công nghiệp; quy mô, công suất, quy mô xả thải, chất thải của các cơ sở bên trong khu;

(5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

(6)- Diện tích của khu công nghiệp, nhà máy (Ha, m²);

(7)- Nêu rõ thời gian khu vực sử dụng làm nơi sản xuất (từ năm nào đến năm nào);

(8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực nếu có; so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);

(9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyên đổi dự kiến;

(10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);

(11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;

(12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

III. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỂM CÓ KHO CHỨA HÓA CHẤT, THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT, BÃI CHÔN LẤP CHẤT THẢI, LÀNG NGHỀ ĐÃ ĐÓNG CỬA HOẶC DI DỜI KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÂY Ô NHIỄM

TT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích kho, bãi (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích nếu có (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ảnh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

(1)- Số thứ tự

(2)- Tên các điểm có khu công nghiệp, nhà máy sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời;

(3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;

(4)- Thông tin về hiện trạng các kho, bãi, các loại hình sản xuất đối với làng nghề;

(5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

(6)- Diện tích của kho, bãi (Ha, m²);

(7)- Nêu rõ thời gian khu vực sử dụng làm kho, bãi, hoạt động (từ năm nào đến năm nào, thời gian đóng cửa, di dời);

(8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực (từ năm 2016 đến nay nếu có); so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);

(9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;

(10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);

(11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân

(12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỘC HẠI ĐÃ KẾT THÚC KHAI THÁC KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÂY Ô NHIỄM

TT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Đánh giá sơ bộ về phạm vi ô nhiễm nội tỉnh/liên tỉnh (5)	Diện tích khu vực (6)	Thời gian sử dụng (7)	Kết quả phân tích nếu có (8)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (9)	Dân cư xung quanh (10)	Phản ảnh (11)	Ghi chú (12)

Ghi chú:

(1)- Số thứ tự;

(2)- Tên các khu vực khai thác khoáng sản độc hại đã kết thúc khai thác;

(3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;

(4)- Thông tin về loại hình khai thác khoáng sản, quy mô, công suất khai thác, đã hoàn thành thực hiện việc hoàn thổ, cải tạo phục hồi hay chưa...);

(5)- Xác định phạm vi ô nhiễm nội tỉnh: ô nhiễm môi trường đất trong khu vực cố định, không có khả năng phát tán các chất ô nhiễm sang các tỉnh, địa bàn khác thông qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

Xác định phạm vi ô nhiễm liên tỉnh: các chất ô nhiễm phát tán sang các tỉnh khác qua nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, các dòng sông, suối;

(6)- Diện tích của khu vực (Ha, m²);

(7)- Nêu rõ thời gian khu vực khai thác khoáng sản (từ năm nào đến năm nào);

(8)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản nếu có; so sánh với QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);

(9)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;

(10)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);

(11)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;

(12)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

V. THÔNG TIN VỀ CÁC VÙNG CANH TÁC NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG NHIỀU HÓA CHẤT KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÂY Ô NHIỄM

STT (1)	Tên điểm (2)	Địa chỉ (3)	Mô tả chung (4)	Diện tích khu vực (5)	Kết quả phân tích nếu có (6)	Hiện trạng sở hữu, sử dụng đất (7)	Dân cư xung quanh (8)	Phản ảnh (9)	Ghi chú (10)

Ghi chú:

- (1)- Số thứ tự;
- (2)- Tên các vùng canh tác nông nghiệp sử dụng nhiều hóa chất;
- (3)- Tên thôn/xóm, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thành phố;
- (4)- Thông tin về loại hình canh tác (loại hình cây trồng, nuôi trồng, tần xuất, quy mô khai thác,...);
- (5)- Diện tích của khu vực (Ha, m²);
- (6)- Kết quả phân tích mẫu đất trong khu vực nếu có; so sánh với QCVN 54:2013/BTNMT (vượt gấp bao nhiêu lần);
- (7)- Hiện trạng sở hữu đất (chủ sở hữu), hiện trạng quy hoạch sử dụng đất, mục đích chuyển đổi dự kiến;
- (8)- Ước tính sơ bộ có khoảng bao nhiêu hộ dân sống xung quanh với bán kính 1.000 m (1 km);
- (9)- Có/Không có phản ánh của báo chí, cộng đồng địa phương về việc khu vực bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;
- (10)- Các thông tin địa phương cung cấp bổ sung nếu có.

Phụ lục 5. Danh mục chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường

STT	Đối tượng
I	Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng
1	Chiến lược phát triển công nghiệp
2	Chiến lược phát triển giao thông vận tải
3	Chiến lược khoáng sản
4	Chiến lược thủy lợi
5	Chiến lược phát triển thủy sản
6	Chiến lược phát triển chăn nuôi
7	Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn
8	Chiến lược phát triển năng lượng
9	Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng
II	Quy hoạch
1	<i>Quy hoạch ngành quốc gia</i>
1.1	Quy hoạch mạng lưới đường bộ
1.2	Quy hoạch mạng lưới đường sắt
1.3	Quy hoạch tổng thể phát triển cảng biển
1.4	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc
1.5	Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
1.6	Quy hoạch tổng thể về năng lượng
1.7	Quy hoạch phát triển điện lực
1.8	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt
1.9	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn

1.10	Quy hoạch tài nguyên nước
1.11	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ
1.12	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản
1.13	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng
2	<i>Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành</i>
2.1	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh
2.2	Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia
2.3	Quy hoạch thủy lợi
2.4	Quy hoạch đê điều
2.5	Quy hoạch phát triển điện hạt nhân

Phụ lục 6. Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Công suất		
		Lớn	Trung bình	Nhỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Mức I			
1	Làm giàu, chế biến khoáng sản độc hại, khoáng sản kim loại; chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất độc hại	Từ 200.000 tấn (quặng, đất đá thải)/năm trở lên	Dưới 200.000 tấn (quặng, đất đá thải)/năm	Không
2	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	Từ 300.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Dưới 300.000 tấn sản phẩm/năm	Không
3	Sản xuất giấy, bột giấy	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 5.000 đến dưới 50.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 5.000 tấn sản phẩm/năm
4	Sản xuất hoá chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ (trừ loại hình sản xuất NPK theo phương pháp phối trộn), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết)	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 1.000 đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
5	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Từ 20.000.000 m ² /năm trở lên	Từ 1.000.000 đến dưới 20.000.000 m ² /năm	Dưới 1.000.000 m ² /năm
6	Sản xuất da, thuộc da	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 1.000 đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
7	Lọc, hóa dầu	Từ 1.000.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Dưới 1.000.000 tấn sản phẩm/năm	Không

		phẩm/năm trở lên	phẩm/năm	
8	- Nhiệt điện (trừ sử dụng khí, dầu DO): - Sản xuất than cốc; - Sản xuất khí than	-Từ 600 MW trở lên -Từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên - Từ 50.000 m ³ khí/giờ trở lên	- Dưới 600 MW; - Dưới 100.000 tấn sản phẩm/năm - Dưới 50.000 m ³ khí/giờ	Không
II	Mức II			
9	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường	Từ 500 tấn/ngày trở lên	Dưới 500 tấn/ngày	Không
10	Có công đoạn mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất nguy hiểm	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 1.000 đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm
11	Sản xuất pin, ắc quy	Từ 600 tấn sản phẩm (200.000 KWh)/năm trở lên	Dưới 600 tấn sản phẩm (200.000 KWh)/năm	Không
12	Sản xuất xi măng (có sản xuất clinker)	Từ 1.200.000 tấn/năm trở lên	Dưới 1.200.000 tấn/năm	Không
III	Mức III			
13	Chế biến mũ cao su	Từ 10.000 tấn/năm trở lên	Từ 500 đến dưới 10.000 tấn/năm	Dưới 500 tấn/năm
14	- Chế biến tinh bột sắn và các sản phẩm phụ từ sắn; sản xuất bột ngọt; - Sản xuất bia, nước giải khát có gas - Sản xuất cồn công nghiệp	-Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên -Từ 30 triệu lít sản phẩm/năm trở lên -Từ 2 triệu lít sản phẩm/năm trở lên	-Từ 500 đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm -Từ 01 triệu đến dưới 30 triệu lít sản phẩm/năm -Từ 0,5 triệu lít sản phẩm/năm	- Dưới 500 tấn sản phẩm/năm - Dưới 01 triệu lít sản phẩm/năm - Dưới 0,5 triệu lít sản phẩm/năm

15	Chế biến mía đường	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 500 đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 500 tấn sản phẩm/năm
16	- Chế biến thủy sản: - Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp: - Chăn nuôi gia súc quy mô công nghiệp:	-Từ 20.000 tấn sản phẩm/năm trở lên; -Từ 5.000 con/ngày trở lên; -Từ 5.000 con hoặc từ 100 động vật hoang dã trở lên	-Từ 1.000 đến dưới 20.000 tấn sản phẩm/năm; -Từ 500 đến dưới 5.000 con/ngày; -Từ 500 đến dưới 5.000 con hoặc dưới 100 động vật hoang dã	- Dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm; -Dưới 500 con/ngày; - Dưới 500 con.
17	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử (trừ loại hình lắp ráp).	Từ 01 triệu thiết bị, linh kiện/năm hoặc 1.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Dưới 01 triệu thiết bị, linh kiện/năm hoặc dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm	

Phụ lục 7a**Danh mục dự án đầu tư Nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường**

STT	Dự án đầu tư	Công suất/ mức độ nhạy cảm môi trường/ thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (trừ dự án: kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; kinh doanh đặt cược, casino; kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí); Dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tất cả
2	Dự án tái chế, xử lý chất thải nguy hại; Dự án phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Dự án xây dựng lò phản ứng hạt nhân, điện hạt nhân	Tất cả
3	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột 3 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này.	Tất cả
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
4	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này.	Nằm trong khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường hoặc trường hợp quy định tại cột 3 số thứ tự 7, 8 Phụ lục này.
5	Dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi	

	trường	
III.	Dự án đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
6	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn	Từ 100 ha trở lên
7	Dự án có yêu cầu sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng, vùng đất ngập nước quan trọng, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên	Từ 01 ha đối với khu bảo tồn thiên nhiên, 03 ha đối với rừng tự nhiên, 20 ha rừng phòng hộ, 01 ha vùng lõi và 10 ha đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên trở lên; từ 20 ha đất trồng lúa trở lên
8	Dự án nằm trong hoặc có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản văn hóa vật thể đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, cải tạo, tôn tạo, công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ khu di sản văn hóa vật thể)	Từ 02 ha đất trở lên của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; từ 10 ha của khu di sản thế giới hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia
9	Dự án nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và lấn biển	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Bộ Tài nguyên và Môi trường
IV.	Dự án quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
10	Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; Dự án có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước với công suất từ 3.000 m ³ /ngày đêm trở lên.	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
11	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Từ 10.000 người ở miền núi hoặc từ 20.000 người ở các vùng khác trở lên
V.	Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất	
12	Dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ (sản xuất, xử lý chất thải) của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động; dự án đầu tư mở rộng quy mô của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động	Có tổng quy mô, công suất (tính tổng cả phần cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và phần mở rộng nâng công suất) tới mức tương đương với dự án tại Phụ lục này.

Phụ lục 7b

Danh mục các dự án đầu tư Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục 7a ban hành kèm theo Nghị định này

STT	Dự án đầu tư	Công suất/ mức độ nhạy cảm môi trường/ thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại cột 4 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này	Tất cả
2	Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, trừ các dự án quy định tại Phụ lục 7a ban hành kèm theo Nghị định này	Tất cả
3	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ quy định tại cột 5 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này	Có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 6 Error! Reference source not found. Nghị định này
4	Dự án nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm c và điểm đ khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
5	- Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình; - Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.	- Từ 50 ha đến dưới 100 ha; - Tất cả.

6	Dự án có yêu cầu sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng, vùng đất ngập nước quan trọng, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên	Dưới 01 ha đối với khu bảo tồn thiên nhiên, 03 ha đối với rừng tự nhiên, 20 ha rừng phòng hộ, 01 ha vùng lõi và 10 ha đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên trở xuống; dưới 20 ha đất trồng lúa
7	Dự án nằm trong hoặc có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản văn hóa vật thể đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, cải tạo, tôn tạo, công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ khu di sản văn hóa vật thể)	Dưới 02 ha của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; dưới 10 ha của khu di sản thế giới hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia
8	Dự án nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và lấn biển	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
III	Dự án đầu tư quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
9	Dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Dự án có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước với công suất từ 500 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm.	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Từ 1.000 người đến dưới 10.000 người ở miền núi; từ 2.000 người đến dưới 20.000 người đối với vùng khác.
IV	Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất	
11	Dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ (sản xuất, xử lý chất thải) của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động; dự án đầu tư mở rộng quy mô của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động	Có tổng quy mô, công suất (tính tổng cả phần cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và phần mở rộng nâng công suất) tới mức tương đương với dự án tại Phụ lục này.

Phụ lục 7c

Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục 7a và Phụ lục 7b ban hành kèm theo Nghị định này

STT	Dự án đầu tư	Tính chất môi trường của dự án
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ quy định tại cột 5 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này	Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
2	Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải được quy định như sau:	
	- Nước thải, bụi, khí thải phát sinh phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc được xử lý bằng các công trình thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định của pháp luật và quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương; trường hợp dự án nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc nằm trong cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải thì phải xử lý theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đó.	Nước thải, bụi, khí thải (nếu có) nếu không xử lý thì vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định hoặc vượt tiêu chuẩn quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.
	- Có phát sinh chất thải nguy hại (từ 600 kg/năm trở lên) và chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường hàng ngày (nếu có)	Tổng khối lượng chất thải phát sinh từ 300 kg/ngày trở lên.

Phụ lục 8. Mẫu biên bản họp tham vấn cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án:

Thời gian họp: ngày tháng năm

Địa chỉ nơi họp:

1. Thành phần tham dự:**1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp.****1.2. Chủ dự án là đồng chủ trì phiên họp.****1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).****1.4. Đại biểu tham dự: đại diện của Ủy ban mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản.**

Lưu ý: Lập bảng danh sách ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký của những người tham dự.

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp: (Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của cuộc họp, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia cuộc họp tham vấn cộng đồng)**2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự.****2.2. Chủ dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án gồm các nội dung của dự án, các tác động tích cực và tiêu cực của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, các biện pháp giảm thiểu.****2.3. Thảo luận, trao đổi giữa cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp với chủ dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã về các vấn đề mà chủ dự án đã trình bày tại cuộc họp.**

Lưu ý: Ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi, thảo luận, phản hồi, kiến nghị của đại diện cộng đồng dân cư, phản hồi của chủ dự án.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp**ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ***(Ký, ghi họ tên)***ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN***(Ký, ghi họ tên)*

Phụ lục 9. Mẫu phiếu lấy ý kiến tham vấn

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v xin ý kiến tham vấn
 cộng đồng về nội dung
 báo cáo đánh giá tác
 động môi trường của dự
 án (2)

Kính gửi: (3)

(1) Là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải tham vấn ý kiến cộng đồng quy định tại khoản... Điều ... Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Chúng tôi tham vấn ý kiến (3) các nội dung như sau:

Tên của (1):

Địa điểm thực hiện của (2):

Thông tin liên hệ của (1): Địa chỉ: ...; Điện thoại: ...; Fax:; E-mail: ...

I. MÔ TẢ VỀ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

1.1. Thông tin chung về dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án):

- Quy mô; công suất; loại hình dự án; và sơ bộ về công nghệ.
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

1.2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án: Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án.

1.3. Các hạng mục công trình của dự án

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.
- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải; bưu chính viễn thông; cung cấp điện; cung cấp nước; giải phóng mặt bằng;...

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

1.4. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

- Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án trong thời gian ít nhất 02 năm gần nhất, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải của dự án.

- Làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải (nếu có) của dự án.

1.5. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn của dự án

1.5.1. Dự báo tác động môi trường

- Dự báo các tác động trong giai đoạn xây dựng: dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường của giai đoạn, trong đó tập trung vào các hoạt động chính như: vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án); vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng); làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước, ...).

- Dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động: tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác).

1.5.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả dự báo các tác động tại Mục 5.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và tải lượng ô nhiễm lớn nhất) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải: mô tả sơ bộ về các công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác.

Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải: thực hiện như đối với nước thải.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên

tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện như đối với nước thải.

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt): Thực hiện như đối với nước thải.

e) Liệt kê các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

1.6. Cam kết của chủ dự án, cơ sở

- Các cam kết về thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Cam kết về tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo đảm kinh tế, xã hội, hỗ trợ hạ tầng, đời sống dân cư tại địa phương (nếu có)

II. Ý KIẾN CỦA (3) VỀ VIỆC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

2.1. Ý kiến về các tác động môi trường của dự án:

Phù hợp Không/chưa phù hợp, nhận xét:

.....

2.2. Ý kiến về các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động, BVMT của dự án:

Phù hợp Không/chưa phù hợp, nhận xét:

.....

2.3. Các ý kiến khác và kiến nghị đối với chủ dự án:

.....

Ghi chú:

(1) Chủ dự án

(2) Tên đầy đủ của dự án;

(3) Các nhân, hộ gia đình được xin ý kiến tham vấn.

Phụ lục 10. Mẫu văn bản phản hồi của đối tượng được tham vấn bằng văn bản

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v ý kiến tham vấn về
dự án (2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét tài liệu này, (1) có ý kiến như sau:

1. Về các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.

3. Kiến nghị đối với chủ dự án: nêu cụ thể các yêu cầu, kiến nghị của cộng đồng đối với chủ dự án về:

- Sự cần thiết phải thay đổi nội dung gì của dự án;
- Các biện pháp, giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường;
- Các kiến nghị khác có liên quan đến dự án (nếu có).

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Chủ dự án;
- (4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

Phụ lục 11. Mẫu văn bản đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2021 của Chính phủ về.....

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số:...../GPMT-..... ngày.... tháng....năm..... (chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường).

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ:.....

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....; Email:.....

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại khi đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường thì nêu bổ sung các Mục 6, 7, 8, 9 và 10 dưới đây):

6. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng Trạm):

- Tên (nếu có):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

(Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì ghi rõ là trạm trung chuyển chất thải nguy hại đã được cấp phép hay đăng ký cấp phép bổ sung).

7. Địa bàn hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi “toàn bộ vùng” (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký cấp phép thay đổi, bổ sung)

8. Danh sách phương tiện, thiết bị đăng ký cho lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên công trình, phương tiện, thiết bị	Số lượng	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường liên quan đến thay đổi, bổ sung các công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký cấp phép thay đổi, bổ sung)

9. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trung ương tiêu chuẩn, quy chuẩn)

						nào)
	Tổng số lượng					

(Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường liên quan đến thay đổi, bổ sung khối lượng, mã chất thải nguy hại thì phân biệt rõ khối lượng, mã chất thải nguy hại đã được cấp phép và đăng ký cấp điều chỉnh).

10. Đề nghị cấp lại giấy phép môi trường với lý do sau:

a)

b)

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, khi đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường thì nêu bổ sung Mục 11 dưới đây):

11. Khối lượng phế liệu đề nghị nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trong thời hạn của Giấy phép (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
....			

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Bảy (07) bản báo cáo đề xuất cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2).

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của (2) (*chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*);

- Bảy (07) bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2), kèm 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2) đã được phê duyệt theo quy định (*trừ trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*).

- Một (01) bộ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

- Một (01) văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Một (01) bản vẽ thiết kế kỹ thuật của công trình xử lý chất thải hoặc công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường dự kiến triển khai xây dựng (nếu có) (đối với trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở);

- Một (01) bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (trong trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất);

- Các văn bản liên quan đến nội dung quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường (chỉ gửi trong trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại và các cơ sở đã được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại trước thời điểm Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành);

- Một (01) Văn bản xác nhận ký quỹ bảo vệ môi trường của tổ chức tiếp nhận ký quỹ (trong trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có bãi chôn lấp chất thải hoặc khai thác khoáng sản).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, kiểm tra và cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

Lưu ý: Trường hợp đề nghị cấp giấy phép môi trường cho từng giai đoạn đầu tư của dự án, từng công trình, hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở hoặc thuộc trường hợp cấp điều chỉnh, cấp lại thì chủ dự án đầu tư, cơ sở điều chỉnh nội dung văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường cho phù hợp.

Phụ lục 12. ấu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

<p>Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư</p> <p>(1)</p>	
<p>BÁO CÁO ĐỀ XUẤT</p> <p>CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</p> <p>của dự án đầu tư (2)</p>	
<p>CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ(*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>	<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>
<p><i>Địa danh (**), tháng ... năm ...</i></p>	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án đầu tư

1.1. Thông tin chung về dự án đầu tư, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án đầu tư với các dự án khác và quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư.

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp (gọi chung là khu công nghiệp) thì phải nêu rõ tên của khu công nghiệp và thuyết minh rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng. Đính kèm bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

2. Căn cứ pháp lý và tài liệu kỹ thuật phục vụ lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.

3. Tổ chức thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Tóm tắt việc tổ chức thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ dự án, đơn vị tư vấn kèm theo danh sách (có chữ ký) của những người tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án đầu tư:

- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư.

2. Thông tin về dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án đầu tư.
- Loại hình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư. Đối với khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, phải nêu rõ các ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung.
- Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

2.1. Nêu đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án gồm:

2.1.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

- Liệt kê các hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án đầu tư; dây chuyền sản xuất sản phẩm chính kèm theo quy mô, công suất, công nghệ sản xuất.
- Liệt kê các hạng mục công trình phụ trợ của dự án đầu tư.
- Liệt kê các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án đầu tư đề xuất thực hiện.

Bảng.... Danh mục các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Hạng mục công trình chính/dây chuyền sản xuất chính của dự án		Hạng mục công trình phụ trợ của dự án (nếu có)		Chung cho cả dự án	Ghi chú (*)
		Quy mô	Công suất	Quy mô	Công suất		
I	Công trình xử lý nước thải sản xuất (nếu có)						
I.1	Công trình số 1						

...						
II	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (nếu có)						
II.1	Công trình số 1						
...						
III	Công trình xử lý bụi, khí thải (nếu có)						
III.1	Công trình số 1						
...						
IV	Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
IV.1	Công trình số 1						
...						
V	Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án						

	(nếu có)						
V.1	Công trình số 1						
...						

(*) Ghi chú: Làm rõ môi trường tiếp nhận nước thải; công trình sẵn có để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; việc đầu nối nước thải để xử lý (nếu có) trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung do đơn vị khác quản lý, vận hành.

Bảng.... Danh mục các công trình bảo vệ môi trường khác

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô từng công trình	Ghi chú
1	Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)			
2	Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)			
3	Công trình lưu giữ chất thải nguy hại (nếu có)			
4	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (nếu có)			
5	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải (nếu có)			
6	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có)			

7	Các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)			
---	--	--	--	--

2.1.2. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án đầu tư

Liệt kê và tổng hợp vào bảng các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng (tên thương mại, thành phần các chất hóa học); nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm chính, sản phẩm phụ của dự án đầu tư.

2.1.3. Công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư.

Mô tả chi tiết về công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư, cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

2.1.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án đầu tư.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (không bắt buộc thực hiện đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường).

- Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về các điều kiện tự nhiên khu vực triển khai dự án, gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 02 năm gần nhất.

- Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực dự án, gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án đầu tư

2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

2.1.1. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

- Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án;

- Khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất (nếu có);

danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án

(Dữ liệu về tài nguyên sinh vật không bắt buộc đối với dự án trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường).

2.1.2. Trường hợp nước thải của dự án đầu tư xả vào nguồn nước, phải báo cáo bổ sung các nội dung sau đây:

2.1.2.1. Mô tả đặc trưng nguồn nước tiếp nhận:

a) Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

Mô tả các yếu tố tự nhiên liên quan đến điều kiện nguồn nước tại khu vực tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

- Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.
- Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.
- Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước:

- Diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là sông, suối*).

- Chế độ hải văn (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là biển*).

- Chế độ, diễn biến mực nước hồ (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao*).

b) Chất lượng nguồn nước tiếp nhận:

- Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải (*màu sắc, mùi, sự phát triển của thủy sinh vật, các hiện tượng bất thường khác*).

- Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

2.1.2.2. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (*nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến xả nước thải*).

2.1.2.3. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày các hoạt động xả nước thải khác cùng xả vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

- Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (*vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải*).

- Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (*hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải*).

2.1.2.4. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận; chế độ sử dụng nước phục vụ cho tưới tiêu;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác;

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

Đánh giá theo mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã xác định ở trên vào thời kỳ kiệt nhất trong năm, vào thời điểm xả nước thải với lưu lượng thường xuyên và lớn nhất.

2.1.2.5. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí.

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án; đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Trường hợp nước thải của dự án đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thì không cần đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt, trầm tích. Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường hoặc dự án sử dụng mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm (nếu có).

3. Khoảng cách an toàn về môi trường của dự án đầu tư.

Phần này nêu rõ khoảng cách an toàn của dự án đầu tư tới các thành phần môi trường, khu dân cư, đảm bảo phải phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nguyên tắc chung:

- Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, từng đối tượng bị tác động. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện phải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với từng tác động đã được đánh giá.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động (nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) phải đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới.

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất,...;
- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;
- Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng;
- Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

Yêu cầu: Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

- Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của

khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động:

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào 02 giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, với các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác, tiếng ồn, độ rung,...). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về tải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc sức chịu tải của môi trường tiếp nhận (nếu có).

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 2.1, hiện trạng và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước tại Mục 2.2 nêu trên, chủ dự án đầu tư phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc dự thảo thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là dự thảo bản vẽ thiết kế). Chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo.

- Đề xuất vị trí, các thông số quan trắc của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định của pháp luật).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo);

- Đề xuất vị trí, thông số quan trắc của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định của pháp luật).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo).

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải xây dựng, lắp đặt theo quy định của pháp luật):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục II của báo cáo).

đ) Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy

của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn còn hạn chế của đội ngũ cán bộ trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; các nguyên nhân khác).

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án đầu tư

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương I, III và IV dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Thi							

công xây dựng							
Vận hành thử nghiệm							
Vận hành thương mại							

2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công xây dựng; (2) Vận hành thử nghiệm và (3) Dự kiến khi vận hành thương mại, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải trước và sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh; phải phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...

- Giám sát tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án đầu tư có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở, bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

CHƯƠNG VI

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận: Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án đầu tư và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị: Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án đầu tư.

3. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC I

Đính kèm trong Phụ lục I của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là các loại tài liệu sau đây: Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến chủ dự án, dự án đầu tư; các phiếu kết quả phân tích môi trường nên đã thực hiện; các hình ảnh liên quan đến khu vực thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

PHỤ LỤC II

Đính kèm trong Phụ lục II của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xử lý chất thải, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (đối với các dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước); công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

Ghi chú: Tùy theo từng dự án cụ thể, nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường có thể được bổ sung thêm các nội dung đặc thù hoặc lược bỏ những nội dung không cần thiết, không liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư nhưng vẫn phải bảo đảm các nội dung chính và yêu cầu của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nêu trên.

Phụ lục 13. Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

<p>Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư</p> <p>(1)</p>	
<p>BÁO CÁO ĐỀ XUẤT</p> <p>CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</p> <p>của dự án đầu tư (2)</p>	
<p>CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ(*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>	<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>
<p><i>Địa danh (**), tháng ... năm ...</i></p>	

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư;
- (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án đầu tư

1.1. Thông tin chung về dự án đầu tư, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án đầu tư với các dự án khác và quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư.

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp (gọi chung là khu công nghiệp) thì phải nêu rõ tên của khu công nghiệp và thuyết minh rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng. Đính kèm bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

2. Căn cứ pháp lý và tài liệu kỹ thuật phục vụ lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.

3. Tổ chức thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Tóm tắt việc tổ chức thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ dự án, đơn vị tư vấn kèm theo danh sách (có chữ ký) của những người tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án đầu tư:
- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư.

2. Thông tin về dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án đầu tư.
- Loại hình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư. Đối với khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, phải nêu rõ các ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung.

- Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

2.1. Nêu đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án gồm:

2.1.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

- Liệt kê các hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án đầu tư; dây chuyền sản xuất sản phẩm chính kèm theo quy mô, công suất, công nghệ sản xuất.
- Liệt kê các hạng mục công trình phụ trợ của dự án đầu tư.
- Liệt kê các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án đầu tư đề xuất thực hiện.

Bảng.... Danh mục các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Hạng mục công trình chính/dây chuyền sản xuất chính của dự án		Hạng mục công trình phụ trợ của dự án (nếu có)		Chung cho cả dự án	Ghi chú (*)
		Quy mô	Công suất	Quy mô	Công suất		
I	Công trình xử lý nước thải sản xuất (nếu có)						
I.1	Công trình số 1						

...						
II	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (nếu có)						
II.1	Công trình số 1						
...						
III	Công trình xử lý bụi, khí thải (nếu có)						
III.1	Công trình số 1						
...						
IV	Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
IV.1	Công trình số 1						
...						
V	Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án						

	(nếu có)						
V.1	Công trình số 1						
...						

(*) Ghi chú: Làm rõ môi trường tiếp nhận nước thải; công trình sẵn có để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; việc đầu nối nước thải để xử lý (nếu có) trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung do đơn vị khác quản lý, vận hành.

Bảng.... Danh mục các công trình bảo vệ môi trường khác

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô từng công trình	Ghi chú
1	Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)			
2	Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)			
3	Công trình lưu giữ chất thải nguy hại (nếu có)			
4	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (nếu có)			
5	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải (nếu có)			
6	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có)			

7	Các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)			
---	--	--	--	--

2.1.2. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án đầu tư

Liệt kê và tổng hợp vào bảng các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng (tên thương mại, thành phần các chất hóa học); nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm chính, sản phẩm phụ của dự án đầu tư.

2.1.3. Công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư.

Mô tả chi tiết về công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư, cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

2.1.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án đầu tư.

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

1.1. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án.

1.2. Trường hợp nước thải của dự án đầu tư xả vào nguồn nước, phải báo cáo bổ sung các nội dung sau đây:

1.2.1. Mô tả đặc trưng nguồn nước tiếp nhận:

a) Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

Mô tả các yếu tố tự nhiên liên quan đến điều kiện nguồn nước tại khu vực tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

- Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.
- Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.
- Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước:
 - Diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là sông, suối*).
 - Chế độ hải văn (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là biển*).
 - Chế độ, diễn biến mực nước hồ (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là hồ*,

ao).

b) Chất lượng nguồn nước tiếp nhận:

- Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải (*màu sắc, mùi, sự phát triển của thủy sinh vật, các hiện tượng bất thường khác*).

- Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

1.2.2. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (*nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến xả nước thải*).

1.2.3. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày các hoạt động xả nước thải khác cùng xả vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

- Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (*vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải*).

- Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (*hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải*).

1.2.4. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận; chế độ sử dụng nước phục vụ cho tưới tiêu;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh;

- Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác;

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước².

Đánh giá theo mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã xác định ở trên vào thời kỳ kiệt nhất trong năm, vào thời điểm xả nước thải với lưu lượng thường xuyên và lớn nhất.

1.2.5. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

1.3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí.

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc

đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án; đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Trường hợp nước thải của dự án đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thì không cần đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt. Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường.

2. Khoảng cách an toàn về môi trường của dự án đầu tư.

Phần này nêu rõ khoảng cách an toàn của dự án đầu tư tới các thành phần môi trường, khu dân cư, đảm bảo phải phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nguyên tắc chung:

- Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, từng đối tượng bị tác động. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện phải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với từng tác động đã được đánh giá.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động (nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) phải đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới.

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất,...;
- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;
- Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng;

- Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

Yêu cầu: Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải cần cụ thể hóa về tải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

- Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động:

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào 02 giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, với các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác, tiếng ồn, độ rung,...). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về tải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc sức chịu tải của môi trường tiếp nhận (nếu có).

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh

lớn nhất từ hoạt động của dự án.

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 2.1, hiện trạng và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước tại Mục 2.2 nêu trên, chủ dự án đầu tư phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc dự thảo thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là dự thảo bản vẽ thiết kế). Chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo.

- Đề xuất vị trí, các thông số quan trắc của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định của pháp luật).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo);

- Đề xuất vị trí, thông số quan trắc của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định của pháp luật).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục II báo cáo).

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải xây dựng, lắp đặt theo quy định của pháp luật):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại

Phụ lục II của báo cáo).

đ) Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.
- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn còn hạn chế của đội ngũ cán bộ trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; các nguyên nhân khác).

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng

ồn, độ rung.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án đầu tư

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương I, III và IV dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Thi công xây dựng							
Vận hành thử nghiệm							
Vận hành thương mại							

2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công xây dựng; (2) Vận hành thử nghiệm và (3) Dự kiến khi vận hành thương mại, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải trước và sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của

các nguồn khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh; phải phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...

- Giám sát tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án đầu tư có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở, bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

CHƯƠNG VI

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận: Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án đầu tư và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị: Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án đầu tư.

3. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC I

Đính kèm trong Phụ lục I của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là các loại tài liệu sau đây: Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến chủ dự án, dự án đầu tư; các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện; các hình ảnh liên quan đến khu vực thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ

1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

PHỤ LỤC II

Đính kèm trong Phụ lục II của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xử lý chất thải, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (đối với các dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước); công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

Phụ lục 14. Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc của cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

<p>Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư, cơ sở</p> <p>(1)</p>	
<p>BÁO CÁO ĐỀ XUẤT</p> <p>CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</p> <p>của dự án đầu tư, cơ sở (2)</p>	
<p>CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>	<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>
<p><i>Địa danh (**), tháng ... năm ...</i></p>	

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư, cơ sở;
 - (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư, cơ sở hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư, cơ sở.
2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

CHƯƠNG I

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

1. Thông tin chung về chủ dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư, cơ sở:.....

2. Thông tin về dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở (theo tên dự án đầu tư nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt).
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở:.....
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, cơ sở.....
- Loại hình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở. Đối với khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, phải nêu rõ các ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung.
- Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

2.1. Nêu đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án, cơ sở gồm:

2.1.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở:

- Liệt kê các hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án đầu tư, cơ sở; dây chuyền sản xuất sản phẩm chính kèm theo quy mô, công suất, công nghệ sản xuất. (Đối với cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, cần mô tả chi tiết công đoạn sản xuất có sử dụng phế liệu (công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu)).
- Liệt kê các hạng mục công trình phụ trợ của dự án đầu tư, cơ sở.
- Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ từng công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại; số lượng, vị trí, quy mô các trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn thu gom chất thải nguy hại; nhóm và mã chất thải nguy hại được phép thu gom, xử lý.
- Liệt kê các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự

án đầu tư, cơ sở.

Bảng.... Danh mục các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Hạng mục công trình chính/dây chuyền sản xuất chính của dự án		Hạng mục công trình phụ trợ của dự án (nếu có)		Chung cho cả dự án	Ghi chú (*)
		Quy mô	Công suất	Quy mô	Công suất		
I	Công trình xử lý nước thải sản xuất (nếu có)						
I.1	Công trình số 1						
...						
II	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (nếu có)						
II.1	Công trình số 1						
...						
III	Công trình xử lý bụi, khí thải (nếu có)						
III.1	Công trình số 1						
...						
IV	Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp						

	thông thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
IV.1	Công trình số 1						
...						
V	Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
V.1	Công trình số 1						
...						

(*) Ghi chú: Làm rõ môi trường tiếp nhận nước thải; công trình sẵn có để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; việc đấu nối nước thải để xử lý (nếu có) trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung do đơn vị khác quản lý, vận hành.

Bảng.... Danh mục các công trình bảo vệ môi trường khác

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô từng công trình	Ghi chú
1	Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)			
2	Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)			
3	Công trình lưu giữ			

	chất thải nguy hại (nếu có)			
4	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (nếu có)			
5	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải (nếu có)			
6	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có)			
7	Các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)			

2.1.2. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư, cơ sở; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở

Liệt kê và tổng hợp vào bảng các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng (tên thương mại, thành phần các chất hóa học); nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm chính, sản phẩm phụ của dự án đầu tư, cơ sở.

2.1.3. Công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư, cơ sở.

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án đầu tư, cơ sở kèm theo sơ đồ minh họa.

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất thì báo cáo thêm mục 2.1.4 sau đây)

2.1.4. Các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

2.1.4.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở trong trường hợp đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở.

2.1.4.2. Mô tả chi tiết công suất; nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đảm bảo khối lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, công suất thiết kế/ công suất thực tế của dự án đầu tư, cơ sở.

2.1.4.3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:

a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: Loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích chất thải đi kèm phế liệu (nếu có).

b) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau: Tên phế liệu; loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu; mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu; kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu; những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu; mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

2.1.4.4. Các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu:

a) Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu: Tình trạng kho; tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu; nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu; sự đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có; phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: Tình trạng bãi; tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu; nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu; sự đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có; phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau: Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu; khu vực lưu giữ chất thải phát sinh; phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại); phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất; các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

2.1.4.5. Phương án xử lý, tiêu hủy đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

a) Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.

- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.

- Dự kiến tỷ lệ sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

b) Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

2.1.4.6. Tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (*chỉ báo cáo trong trường hợp đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động, nếu có*)

a) Tình hình nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Khối lượng, chủng loại phế liệu đã nhập khẩu;
- Khối lượng, chủng loại phế liệu đã sử dụng phục vụ quá trình sản xuất; khối lượng còn tồn lưu đến thời điểm báo cáo;
- Khối lượng sản phẩm đã sản xuất được từ phế liệu nhập khẩu; tỷ lệ sử dụng phế liệu nhập khẩu vào quy trình sản xuất.

b) Đánh giá nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu nhập khẩu; sự đáp ứng về khối lượng, chất lượng phế liệu trong nước có thể sử dụng để thay thế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; kế hoạch triển khai thực hiện của cơ sở.

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thực hiện phá dỡ tàu biển nhập khẩu đã qua sử dụng thì báo cáo thêm mục 2.1.5 sau đây)

2.1.5. Điều kiện của cơ sở thực hiện phá dỡ tàu biển nhập khẩu đã qua sử dụng.

Mô tả hạ tầng kỹ thuật chi tiết để thực hiện hoạt động phá dỡ tàu biển bao gồm:

- Khu vực và thiết bị phá dỡ tàu biển chuyên dụng phù hợp với từng chủng loại và tải trọng tàu, bảo đảm không để rò rỉ, phát tán các chất thải chưa qua xử lý, quản lý ra bên ngoài khu vực phá dỡ gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí.

- Khu vực lưu giữ vật liệu, thiết bị sau khi phá dỡ có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng vật liệu, thiết bị cao nhất theo tính toán. Trường hợp sử dụng bãi lưu giữ phải có hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Mô tả các biện pháp quản lý chất thải và phế liệu trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng căn cứ các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định này, cụ thể:

+ Thu gom nhiên liệu, dầu, nước đáy tàu, nước dằn tàu, chất lỏng khác và các vật liệu có khả năng gây cháy, nổ; các biện pháp thông gió, cấp đủ dưỡng khí cho các không gian kín trên tàu (như khoang chứa hàng, đáy đôi, bồn két chứa) để bảo đảm điều kiện làm việc an toàn.

+ Thông tin chi tiết về phương án bóc tách, xử lý sơ bộ, xử lý/ chuyển giao xử lý các chất thải đặc thù phát sinh trong quá trình phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (amiăng, PCBs, vật liệu phi kim, nguồn phóng xạ/ chất thải phóng xạ...).

- Thông tin sơ bộ về phương án thu gom, phân loại, chuyển giao phế liệu thu được từ hoạt động phá dỡ tàu biển.

CHƯƠNG II

CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

1. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (hoặc của công trình, hạng mục công trình, phân kỳ đầu tư của dự án).

1.1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của hệ thống thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa.

(Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo đầy đủ nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp dẫn về công trình xử lý nước thải.

- Hệ thống thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải.

- Nêu rõ đặc trưng, tính chất ô nhiễm của từng dòng nước thải trước khi được xử lý theo quy định.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí dự kiến hoặc xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nổi nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên.

(Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo đầy đủ nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.1.3. Công trình xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải (làm rõ tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng (làm rõ tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng) theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý nước thải cho các công đoạn, dây chuyền sản xuất nào của dự án đầu tư, cơ sở); quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo đầy đủ nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

Đối với cơ sở chưa có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định thì báo cáo bổ sung các Mục 1.1.3.1 và 1.1.3.2 sau đây:

1.1.3.1. Đặc trưng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

A) Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải:

Mô tả các yếu tố tự nhiên liên quan đến điều kiện nguồn nước tại khu vực tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.
2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.
3. Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước.

a) Diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là sông, suối*).

b) Chế độ hải văn (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là biển*).

c) Chế độ, diễn biến mực nước hồ (*trường hợp nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao*).

B) Chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

1. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải (*màu sắc, mùi, sự phát triển của thủy sinh vật, các hiện tượng bất thường khác*).

2. Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

C) Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (*nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến hoặc vị trí xả nước thải*).

D) Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải:

Trình bày các hoạt động xả nước thải khác cùng xả vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

1. Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (*vị trí, khoảng cách đến vị trí dự kiến hoặc vị trí xả nước thải*).

2. Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (*hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải*).

1.1.3.2. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước:

A) Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận.

B) Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

C) Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh

D) Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.

Đ) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước²

Đánh giá theo mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã xác định ở trên vào thời kỳ kiệt nhất trong năm, vào thời điểm xả nước thải với lưu lượng thường xuyên và lớn nhất.

(Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo đầy đủ nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý bụi, khí thải (làm rõ tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng) theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý khí thải cho công trình, công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của dự án đầu tư, cơ sở); quy mô, công

suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có) kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống (đính kèm Phụ lục báo cáo); kết quả kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát (nếu có).

(Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trạm trung chuyển chất thải nguy hại, phải báo cáo đầy đủ nội dung này cho từng trạm trung chuyển chất thải nguy hại).

1.3. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư, cơ sở theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành. Việc đầu tư công trình riêng để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, đồng thời phải đáp ứng các quy định về quy hoạch xử lý chất thải có liên quan.

1.4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải nguy hại, bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư, cơ sở theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành. Việc đầu tư công trình riêng để xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, đồng thời phải đáp ứng các quy định về quy hoạch xử lý chất thải nguy hại có liên quan.

1.5. Công trình không liên quan đến chất thải:

- Mô tả các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư, cơ sở.
- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư, cơ sở.

- Cam kết về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

1.6. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định này thì nêu chi tiết kế hoạch tại mục này.

1.7. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Trường hợp công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải là các công trình, thiết bị được lắp đặt đồng bộ với công trình xử lý bụi, khí thải hoặc đồng bộ với dây chuyền sản xuất thì phải báo cáo chi tiết quy trình ứng phó sự cố.

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

1.8. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Mô tả chi tiết từng công trình bảo vệ môi trường khác theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở.

2. Nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học đã được phê duyệt trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư.

2.1. Về lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học

(Nêu đầy đủ các phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt)

2.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học

(Nêu đầy đủ các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác

động môi trường đã được phê duyệt)

2.3. Về kế hoạch thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học

(Nêu đầy đủ, chính xác về kế hoạch thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt)

2.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học

(Nêu đầy đủ, chính xác về kinh phí, thời điểm ký quỹ, đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung bồi hoàn đa dạng sinh học đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt)

3. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Phần này nêu rõ các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định này.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Ngoài những nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 Chương này (nếu có), liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý, số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, địa bàn hoạt động đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư, cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Ngoài những nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 Chương này (nếu có). Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với dự án đầu tư, cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

CHƯƠNG IV

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

Phần này nêu rõ tình hình chấp hành pháp luật của dự án đầu tư, cơ sở trong quá trình xây dựng dự án hoặc trong quá trình hoạt động trước thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường. Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ nội dung vi phạm; quyết định, bản án liên quan đến xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền, tình hình chấp hành quyết định, bản án xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có).

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở các công trình xử lý chất thải, các công trình bảo vệ môi trường khác và loại hình hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở, chủ dự án đầu tư, cơ sở đề xuất chương trình giám sát môi trường trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó:

1. Giám sát nước thải: bao gồm giám sát tự động, liên tục (nếu có) và giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2. Giám sát bụi, khí thải: bao gồm giám sát tự động, liên tục (nếu có) và giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

3. Giám sát tiếng ồn, độ rung: bao gồm giám sát định kỳ các nội dung: vị trí,

tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

4. Giám sát môi trường không khí xung quanh: giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (chỉ áp dụng đối với các cơ sở phát sinh bụi, khí thải dạng diện như: các loại hình khai thác khoáng sản trên đất liền; cơ sở có phát sinh hoặc nguy cơ phát sinh phóng xạ).

5. Giám sát môi trường nước mặt: quan trắc định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (chỉ áp dụng đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở có hạng mục cảng sông, cảng biển).

6. Giám sát trượt lở, xói mòn (nếu có).

7. Cam kết về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

8. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

CHƯƠNG VI

KẾT LUẬN VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Phần này nêu rõ những cam kết về tính trung thực, chính xác của nội dung báo cáo, các hồ sơ tài liệu được nêu, trích dẫn trong báo cáo. Cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về trong trường hợp báo cáo không đúng sự thật.

PHỤ LỤC

Tùy loại hình hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở, nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường mà Phụ lục báo cáo có thể bao gồm các tài liệu sau:

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, cơ sở theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu chất thải trong thời hạn 03 tháng trước thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc kết quả phân tích chất thải

đi kèm phé liệu (nếu có) của cơ sở;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (nếu có);

- Kết luận kiểm tra, thanh tra; quyết định xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có); các văn bản chứng minh việc đã khắc phục hậu quả vi phạm, chấp hành quyết định xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất (nếu có);

- Văn bản phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (nếu có);

- Các hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng, vận chuyển, xử lý; hồ sơ năng lực của đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải (nếu có);

- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Bản đồ hiện trạng của dự án đầu tư, cơ sở (lĩnh vực khai thác khoáng sản).

Phụ lục 2:

*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (đối với cơ sở phá dỡ tàu biển).

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng đối với hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phá dỡ tàu biển (nếu có);

- Phương án bảo vệ môi trường đối với từng loại tàu biển được phép phá dỡ, kiểm soát các yếu tố nguy hại và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình phá dỡ tàu biển đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Giấy chứng nhận đạt ISO 14001 (nếu có).

Phụ lục 3:

*** Đối với cơ sở nhập khẩu phé liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Bản sao hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phé liệu nhập khẩu, chất thải phát sinh), nếu có;

- Giấy chứng nhận đạt ISO 14001 (nếu có).

Phụ lục 4:*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

Phụ lục 4.1: Hồ sơ pháp lý đối với trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có), gồm:

- Các giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê địa điểm làm trạm trung chuyển chất thải nguy hại.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư; bản sao kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho dự án đầu tư các hạng mục công trình phục vụ hoạt động lưu giữ chất thải nguy hại tại trạm trung chuyển chất thải nguy hại (trong trường hợp các hồ sơ, giấy tờ không được nộp kèm theo thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường).

Phụ lục 4.2: Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý chất thải và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có); các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở xử lý và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có).

Phụ lục 4.3: Báo cáo về Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ chất thải (nếu có).

- Bảng giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc quản lý chất thải:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
1	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý chất thải nguy hại (bao gồm tại cơ sở xử lý và trạm trung chuyển chất thải nguy hại (nếu có))			
				(thuộc cơ sở xử lý hoặc trạm trung chuyển chất thải nguy hại)
2	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý CTRSH (nếu có)			
3	Các phương tiện, thiết bị đã đầu tư cho việc xử lý CTRCNTT (nếu có)			

4.3.1. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý chất thải nguy hại

4.3.1.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị):

4.3.1.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay trạm trung chuyển

chất thải nguy hại)

4.3.1.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.3.1.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất các loại chất thải nguy hại có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.3.1.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

4.3.1.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.3.1.2. Hồ sơ kỹ thuật của... (trình bày tương tự như Mục 4.3.1.1)

4.3.2. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý CTRSH (nếu có)

4.3.2.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị)

4.3.2.1.1. Chức năng

4.3.2.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.3.2.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất chất thải có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.3.2.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

4.3.2.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.3.2.2. Hồ sơ kỹ thuật của... (trình bày tương tự như Mục 4.3.2.1)

4.3.3. Hồ sơ kỹ thuật của phương tiện/thiết bị cho xử lý CTRCNTT (nếu có)

4.3.3.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị)

4.3.3.1.1. Chức năng

4.3.3.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

4.3.3.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất chất thải có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

4.3.3.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

4.3.3.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

4.3.3.2. Hồ sơ kỹ thuật của... (trình bày tương tự như Mục 4.3.3.1)

Lưu ý: Trường hợp các phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại dùng chung để xử lý cả CTRSH và CTRCNTT thì chỉ mô tả một lần.

Phụ lục 4.4: Các ảnh chụp, bản vẽ, giấy tờ, hợp đồng (bàn giao phương tiện

không chính chủ) kèm theo các phương tiện, thiết bị (sắp xếp thành từng bộ đối với mỗi phương tiện, thiết bị), (nếu có).

(Hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ gồm các nội dung chính sau: Thông tin của hai bên ký kết; số đăng ký và các thông tin khác của phương tiện; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển liên quan đến quá trình vận chuyển chất thải nguy hại; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

Phụ lục 4.5 (nếu có):

4.5.1. Hồ sơ nhân lực

4.5.2. Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở

4.5.3. Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên (nêu toàn bộ những người tham gia hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về quản lý CTNH và bảo vệ môi trường)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm	Chức vụ	Nhiệm vụ

4.5.4. Đính kèm Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của những cán bộ, công nhân viên có yêu cầu bắt buộc.

Phụ lục 4.6: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị (nếu có)

4.6.1. Quy trình vận hành an toàn của (tên phương tiện/thiết bị)

4.6.1.1. Mục tiêu

4.6.1.2. Phạm vi áp dụng

4.6.1.3. Nội dung thực hiện

- Chuẩn bị vận hành
- Xác định nguy cơ/rủi ro
- Trang bị bảo hộ lao động
- Dụng cụ, thiết bị cần thiết
- Quy trình, thao tác vận hành chuẩn
- Kết thúc vận hành

4.6.1.4. Quy trình và tần suất bảo trì

4.6.2. Quy trình vận hành an toàn của... (trình bày tương tự Mục 4.6.1)

Phụ lục 4.7: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành an toàn của các phương tiện/thiết bị (phải ghi chú vị trí đặt bản), (nếu có).

Phụ lục 4.8: Báo cáo về Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các trạm trung chuyển), (nếu có).

Phụ lục 4.9: Giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý (nếu có).

4.9.1. Giám sát vận hành xử lý chất thải:

Giám sát vận hành xử lý chất thải (ví dụ: Nhiệt độ, lượng ôxi, tốc độ nạp chất thải nguy hại, công suất xử lý,...)

4.9.2. Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải (ví dụ: Các thành phần nguy hại, tính chất nguy hại của sản phẩm tái chế, tận thu và chất thải sau xử lý so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan,...)

Phụ lục 4.10: Trình bày các nội dung về kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên (nếu có).

4.10.1. Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động

4.10.1.1. Trang bị bảo hộ lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng	Tính năng/trường hợp, điều kiện sử dụng

4.10.1.2. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

4.10.2. Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

4.10.3. Chăm sóc sức khỏe (kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hằng năm; việc tổ chức uống sữa tẩy độc thường xuyên; chính sách về bảo hiểm, y tế, chế độ đối với bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ mới nhất của cán bộ công nhân viên)

4.10.4. Các vấn đề liên quan khác...

4.10.5. Đính kèm Bản nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; bản chỉ dẫn sử dụng trang bị bảo hộ lao động (phải ghi chú vị trí đặt bản)

Phụ lục 4.11: Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố (chỉ trình bày các nội dung khác với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu tại Chương II của Báo cáo). Lưu ý cần phân biệt sự cố ở các khâu khác nhau như trên đường vận chuyển, tại trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải (nếu có).

4.11.1. Mục tiêu

4.11.2. Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố (xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp, liệt kê theo thứ tự ưu tiên)

4.11.3. Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra

TT	Sự cố	Ở khâu	Nguyên nhân	Tác động có thể

4.11.4. Biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố

4.11.4.1. Biện pháp, quy trình về quản lý

4.11.4.2. Biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị

TT	Loại trang thiết bị/biện pháp	Số lượng	Đặc điểm, chức năng	Vị trí

4.11.5. Quy trình ứng phó khẩn cấp

4.11.5.1. Đối với sự cố cháy, nổ

a) Phạm vi áp dụng

b) Nội dung quy trình các bước ứng phó

c) Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, trình tự thông báo cho các bên liên quan như ban quản lý cơ sở, các cơ quan chức năng về môi trường, công an, phòng cháy chữa cháy, y tế...; nêu rõ phương án, địa điểm cấp cứu người)

4.11.5.2. Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn

4.11.5.3. Đối với tai nạn lao động

4.11.5.4. Đối với tai nạn giao thông

4.11.5.5. Đối với (các sự cố khác...)

4.11.6. Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận (trong những tình huống nào thì phải sơ tán và tổ chức sơ tán như thế nào)

4.11.7. Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố (đối với ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường đất; môi trường không khí; quản lý chất thải phát sinh do sự cố)

4.11.8. Kinh phí dự phòng và bảo hiểm

4.11.9. Đính kèm bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) của các quy trình ứng phó sự cố; bản sơ đồ thoát hiểm trong cơ sở (phải ghi chú rõ vị trí đặt bản)

Phụ lục 4.12: Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm cho cán bộ, công nhân viên (nếu có).

4.12.1. Mô tả các nội dung đào tạo, tập huấn

4.12.1.1. Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý CTNH, CTRSH, CTCNTT.

4.12.1.2. Vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị

4.12.1.3. Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (cần đề cập cả nội dung quản lý CTNH như nhận biết, phân loại, lưu giữ, xử lý...)

4.12.1.4. An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

4.12.1.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố

4.12.1.6. Các nội dung khác...

4.12.2. Các đối tượng (cán bộ, công nhân viên) cần được đào tạo

4.12.3. Tổ chức thực hiện

TT	(Nhóm) đối tượng	Nội dung đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức đào tạo	Thời gian-Tần suất thực hiện

4.12.4. Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn (cách thức, nội dung, tiêu chí đánh giá)

4.12.5. Đính kèm tài liệu đào tạo (nếu tự tổ chức; lưu ý phần tài liệu đào tạo là các kế hoạch, quy trình, chương trình đã lập trong bộ hồ sơ đăng ký này thì không cần nêu lại mà chỉ cần ghi chú).

Phụ lục 4.13: Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động (toàn bộ hoặc một số khu vực xử lý chất thải, trạm trung chuyển CTNH), (nếu có).

4.13.1. Các kế hoạch (xử lý triệt để lượng chất thải còn tồn đọng; vệ sinh phương tiện, thiết bị và cơ sở; phá dỡ cơ sở hoặc chuyển đổi mục đích; các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình giám sát môi trường sau khi chấm dứt hoạt động, đặc biệt là nếu có bãi chôn lấp...)

4.13.2. Các thủ tục (thông báo cho các cơ quan chức năng, khách hàng và

cộng đồng, nộp lại giấy phép...)

4.13.3. Kinh phí dự phòng.

Phụ lục 4.14: Đính kèm giấy chứng nhận đạt ISO 14001 (đối với cơ sở đang hoạt động);

Phụ lục 4.15: Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại;

Phụ lục 4.16: Quy định về khoảng cách an toàn về môi trường (nếu có);

Phụ lục 4.17: Văn bản thẩm định hoặc ý kiến về công nghệ xử lý chất thải nguy hại (trừ cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành);

*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

Phụ lục 15. Mẫu bản cam kết tái xuất hoặc xử lý, tiêu hủy phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

BẢN CAM KẾT
Về tái xuất hoặc xử lý, tiêu hủy phế liệu nhập khẩu
không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. Thông tin chung:

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu:
2. Địa chỉ trụ sở chính:; Điện thoại:.....; Fax:; Email:
3. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu:

II. Thông tin về phế liệu dự kiến nhập khẩu

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trong thời hạn của Giấy phép (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
....			

III. Nội dung cam kết

1. Chúng tôi cam kết chỉ nhập khẩu phế liệu khi biết rõ xuất xứ, thành phần và hàm lượng tạp chất đi kèm với phế liệu đã đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về môi trường quy định.

2. Chúng tôi cam kết trong hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận giao dịch với bên xuất khẩu có điều khoản yêu cầu bên xuất khẩu phải nhận lại hàng nếu phế liệu

không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường.

3. Chúng tôi cam kết lưu giữ, vận chuyển phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Chúng tôi cam kết phế liệu nhập khẩu chỉ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình.

5. Nếu đề xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, chúng tôi cam kết tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả vi phạm.

6. Trường hợp không thể tái xuất được, chúng tôi chịu trách nhiệm xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện đúng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu.

- Lập phương án chi tiết xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm pháp luật trình cơ quan quản lý về môi trường xem xét, quyết định.

- Chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không tái xuất được./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; ký số hoặc được xác thực bằng chữ ký điện tử trong trường hợp quét từ bản chính)

Ghi chú: (1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.

Phụ lục 16. Mẫu quyết định thành lập hội đồng thẩm định/đoàn kiểm tra cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)

(3)

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.....tháng.....năm.....của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (5) về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2) (chỉ nêu đối với dự án đầu tư đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường);

Căn cứ Giấy phép môi trường số...../GPMT-..... ngày.....tháng.....năm... của (3) (chỉ nêu đối với trường hợp cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường);

Xét đề nghị của (6) tại Văn bản số... ngày... tháng... năm.... về việc đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2);

Theo đề nghị của (7),

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) gồm các Ông/bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Hội đồng/Đoàn kiểm tra
	Chủ tịch hội đồng/Trưởng đoàn
	Phó Chủ tịch hội đồng/ Phó Trưởng đoàn (nếu

				có)
	Thành viên thư ký
	Thành viên.....
	Thành viên....

Điều 2. Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2). Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, kết quả kiểm tra và gửi kết quả cho (3) theo quy định. Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3.(8).....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; (10), (11) và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

(3)

- Như Điều 4;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1); (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Thủ trưởng cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2); (6) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (7) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của Cơ quan thường trực thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; (8) Quy định về chi phí cho hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra; (9) Chức danh người đứng đầu của (6); (10) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (7).

Phụ lục 17. Mẫu biên bản kiểm tra cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CẤP/CẤP ĐIỀU CHỈNH/CẤP LẠI
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án, cơ sở (2)

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (1) đã tiến hành kiểm tra dự án, cơ sở (2):

- Thời gian kiểm tra: từ ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

- Đối tượng kiểm tra: dự án, cơ sở (2)

- Địa điểm kiểm tra: *(Ghi rõ địa điểm thực hiện dự án, cơ sở được kiểm tra).*

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án số.....

- Giấy phép môi trường số...../GPMT- ngày.....tháng.....năm... của (3)
(Chỉ nêu khi cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở).

I. Thành phần đoàn kiểm tra:

I.1. Thành viên có mặt:

(Ghi đầy đủ họ tên và chức danh các thành viên có mặt trong số các thành viên có tên trong Quyết định thành lập đoàn kiểm tra).

II.2. Thành viên vắng mặt:

(Ghi số lượng hoặc họ tên và chức danh trong Đoàn kiểm tra của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt)

II. Đại diện phía chủ dự án đầu tư, cơ sở: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư, cơ sở)*

- Với sự tham gia của: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của những người có mặt, nếu có)*

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án đầu tư, cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Các hạng mục dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt:

Cần nêu rõ các nội dung sau:

- Loại hình hoạt động, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án, cơ sở; các dây chuyền sản xuất chính; hạng mục phụ trợ của dự án, cơ sở; hạng mục kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có).

- Nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép liên quan đến:

+ Loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường. Trường hợp nội dung này có sự thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp thì nêu rõ việc thay đổi, lý do thay đổi (trường hợp cấp điều chỉnh).

+ Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý, số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, địa bàn hoạt động đối với dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường. Trường hợp nội dung này có sự thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp thì nêu rõ việc thay đổi, lý do thay đổi (trường hợp cấp điều chỉnh).

(Trường hợp cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được kiểm tra sau quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, thì nội dung cấp điều chỉnh về chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại được phép xử lý hoặc khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu do Đoàn kiểm tra ấn định đề đề xuất cơ quan cấp phép quyết định)

2. Công trình xử lý nước thải:

Cần nêu rõ các nội dung sau:

- Hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải của dự án đầu tư, cơ sở.

- Nêu rõ số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình xử lý nước thải; vị trí xả nước thải ra môi trường tiếp nhận; môi trường tiếp nhận nước thải; tên công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải (nếu có) và cơ quan quản lý công trình thủy lợi; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép liên quan đến nước thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Cần nêu rõ các nội dung sau:

- Hiện trạng hệ thống thu gom bụi, khí thải để xử lý; công trình xả bụi, khí thải ra môi trường không khí;

- Số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Cần nêu rõ nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép liên quan đến nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư, cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

5. Công trình, thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Cần nêu rõ thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường đã được cấp trước đó).

6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Cần nêu rõ thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường đã được cấp trước đó). Lưu ý: Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại nêu tại mục này là công trình, thiết bị để xử lý các chất thải nguy hại tự phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất.

7. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Cần nêu rõ thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường đã được cấp hoặc theo quy định của pháp luật; quy trình vận hành công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường).

8. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

IV. Ý kiến nhận xét khác của các thành viên đoàn kiểm tra: *(Nêu rõ ý kiến nhận xét khác của từng thành viên Đoàn kiểm tra về các nội dung nêu trên).*

V. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có): *(Ghi đầy đủ ý kiến của các đại*

biểu tham dự (nếu có)).

VI. Kết luận của đoàn kiểm tra:

1. Trưởng đoàn kiểm tra (hoặc Phó trưởng đoàn nếu được ủy quyền) đưa ra kết luận: *(được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên đoàn kiểm tra, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu, những nội dung cần phải được chỉnh sửa, bổ sung hoặc cải tạo trên thực tế)*

2. Kết quả tổng hợp bản nhận xét của các thành viên đoàn kiểm tra:

2.1. Số lượng ý kiến thông qua báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không cần chỉnh sửa, bổ sung: ...

2.2. Số lượng ý kiến thông qua báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: ...

2.3. Số lượng ý kiến không thông qua báo cáo: ...

VII. Ý kiến của chủ dự án: *(Chỉ ghi ý kiến của chủ dự án đầu tư khác với kết luận của đoàn kiểm tra).*

Biên bản được lập xong vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại..., đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được lập thành ... bản có giá trị như nhau, đoàn kiểm tra giữ... bản, chủ dự án, cơ sở giữ... bản để thực hiện./.

**Đại diện chủ dự
án, cơ sở**

(ký, ghi họ tên, chức
vụ, đóng dấu)

**Thư ký đoàn
kiểm tra**

(ký, ghi họ tên)

TM. Đoàn kiểm tra

Trưởng đoàn

*(hoặc Phó trưởng đoàn
được ủy quyền)*

(ký, ghi họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư/cơ sở hoặc phân kỳ của dự án đầu tư, các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải của dự án đầu tư; (3) Cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 18. Mẫu bản nhận xét của thành viên Đoàn kiểm tra cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP/CẤP ĐIỀU CHỈNH/CẤP LẠI
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA**

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác: *Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
4. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra: số... ngày... tháng... năm... của (2)
- 5 Chức danh trong đoàn kiểm tra: ...
6. Tên dự án đầu tư, cơ sở:

A. Các nhận xét:

1. Hiện trạng các hạng mục dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt:

** Cần nêu rõ các nội dung sau:*

- Loại hình hoạt động, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án, cơ sở; các dây chuyền sản xuất chính; hạng mục phụ trợ của dự án, cơ sở; hạng mục kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có);

- Nhận xét về nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường liên quan đến:

+ Loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với dự án đầu tư, cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường (nếu có);

+ Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý, số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, địa bàn hoạt động đối với dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường (nếu có).

(Trường hợp cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất,

cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được kiểm tra sau quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, thì cho ý kiến nhận xét về việc điều chỉnh về chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại được phép xử lý hoặc khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu).

** Các đề nghị cụ thể:*

2. Công trình xử lý nước thải:

** Cần nêu rõ các nội dung sau:*

- Hiện trạng các công trình thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải của dự án đầu tư.

- Nêu rõ số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình xử lý nước thải; vị trí xả nước thải ra môi trường tiếp nhận; môi trường tiếp nhận nước thải; tên công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải (nếu có) và cơ quan quản lý công trình thủy lợi; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Nhận xét về nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường liên quan đến nước thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

** Các đề nghị cụ thể:*

3. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

** Cần nêu rõ các nội dung sau:*

- Hệ thống thu gom bụi, khí thải để xử lý; công trình xả bụi, khí thải ra môi trường không khí;

- Số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải; những thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (nếu có) nhưng chưa đến mức thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Nhận xét về nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

** Các đề nghị cụ thể:*

4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nhận xét về nội dung chủ dự án, cơ sở đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép liên quan đến nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật bảo vệ môi trường.

** Các đề nghị cụ thể:*

5. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Nhận xét về thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường đã được cấp trước đó.

Các đề nghị cụ thể:

6. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Nhận xét về thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường đã được cấp trước đó). Lưu ý: Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại nêu tại mục này là công trình, thiết bị để xử lý các chất thải nguy hại tự phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất.

Các đề nghị cụ thể:

7. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Nhận xét về thực trạng xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, nội dung giấy phép môi trường được cấp trước đó hoặc theo quy định của pháp luật; quy trình vận hành công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Các đề nghị cụ thể:

8. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

B. Kết luận: *Lựa chọn bằng cách nêu rõ vào 01 trong 03 mức sau đây:*

1. Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
2. Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
3. Không thông qua:

C. Các kiến nghị khác (nếu có): *(đối với chủ dự án, đơn vị tư vấn lập báo cáo, cơ quan cấp phép và cơ quan phê duyệt dự án (nếu có))*

Phụ lục 19. Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định/kết quả kiểm tra cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

(1) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

V/v thông báo kết quả thẩm định/kết quả kiểm tra báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (3)

(1) nhận được hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) kèm theo Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của (3). Căn cứ kết quả họp hội đồng thẩm định/kết quả kiểm tra cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở, (1) thông báo và đề nghị như sau:

1. Kết quả họp hội đồng thẩm định/kết quả kiểm tra: ... (nêu rõ 01 trong 03 kết quả: a) thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; b) không thông qua; c) thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung) báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) (có bản sao Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định/Biên bản kiểm tra được gửi kèm).

2. Đề nghị (3) ...

2.1. Trường hợp kết quả họp hội đồng thẩm định/ kết quả của đoàn kiểm tra thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

Đề nghị (3) chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình; hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) theo nội dung biên bản và yêu cầu khác của cơ quan cấp phép (nếu có). Báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) sau khi hoàn thiện đề nghị gửi về (1) để được xem xét, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

2.2. Trường hợp kết quả họp hội đồng thẩm định/kết quả của đoàn kiểm tra không thông qua: cơ quan cấp phép xem xét, không thông qua báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) và nêu rõ lý do.

Trường hợp (3) vẫn có nhu cầu cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, đề nghị (3) hoàn thiện lại báo cáo và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép để được xem xét, giải quyết theo quy định.

(1) thông báo đề (3) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

(4)

- Như Điều 4;

(ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

- ...

- Lưu: ...

Ghi chú: (1) Cơ quan cấp phép; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở;
(3) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1).

Phụ lục 20. Mẫu quyết định thành lập đoàn kiểm tra hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Đoàn kiểm tra hiện trạng khu vực
thực hiện dự án đầu tư (2)**

(3)

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.....tháng....năm.....của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Xét đề nghị của (5) tại Văn bản số... ngày... tháng... năm... về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư (2);

Theo đề nghị của (6),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế dự án đầu tư (2) gồm các Ông/bà có tên sau đây (*Các thành viên Đoàn kiểm tra phải thuộc thành phần Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án (2), có thể mời thêm chuyên gia độc lập có am hiểu về lĩnh vực hoạt động của dự án, cơ sở*)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	Trưởng đoàn
2	Phó Trưởng đoàn (nếu có)
3	Thành viên thư ký

4	Thành viên.....
5	Thành viên....

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra thực tế hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư (2). Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra để làm căn cứ giúp Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định trong quá trình cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3.(7).....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; (9), (10) và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

(3)

- Như Điều 4;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu...

Ghi chú:

(1) Cơ quan thường trực thẩm định cấp giấy phép môi trường; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1); (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Tên chủ dự án đầu tư; (6) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan được giao đầu mối thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án; (7) Quy định về chi phí cho hoạt động kiểm tra; (8) Chức danh người đứng đầu của (5); (10) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (6).

Phụ lục 21. Mẫu biên bản kiểm tra hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Kiểm tra hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư (1)**

Tên dự án đầu tư:.....

Thời gian kiểm tra: ngày..... tháng..... năm.....

1. Thành phần tham gia:

- Các thành viên Đoàn kiểm tra (ghi rõ: Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có), thành viên đoàn).

- Đại diện chủ dự án đầu tư:.....

2. Nội dung kiểm tra:

2.1. Thông tin chung về dự án đầu tư:

- Vị trí khu vực thực hiện dự án đầu tư;

- Hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư.

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường xung quanh khu vực thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

2.2. Các vấn đề môi trường chính cần quan tâm của dự án đầu tư.

3. Kết quả kiểm tra:

.....

4. Ý kiến của chủ dự án đầu tư:

.....

5. Ý kiến của Trưởng đoàn kiểm tra:

.....

Biên bản được hoàn thành vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm... đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe; đã được thống nhất giữa các bên liên quan và được lập thành 03 bản./.

**Đại diện chủ dự án đầu
tư**

**Trưởng đoàn kiểm
tra hoặc Phó trưởng
đoàn (nếu được ủy
quyền)**

**Đại diện cơ quan quản lý
nhà nước tại địa phương
(nếu có)**

Ghi chú: (1) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư.

Phụ lục 22. Mẫu biên bản họp hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Tên dự án đầu tư:.....

Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số... ngày ... tháng ... năm ... của

Thời gian họp: ngày ... tháng ... năm

Địa chỉ nơi họp:

1. Thành phần tham dự phiên họp hội đồng thẩm định:

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên hội đồng có mặt: *(chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt)*

- Thành viên hội đồng vắng mặt: *(ghi rõ số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của tất cả các thành viên vắng mặt, nêu rõ có lý do hoặc không có lý do; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền)*

1.2. Chủ dự án đầu tư: *(ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các thành viên của chủ dự án tham dự họp; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên, ngày tháng của văn bản ủy quyền)*

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: *(ghi rõ họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp)*

1.4. Đại biểu tham dự:

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *(Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định)*

2.1. Thành viên thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp.

2.2. Chủ dự án đầu tư và đơn vị tư vấn trình bày nội dung báo cáo: *(ghi những nội dung chính được chủ dự án đầu tư và đơn vị tư vấn trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).*

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với chủ dự án đầu tư và đơn vị tư

vấn về nội dung của báo cáo: *(ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi)*

2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng

2.5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có)

2.6. Ý kiến phản hồi của chủ dự án đầu tư.

3. Kết luận phiên họp

3.1. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định: *(được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu của báo cáo, những nội dung của báo cáo cần phải được chỉnh sửa, bổ sung theo từng chương, mục của báo cáo đề xuất cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường)*

3.2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có):

3.3. Ý kiến của chủ dự án đầu tư về kết luận của hội đồng:

4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

4.1. Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung:

4.2. Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: ...

4.3. Số phiếu không thông qua báo cáo:

5. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(hoặc Phó chủ tịch hội đồng khi được Chủ tịch hội đồng ủy quyền)

(ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Chủ trì phiên họp và Thư ký hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

Phụ lục 23. Mẫu bản nhận xét báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

1. Họ và tên người nhận xét:.....
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:.....
3. Nơi công tác: *Tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*:.....
4. Tên dự án đầu tư:.....
5. Nhận xét về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:

TT	Nội dung thẩm định	Đánh giá theo 3 mức độ: (1) đạt yêu cầu; (2) có thể chấp nhận được; (3) không đạt yêu cầu	Yêu cầu chi tiết nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung (ghi rõ là “không có ý kiến” trong trường hợp không có ý kiến)
1	Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
2	Sự phù hợp của các đánh giá về việc lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường		

3	Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án đầu tư và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư.		
3.1	Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án đầu tư		
3.2	Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án đầu tư		
4	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đầu tư đến môi trường; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra		
4.1	Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại của nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại		
4.1.1	Nước thải		
4.1.2	Khí thải		
4.1.3	Chất thải rắn thông thường		
4.1.4	Chất thải nguy hại		
4.2	Việc đánh giá tác động, ảnh hưởng đến cảnh quan		

	thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên và các loài sinh vật		
4.2.1	Thu hẹp không gian, thay đổi cấu trúc, chức năng, giá trị của danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, cảnh quan thiên nhiên được quy hoạch bảo vệ		
4.2.2	Thu hẹp diện tích, thay đổi cấu trúc, chức năng, dịch vụ sinh thái của các hệ sinh thái tự nhiên (khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái san hô, cỏ biển, hệ sinh thái thủy sinh)		
4.2.3	Thu hẹp sinh cảnh và suy giảm số lượng, chất lượng của các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ		
4.3	Đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường không do chất thải gây ra		
5	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn, môi trường tiếp nhận nước thải; ngập úng; sạt lở, bồi lắng do giải phóng mặt bằng, xây dựng và vận hành dự án đầu tư		
6	Đánh giá và dự báo về tác động đến chế độ thủy văn,		

	môi trường tiếp nhận nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.		
7	Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án đầu tư		
8	Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường		
8.1	Phương án thu gom, quản lý chất thải		
8.2	Biện pháp, công nghệ xử lý nước thải		
8.3	Biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải		
8.4	Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại		
8.5	Phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường		
8.6	Các biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên và các loài được ưu tiên bảo vệ		
8.7	Các biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn; môi trường tiếp nhận nước thải; công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu; công trình chống ngập úng; sạt lở, bồi lắng.		
8.8	Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự		

	án gây ra		
9	Nội dung đề nghị cấp phép		
9.1	Nước thải		
9.2	Khí thải		
9.3	Tiếng ồn, độ rung		
9.4	Công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại		
9.5	Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý		
9.6	Số lượng Trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn hoạt động		
9.7	Loại, khối lượng phế phế liệu đề nghị nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
10	Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường		
10.1	Chương trình quản lý môi trường		
10.2	Chương trình giám sát môi trường (vị trí, thông số, tần suất giám sát)		
10.2.1	Nước thải		
10.2.2	Khí thải		
10.2.3	Giám sát khác		
11	Các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư		

6. Nhận xét về hình thức báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (*nhận xét ngắn gọn theo trình tự các chương, mục của báo cáo*):

7. Những nhận xét khác:

7.1. Về thông tin, số liệu làm cơ sở để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:
Trong đó lưu ý đến mức độ đầy đủ, chi tiết, chính xác của các thông tin, số liệu.

7.2. Về mức độ thỏa đáng của các đánh giá, kết luận nêu trong báo cáo:

7.3. Câu hỏi (nếu có):

8. Những yêu cầu đối với chủ dự án đầu tư khi xem xét cấp giấy phép môi trường:.....

9. Kết luận và đề nghị: *trong đó cần nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua (nêu rõ lý do).*

(Địa danh nơi viết nhận xét), ngày... tháng ... năm...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(ký, ghi họ tên)

Phụ lục 24. Mẫu phiếu thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư

(1) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(được đóng dấu treo của cơ quan thành lập hội đồng hoặc cơ quan thường trực thẩm định tương ứng với tên cơ quan (1))

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Họ và tên:
2. Nơi công tác: (tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax):.....
3. Lĩnh vực chuyên môn: (chỉ ghi tối đa hai (02) lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến lĩnh vực môi trường hoặc lĩnh vực hoạt động của dự án).
4. Chức danh trong hội đồng thẩm định:
5. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định: số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...
6. Tên dự án đầu tư:...
7. Ý kiến thẩm định về báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư (lựa chọn bằng cách ký tên vào 01 trong 03 mục: 7.1; 7.2 hoặc 7.3 sau đây):
 - 7.1. Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.2. Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:
 - 7.3. Không thông qua:
8. Kiến nghị: (đối với chủ dự án, đơn vị tư vấn lập báo cáo, cơ quan cấp phép và cơ quan phê duyệt dự án (nếu có))

(Địa danh nơi họp), ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH

(ký, ghi họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan cấp giấy phép môi trường hoặc cơ quan thường trực thẩm định cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 25. Mẫu văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị cấp đổi giấy phép
 môi trường của dự án, cơ sở
 (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án/cơ sở (2).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, (1) đề nghị (3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin về giấy phép môi trường đã được cấp: Giấy phép môi trường số...../GPMT-..... ngày....tháng.....năm.....

- Tên dự án đầu tư/cơ sở.
- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở.

2. Thông tin đề nghị thay đổi trong giấy phép môi trường của (2).

- Tên dự án đầu tư, cơ sở.
- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở.

(Chỉ liệt kê những thay đổi và thuộc trường hợp cấp đổi giấy phép môi trường)

3. Địa chỉ liên hệ của (1):.....

- Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ.....
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

Chúng tôi xin gửi đến (3) Bản Phụ lục kèm theo Văn bản này, gồm:

Liệt kê danh mục các tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chứng minh pháp nhân hợp lệ của (1) đối với (2).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các hồ sơ, tài liệu được cung cấp kèm theo văn bản này, đồng thời cam kết không thay đổi các nội dung khác của Giấy phép môi trường số..../GPMT-ngày....tháng.....năm..... nêu trên. Nếu có gì sai trái, Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

Phụ lục 26. Mẫu báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

<p>Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư, cơ sở</p> <p>(1)</p>	
<p>BÁO CÁO ĐỀ XUẤT</p> <p>CẤP ĐIỀU CHỈNH/CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</p> <p>của dự án đầu tư, cơ sở (2)</p>	
<p>CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>	<p>ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)</p> <p><i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</i></p>
<p><i>Địa danh (**), tháng ... năm ...</i></p>	

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư, cơ sở;
- (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư, cơ sở hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

CHƯƠNG I

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

1. Thông tin chung về chủ dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày.....của chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư, cơ sở:.....

2. Thông tin về dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở (theo tên dự án đầu tư nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt).
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở:.....
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, cơ sở.....
- Giấy phép môi trường số...../GPMT-.... ngày.... tháng....năm.... của....
- Loại hình hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở. Đối với khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, phải nêu rõ các ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung.
- Nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

2.1. Nêu đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án, cơ sở gồm:

2.1.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở:

- Liệt kê các hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án đầu tư, cơ sở; dây chuyền sản xuất sản phẩm chính kèm theo quy mô, công suất, công nghệ sản xuất. (Đối với cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, cần mô tả chi tiết công đoạn sản xuất có sử dụng phế liệu (công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu)).
- Liệt kê các hạng mục công trình phụ trợ của dự án đầu tư, cơ sở.
- Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ từng công trình, thiết bị xử lý chất thải nguy hại; số lượng, vị trí, quy mô các trạm trung chuyển chất thải nguy hại; địa bàn thu gom chất thải nguy hại; nhóm và mã chất thải nguy hại được phép thu gom, xử lý.

- Liệt kê các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở khi đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường.

Bảng.... Danh mục các công trình xử lý chất thải

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Hạng mục công trình chính/dây chuyền sản xuất chính của dự án		Hạng mục công trình phụ trợ của dự án (nếu có)		Chung cho cả dự án	Ghi chú (*)
		Quy mô	Công suất	Quy mô	Công suất		
I	Công trình xử lý nước thải sản xuất (nếu có)						
I.1	Công trình số 1						
...						
II	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (nếu có)						
II.1	Công trình số 1						
...						
III	Công trình xử lý bụi, khí thải (nếu có)						
III.1	Công trình số 1						
...						
IV	Công trình xử lý chất thải rắn công						

	nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
IV.1	Công trình số 1						
...						
V	Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án (nếu có)						
V.1	Công trình số 1						
...						

(*) Ghi chú: Làm rõ môi trường tiếp nhận nước thải; công trình sẵn có để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; việc đấu nối nước thải để xử lý (nếu có) trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung do đơn vị khác quản lý, vận hành.

Bảng.... Danh mục các công trình bảo vệ môi trường khác

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Quy mô từng công trình	Ghi chú
1	Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)			
2	Công trình lưu			

	giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có)			
3	Công trình lưu giữ chất thải nguy hại (nếu có)			
4	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải (nếu có)			
5	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải (nếu có)			
6	Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có)			
7	Các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có)			

2.1.2. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án đầu tư, cơ sở; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở

Liệt kê và tổng hợp vào bảng các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng (tên thương mại, thành phần các chất hóa học); nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm chính, sản phẩm phụ của dự án đầu tư, cơ sở.

2.1.3. Công nghệ sản xuất, quy trình vận hành của dự án đầu tư, cơ sở.

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án đầu tư, cơ sở

kèm theo sơ đồ minh họa.

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất thì báo cáo thêm mục 2.1.4 sau đây)

2.1.4. Các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

2.1.4.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở.

2.1.4.2. Mô tả chi tiết công suất; nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đảm bảo khối lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, công suất thiết kế/ công suất thực tế của dự án đầu tư, cơ sở.

2.1.4.3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:

a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: Loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích chất thải đi kèm phế liệu (nếu có).

b) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau: Tên phế liệu; loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu; mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu; kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu; những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu; mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

2.1.4.4. Các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu:

a) Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu: Tình trạng kho; tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu; nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu; sự đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có; phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu: Tình trạng bãi; tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu; nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu; sự đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có; phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau: Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu; khu

vực lưu giữ chất thải phát sinh; phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại); phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất; các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

2.1.4.5. Phương án xử lý, tiêu hủy đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

a) Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Dự kiến tỷ lệ sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

b) Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

2.1.4.6. Tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (*chỉ báo cáo trong trường hợp đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động, nếu có*)

a) Tình hình nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Khối lượng, chủng loại phế liệu đã nhập khẩu;
- Khối lượng, chủng loại phế liệu đã sử dụng phục vụ quá trình sản xuất; khối lượng còn tồn lưu đến thời điểm báo cáo;
- Khối lượng sản phẩm đã sản xuất được từ phế liệu nhập khẩu; tỷ lệ sử dụng phế liệu nhập khẩu vào quy trình sản xuất.

b) Đánh giá nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu nhập khẩu; sự đáp ứng về khối lượng, chất lượng phế liệu trong nước có thể sử dụng để thay thế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; kế hoạch triển khai thực hiện của cơ sở.

(Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thực hiện phá dỡ tàu biển nhập khẩu đã qua sử dụng thì báo cáo thêm mục 2.1.5 sau đây)

2.1.5. Điều kiện của cơ sở thực hiện phá dỡ tàu biển nhập khẩu đã qua sử dụng.

Mô tả hạ tầng kỹ thuật chi tiết để thực hiện hoạt động phá dỡ tàu biển bao

gồm:

- Khu vực và thiết bị phá dỡ tàu biển chuyên dụng phù hợp với từng chủng loại và tải trọng tàu, bảo đảm không để rò rỉ, phát tán các chất thải chưa qua xử lý, quản lý ra bên ngoài khu vực phá dỡ gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí.

- Khu vực lưu giữ vật liệu, thiết bị sau khi phá dỡ có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng vật liệu, thiết bị cao nhất theo tính toán. Trường hợp sử dụng bãi lưu giữ phải có hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Mô tả các biện pháp quản lý chất thải và phế liệu trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng căn cứ các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định này, cụ thể:

+ Thu gom nhiên liệu, dầu, nước đáy tàu, nước dằn tàu, chất lỏng khác và các vật liệu có khả năng gây cháy, nổ; các biện pháp thông gió, cấp đủ dưỡng khí cho các không gian kín trên tàu (như khoang chứa hàng, đáy đôi, bồn két chứa) để bảo đảm điều kiện làm việc an toàn.

+ Thông tin chi tiết về phương án bóc tách, xử lý sơ bộ, xử lý/ chuyển giao xử lý các chất thải đặc thù phát sinh trong quá trình phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (amiăng, PCBs, vật liệu phi kim, nguồn phóng xạ/ chất thải phóng xạ...).

- Thông tin sơ bộ về phương án thu gom, phân loại, chuyển giao phế liệu thu được từ hoạt động phá dỡ tàu biển.

(Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường do hết hạn giấy phép thì bỏ qua nội dung Chương II dưới đây)

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá, dự báo các tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong trường hợp có thay đổi dẫn tới đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

1.1. Tùy trường hợp cụ thể, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải đánh giá, dự báo được các tác động đến các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư, cơ sở, tương ứng với các thay đổi dẫn tới đề xuất cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

1.2. Đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

2. Đánh giá, dự báo các tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong trường

hợp có thay đổi dẫn tới đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.

2.1. Tùy trường hợp cụ thể, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải đánh giá, dự báo được các tác động đến các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư, cơ sở, tương ứng với các thay đổi dẫn tới đề xuất cấp lại giấy phép môi trường.

2.2. Đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

CHƯƠNG III CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

1. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

1.1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của hệ thống thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa.

1.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp dẫn về công trình xử lý nước thải.

- Hệ thống thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải.

- Nêu rõ đặc trưng, tính chất ô nhiễm của từng dòng nước thải trước khi được xử lý theo quy định.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí dự kiến hoặc xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nổi nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên.

1.1.3. Công trình xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý nước thải cho các công đoạn, dây chuyền sản xuất nào của dự án đầu tư, cơ sở); quy mô, công suất, công

nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát (nếu có).

1.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý bụi, khí thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý khí thải cho công trình, công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của dự án đầu tư, cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có) kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống (đính kèm Phụ lục báo cáo); kết quả kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát (nếu có).

1.3. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư, cơ sở theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành. Việc đầu tư công trình riêng để xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, đồng thời phải đáp ứng các quy định về quy hoạch xử lý chất thải có liên quan.

1.4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải nguy hại, bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh trong khuôn viên dự án đầu tư, cơ sở theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có): Mô tả chức năng, quy

mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành. Việc đầu tư công trình riêng để xử lý chất thải nguy hại phải phù hợp với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, đồng thời phải đáp ứng các quy định về quy hoạch xử lý chất thải nguy hại có liên quan.

1.5. Công trình không liên quan đến chất thải:

- Mô tả các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư, cơ sở.
- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư, cơ sở.
- Cam kết về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của chủ dự án đầu tư, cơ sở.

1.6. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định này thì nêu chi tiết kế hoạch tại mục này.

1.7. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Trường hợp công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải là các công trình, thiết bị được lắp đặt đồng bộ với công trình xử lý bụi, khí thải hoặc đồng bộ với dây chuyền sản xuất thì phải báo cáo chi tiết quy trình ứng phó sự cố.

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

1.8. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Mô tả chi tiết từng công trình bảo vệ môi trường khác theo Bảng tổng hợp Mục 2.1.1, Chương I (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở.

2. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

Phần này nêu rõ các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

3. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.

Phần này nêu rõ các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH/CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Công trình, hệ thống thiết bị xử lý chất thải nguy hại; mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý, số lượng trạm trung chuyển chất thải nguy hại, địa bàn hoạt động đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư, cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Liệt kê các nội dung đề nghị cấp phép theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường, gồm: Loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu đối với dự án đầu tư, cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản

xuất.

CHƯƠNG V

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ

Phần này nêu rõ tình hình chấp hành pháp luật của dự án đầu tư, cơ sở trong quá trình xây dựng dự án hoặc trong quá trình hoạt động. Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ nội dung vi phạm; quyết định, bản án liên quan đến xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền, tình hình chấp hành quyết định, bản án xử phạt vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có).

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở các công trình xử lý chất thải, các công trình bảo vệ môi trường khác và loại hình hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở, chủ dự án đầu tư, cơ sở đề xuất chương trình giám sát môi trường trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó:

1. Giám sát nước thải: bao gồm giám sát tự động, liên tục (nếu có) và giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
2. Giám sát bụi, khí thải: bao gồm giám sát tự động, liên tục (nếu có) và giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
3. Giám sát tiếng ồn, độ rung: bao gồm giám sát định kỳ các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
4. Giám sát môi trường không khí xung quanh: giám sát định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (chỉ áp dụng đối với các cơ sở phát sinh bụi, khí thải dạng diện như: các loại hình khai thác khoáng sản trên đất liền; cơ sở có phát sinh hoặc nguy cơ phát sinh phóng xạ).
5. Giám sát môi trường nước mặt: quan trắc định kỳ gồm các nội dung: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (chỉ áp dụng đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở có hạng mục cảng sông, cảng biển).
6. Giám sát trượt lở, xói mòn (nếu có).
7. Cam kết về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

8. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

CHƯƠNG VII

KẾT LUẬN VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Phần này nêu rõ những cam kết về tính trung thực, chính xác của nội dung báo cáo, các hồ sơ tài liệu được nêu, trích dẫn trong báo cáo. Cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp giấy phép môi trường và trước pháp luật về trong trường hợp báo cáo không đúng sự thật.

PHỤ LỤC

Tùy loại hình hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở, nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường mà Phụ lục báo cáo có thể bao gồm các tài liệu sau:

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;
- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật của công trình xử lý chất thải hoặc công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường dự kiến triển khai xây dựng;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu chất thải trong thời hạn 03 tháng (trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại) hoặc trong thời hạn 03 năm (trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hạn) trước thời điểm đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường; kết quả phân tích chất thải đi kèm phế liệu (nếu có) của cơ sở;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (nếu có);
- Kết luận kiểm tra, thanh tra; quyết định xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có); các văn bản chứng minh việc đã khắc phục hậu quả vi phạm, chấp hành quyết định xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường (nếu có);
- Các hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng, vận chuyển,

xử lý; hồ sơ năng lực của đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải (nếu có);

- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Bản đồ hiện trạng của dự án đầu tư, cơ sở (lĩnh vực khai thác khoáng sản).

Phụ lục 2:

*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (đối với cơ sở phá dỡ tàu biển).

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng đối với hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phá dỡ tàu biển (nếu có);

- Phương án bảo vệ môi trường đối với từng loại tàu biển được phép phá dỡ, kiểm soát các yếu tố nguy hại và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình phá dỡ tàu biển đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Giấy chứng nhận đạt ISO 14001 (nếu có).

Phụ lục 3:

*** Đối với cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ sau:

- Bản sao hợp đồng chuyên giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu, chất thải phát sinh), nếu có;

- Giấy chứng nhận đạt ISO 14001 (nếu có).

Phụ lục 4:

*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

A) Báo cáo bổ sung và đính kèm các loại giấy tờ, hồ sơ theo trình tự như sau khi đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở xử lý chất thải nguy hại (trừ trường hợp giấy phép hết hạn) trên cơ sở Phụ lục 4 thuộc Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này:

Phụ lục 4.1: Bản tổng hợp giải trình các nội dung thay đổi, bổ sung.

Phụ lục 4.2: Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường, trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường gần nhất thì không phải báo cáo), bao gồm:

4.2.1: Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

4.2.2: Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải

4.2.3: Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

4.2.4: Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

4.2.5: Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm.

B) Báo cáo bổ sung và đính kèm các loại giấy tờ, hồ sơ theo trình tự như sau khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại (trường hợp giấy phép hết hạn) trên cơ sở Phụ lục 4 thuộc Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này:

Phụ lục 4.1: Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường gần nhất thì không phải báo cáo), bao gồm:

4.1.1. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

4.1.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải

4.1.3. Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

4.1.4. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

4.1.5. Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm

*** Đối với dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản:** Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

Phụ lục 27. Mẫu văn bản lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v lấy ý kiến về việc xả nước
thải của dự án đầu tư, cơ sở (2)
vào công trình thủy lợi

Kính gửi: (3)

(1) nhận được hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2) do (4) làm chủ đầu tư.

Căn cứ quy định tại Điều Nghị định số ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ, (1) gửi đến (3) văn bản đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở và báo cáo đề xuất cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

(1) đề nghị (3) cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận việc xả nước thải của dự án đầu tư, cơ sở (2) vào công trình thủy lợi (5) do (3) quản lý. Trường hợp không đồng thuận, đề nghị (3) nêu rõ lý do.

(1) rất mong nhận được ý kiến của (3) để làm căn cứ xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở nêu trên. Văn bản cho ý kiến của (3) đề nghị gửi về..... trước ngày để tổng hợp.

Quá thời hạn nêu trên mà (1) không nhận được văn bản cho ý kiến thì được hiểu là (3) đã đồng thuận việc xả nước thải của dự án đầu tư, cơ sở (2) vào công trình thủy lợi (5) do (3) quản lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(6)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan cấp giấy phép môi trường; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Tên Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; (4) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (5) Tên công trình thủy lợi; (6) Thủ trưởng, người đứng đầu của

(1).

Phụ lục 28. Mẫu văn bản lấy ý kiến tham vấn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v lấy ý kiến tham vấn trong
quá trình cấp/cấp điều
chỉnh/cấp lại giấy phép môi
trường của dự án đầu tư, cơ sở
(2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được hồ sơ đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2) do (4) làm chủ đầu tư.

Căn cứ quy định tại Điều Nghị định số ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ, (1) gửi đến (3) văn bản đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở và báo cáo đề xuất cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.

(1) đề nghị (3) cho ý kiến tham vấn về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều Nghị định số nêu trên. Trường hợp không đồng ý, đề nghị (3) nêu rõ lý do.

(Trường hợp lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, chỉ cần lấy ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý việc đầu tư dự án (2) trong(5) do (3) quản lý).

(1) rất mong nhận được ý kiến của (3) để làm cơ sở khi xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở nêu trên. Văn bản cho ý kiến tham vấn của (3) đề nghị gửi về..... trước ngày để tổng hợp.

Quá thời hạn nêu trên mà (1) không nhận được văn bản cho ý kiến thì được hiểu là (3) đã chấp thuận nội dung báo cáo đề xuất cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (./).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(6)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan cấp giấy phép môi trường; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến; (4) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (5) Tên khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; (6) Thủ trưởng, người đứng đầu của (1).

Phụ lục 29. Mẫu văn bản cho ý kiến của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v cho ý kiến về việc xả nước thải của dự án đầu tư, cơ sở (2) vào công trình thủy lợi

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Công văn số ngày....tháng....năm của (3) về việc lấy ý kiến về việc xả nước thải của dự án đầu tư, cơ sở (2) vào công trình thủy lợi. Sau khi xem xét, (1) có ý kiến như sau:

(Nêu rõ việc đồng thuận hay không đồng thuận việc cho phép dự án đầu tư, cơ sở (2) xả nước thải vào công trình thủy lợi (4) do (1) quản lý. Trường hợp không đồng thuận thì phải nêu rõ lý do không đồng thuận. Trường hợp có kiến nghị chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường hoặc điều chỉnh nội dung dự án đầu tư, cơ sở để được chấp thuận việc xả nước thải thì phải nêu cụ thể các kiến nghị).

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để xem xét, tổng hợp trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan cấp giấy phép môi trường đã lấy ý kiến; (4) Tên công trình thủy lợi; (6) Thủ trưởng, người đứng đầu của (1).

Phụ lục 30. Mẫu văn bản cho ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v cho ý kiến về việc cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Công văn số ngày....tháng....năm của (3) về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2) do (4) làm chủ dự án, cơ sở và các hồ sơ có liên quan. Sau khi xem xét, (1) có ý kiến như sau:

1. Về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh (nếu có): Nêu rõ dự án đầu tư có phù hợp với quy hoạch tỉnh, ngành, lĩnh vực hay không. Trường hợp không phù hợp phải nêu rõ căn cứ pháp lý và cho ý kiến cụ thể về việc không đồng ý triển khai xây dựng dự án đầu tư; trong trường hợp này không cần cho ý kiến về các nội dung tại mục 2, 3 và 5 dưới đây.

2. Về các tác động tiêu cực của dự án đầu tư đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý về việc đánh giá các tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng trình bày trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư gửi kèm; ý kiến về nội dung đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp không đồng ý thì nêu rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý, lý do không đồng ý.

3. Về các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đầu tư, cơ sở đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng: nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý về các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đầu tư, cơ sở đến môi trường được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở gửi kèm. Trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý, lý do không đồng ý.

4. Nêu ý kiến cụ thể về việc đồng ý hoặc không đồng ý việc đầu tư dự án, cơ sở nêu trên trong(5) do (1) quản lý. Trường hợp không đồng ý thì nêu rõ lý do, hoặc có ý kiến khác (nếu có).

(Phần này là ý kiến của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường).

5. Kiến nghị đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở: nêu cụ thể các yêu cầu, kiến nghị đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở về các nội dung khác (nếu có), gồm:

- Sự cần thiết phải thay đổi nội dung gì của dự án đầu tư, cơ sở;
- Các biện pháp, giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường;
- Các kiến nghị khác có liên quan đến dự án đầu tư, cơ sở.

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để xem xét trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của (2) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

(6)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến, trừ trường hợp cá nhân được lấy ý kiến thì không cần nêu tại mục này; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan cấp giấy phép môi trường đã lấy ý kiến tham vấn; (4) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (5) Tên khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; (6) Thủ trưởng, người đứng đầu của (1) hoặc cá nhân được lấy ý kiến.

Phụ lục 31. Mẫu thông báo và kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

V/v...

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), chủ đầu tư của Dự án (3) (sau đây viết tắt là Dự án), đã được (4) cấp giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm...

Theo quy định tại Điều ... Nghị định sốngày...tháng... năm... của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, chúng tôi xin gửi tới (2) kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án (Kế hoạch chi tiết xin gửi kèm theo).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong Kế hoạch vận hành thử nghiệm kèm theo văn bản này, nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời cam kết sẽ dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị (2) tổ chức kiểm tra các công trình xử lý chất thải của Dự án để (1) có căn cứ đưa (3) vào vận hành thử nghiệm theo đúng Kế hoạch./.

KẾ HOẠCH

Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án ...(3) ...
(Kèm theo Văn bản số:... ngày.../.../... của (1))

1. Tên và địa điểm thực hiện Dự án:...
2. Giấy phép môi trường số ... ngày... tháng... năm... của...

3. Chủ dự án:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

- Thông tin liên hệ của đại diện chủ dự án, cán bộ phụ trách môi trường:

4. Thông tin chung về Dự án:

5. Các hạng mục công trình dự kiến vận hành thử nghiệm

6. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch.

8. Kiến nghị (nếu có):

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: ... (5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục 32. Mẫu báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

của Dự án (3)

Kính gửi: (2)

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên chủ dự án:
- Địa chỉ văn phòng:
- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Giấy phép môi trường của dự án số:.....

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

2.1. Hệ thống xử lý nước thải

Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng).

Kết quả đánh giá sự phù hợp của hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm		
		Thông số A	Thông số B	v.v...

		Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần n,							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 2.1.4 nêu trên.

3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi; các nội dung thay đổi khác có tác động tích cực hoặc không có tác động xấu đến môi trường)

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án được cấp trong giấy phép môi trường	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Giải trình về việc điều chỉnh, thay đổi
1.	
2...	

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì

sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

(4)

Nơi nhận:

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

Ghi chú:

- (1) Chủ dự án;
- (2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;
- (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);
- (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 33. Mẫu báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -----

Số: ... (Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

của Dự án (3)

Kính gửi: (2)

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên chủ dự án:
- Địa chỉ văn phòng:
- Điện thoại:; Fax:.....; E-mail:.....
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Giấy phép môi trường của dự án số:.....

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

2.1. Hệ thống xử lý nước thải

Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng).

Kết quả đánh giá sự phù hợp của hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) và được trình bày theo bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm		
		Thông số A	Thông số B	v.v...

		Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý	Trước xử lý (nếu có)	Sau xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần n,							
Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất).							

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 2.1.4 nêu trên.

3. Các nội dung điều chỉnh về loại, khối lượng chất thải nguy hại so với giấy phép môi trường đã được cấp

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi; các nội dung thay đổi có tác động tích cực hoặc không có tác động xấu đến môi trường, năng lực thiết bị có đảm bảo cho việc xử lý không)

STT	Mã CTNH đã được cấp trong giấy phép môi trường	Khối lượng được cấp trong giấy phép môi trường	Mã CTNH đề xuất điều chỉnh	Khối lượng đề xuất điều chỉnh	Giải trình về việc điều chỉnh
1.		

2...		
------	-----	-----	-----	--	--

4. Nội dung điều chỉnh về khối lượng phế liệu nhập khẩu so với giấy phép môi trường đã được cấp

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi; các nội dung thay đổi có phù hợp với năng lực của hệ thống thiết bị đã đáp phép không)

STT	Tên phế liệu được cấp trong giấy phép môi trường	Khối lượng phế liệu được cấp trong giấy phép môi trường	Khối lượng phế liệu đề xuất điều chỉnh	Giải trình trình về việc điều chỉnh, thay đổi
1.	
2...	

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

(4)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

(3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 34. Mẫu quyết định thành lập đoàn kiểm tra sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm

(1) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập đoàn kiểm tra đánh giá sự phù hợp hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại và hạng mục công trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất so với giấy phép môi trường đã được cấp của dự án (2)

(3)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng ... năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ giấy phép môi trường của dự án (2);

Xét đề nghị của (5) tại Văn bản số... ngày... tháng... năm.... về việc đề nghị kiểm tra của dự án (2);

Theo đề nghị của (6),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn kiểm tra hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại và hạng mục công trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất so với giấy phép môi trường đã được cấp của dự án (2) gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	Trưởng đoàn
2	Phó trưởng đoàn

3	Thư ký
4	Thành viên
...

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và lập biên bản kiểm tra việc (6) đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (2) theo quy định. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí cho hoạt động của đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và lấy từ nguồn kinh phí của (1).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; (5), (6) và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

(3)

- Như Điều 4;

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu...

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy phép môi trường của dự án hoặc cơ quan được ủy quyền;
 (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan cấp giấy phép môi trường của dự án hoặc cơ quan được ủy quyền; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Chủ dự án; (6) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao kiểm tra việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường của dự án.

Phụ lục 35. Mẫu bản nhận xét, đánh giá của thành viên đoàn kiểm tra**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ****hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại và hạng mục công trình sử dụng
phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất so với giấy phép môi trường đã
được cấp của dự án (1)**

1. Họ và tên người nhận xét, đánh giá:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác (tên cơ quan/đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail):
4. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra: số... ngày... tháng... năm... của (2)
- 5 Chức danh trong đoàn kiểm tra: ...
6. Nhận xét, đánh giá: *phần này nhận xét ngắn gọn về hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại và hạng mục công trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất so với giấy phép môi trường đã được cấp; những nội dung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và nêu chi tiết những tồn tại của từng công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện).*
- 6.1. Các hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại (nếu có):
 - Đánh giá sự phù hợp về loại chất thải đã được cấp phép xử lý;
 - Đánh giá sự phù hợp về công suất xử lý của hệ thống với khối lượng đã được cấp phép.
- 6.2. Các hạng mục công trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):
 - Đánh giá sự phù hợp về công suất của hệ thống với khối lượng phế liệu nhập khẩu đã được cấp phép.
- 6.3. Ý kiến khác:
 - Công trình xử lý nước thải.
 - Công trình xử lý bụi, khí thải.
 - Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.
 - Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.
 - Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

7. Kết luận về mức độ hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (1):

- Đạt yêu cầu để được cấp giấy xác nhận
- Không đạt yêu cầu (nêu rõ lý do).

(địa danh nơi viết nhận xét, đánh giá), ngày ... tháng ... năm

...

NGƯỜI VIẾT NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(ký, ghi họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (2) Cơ quan cấp giấy phép môi trường hoặc cơ quan được ủy quyền.

Phụ lục 36. Mẫu biên bản kiểm tra(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc-**

....., ngày..... tháng.....năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA**hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại và hạng mục công trình sử dụng
phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất so với giấy phép môi trường đã
được cấp của dự án (2)**

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (1) đã tiến hành kiểm tra đánh giá sự phù hợp của các hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại hoặc hạng mục công trình sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất của dự án (2):

- Thời gian kiểm tra: từ ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...
- Đối tượng kiểm tra: dự án (2)
- Địa điểm kiểm tra: *(ghi rõ địa điểm thực hiện dự án được kiểm tra).*
- Giấy phép môi trường của dự án số.....

I. Thành phần đoàn kiểm tra

- + Thành viên có mặt: *(chỉ ghi số lượng thành viên có mặt trên tổng số thành viên có tên trong quyết định thành lập đoàn kiểm tra, ví dụ: 7/9)*
- + Thành viên vắng mặt *(ghi đầy đủ số lượng, họ tên và chức danh trong đoàn kiểm tra của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt)*

II. Đại diện phía chủ dự án: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án)*

- Với sự tham gia của: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác của những người có mặt, nếu có)*

Sau khi kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường của dự án, các bên liên quan thống nhất như sau:

III. Nội dung kiểm tra: *(liệt kê các hạng mục công trình đã kiểm tra)***V. Lấy mẫu môi trường tại dự án:** *(nêu cụ thể số lượng mẫu môi trường được đoàn kiểm tra đo đạc, lấy đem phân tích để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải của dự án; quy chuẩn kỹ thuật về môi trường áp dụng để đánh*

giá chất lượng nguồn thải sau xử lý)

VI. Kết luận của đoàn kiểm tra:

Đánh giá sự phù hợp về loại, công suất xử lý của hệ thống xử lý chất thải nguy hại hoặc khối lượng phế liệu nhập khẩu giữa giấy phép môi trường đã được cấp với thực tế vận hành thử nghiệm, trong đó kết luận rõ có phải cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hay không.

VII. Ý kiến của chủ dự án: *(Chỉ ghi ý kiến của chủ dự án khác với nội dung, kết luận của đoàn kiểm tra nêu tại các mục III, IV, V và VI của biên bản; ghi cam kết của chủ dự án để thực hiện kết luận của đoàn kiểm tra).*

Biên bản được lập xong vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại..., đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, đoàn kiểm tra giữ.... bản, chủ dự án giữ.... bản để thực hiện./.

Đại diện chủ dự án	Thư ký đoàn kiểm tra	TM. Đoàn kiểm tra
(ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(ký, ghi họ tên)	Trưởng đoàn
		<i>(hoặc phó trưởng đoàn trong trường hợp được ủy quyền)</i>
		(ký, ghi họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;
- (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án.

Phụ lục 37. Danh sách các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được miễn đăng ký môi trường

1. Đào tạo nguồn nhân lực, các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại;
2. Sản xuất, trình chiếu và phát hành chương trình truyền hình, sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động truyền hình, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc;
3. Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định;
4. Dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng;
5. Dịch vụ ăn uống có quy mô diện tích nhà hàng phục vụ dưới 200 m²;
6. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ gia dụng quy mô cá nhân, hộ gia đình;
7. Dịch vụ photocopy, truy cập internet, trò chơi điện tử;
8. Chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô chuồng trại nhỏ hơn 50 m², nuôi trồng thủy hải sản trên quy mô diện tích nhỏ hơn 5.000 m² mặt nước;
9. Canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô cá nhân, hộ gia đình;
10. Trồng khảo nghiệm các loài thực vật quy mô dưới 1,0 ha;
11. Xây dựng nhà ở cá nhân, hộ gia đình;
12. Dự án, cơ sở nuôi trồng thủy sản có lưu lượng nước thải dưới 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa;
13. Dự án đầu tư, cơ sở không phát sinh khí thải phải xử lý, chỉ phát sinh nước thải và đã đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường, đồng thời không tự xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phụ lục 38. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

Phần I:

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương I.

KHÁI QUÁT CHUNG

I. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý phương án. Hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý phương án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý phương án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý phương án.

II. Cơ sở để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý:...

Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/phương án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai phương án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; quy định về công tác dự toán, đơn giá, định mức, quy chuẩn kỹ thuật khai thác khoáng sản, quy chuẩn môi trường áp dụng xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

III. Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

1. Công tác khai thác khoáng sản

- Nêu tóm tắt đặc điểm địa hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản; điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản.
- Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.
- Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.
- Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt phương án mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.
- Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.
- Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
- Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án; các giải pháp kiến trúc-xây dựng, thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

2. Hiện trạng môi trường

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông, hệ thống sông suối, đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.
- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương II.

CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng.
- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.
- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.
- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải

tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...).

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các giải pháp lựa chọn (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình) được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

Trong đó:

+ G_m : giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;

+ G_p : tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;

+ G_c : giá trị nguyên thủy của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);

Trên cơ sở đánh giá và so sánh chỉ số phục hồi đất và ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình), lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

II. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

III. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất

lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
I.1	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...						
I.2	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo đường lò, cửa lò khu A						

2	Hệ thống thoát nước khu A						
....						
II	Khu vực bãi thải						
1	San gạt khu A						
2	Trồng cây khu A.						
...	...						
III	Khu vực SCN và phụ trợ						
1	Tháo dỡ khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	...						
IV	Công tác khác						
...						

Chương III.

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn.

- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

II. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn.

II. Đơn vị nhận ký quỹ: Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

Chương IV.

CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

I. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của phương án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;
- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;
- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;
- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;
- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi cơ quan có phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

II. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

Phần II:

CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm
9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

2. Phụ lục các Hồ sơ, tài liệu liên quan

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường/bản cam kết bảo vệ môi trường/đề án bảo vệ môi trường đơn giản/đề án bảo vệ môi trường chi tiết/quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản/ giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);
- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư khai thác và thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương (nếu có);
- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành và địa phương liên quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

Phụ lục 39. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định, phê
duyet phương án cải tạo,
phục hồi môi trường “...
(2)...”

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., chủ dự án của ... (2)... thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản...Điều...Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung gồm:

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án kèm theo các bản vẽ liên quan;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường..(2)...của chúng tôi./.

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của dự án khai thác khoáng sản; (3) Cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân.

Phụ lục 40. Phương pháp tính và dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tùy thuộc vào phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn, tổng dự toán cải tạo, phục hồi môi trường (M_{cp}) bằng tổng các chi phí thực hiện các hạng mục chính dưới đây:

$$M_{cp} = M_{kt} + M_{cn} + M_{bt} + M_{xq} + M_{hc} + M_k$$

Trong đó:

M_{kt} : Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác, bao gồm các chi phí: củng cố bờ moong trong tầng đất phủ, trong tầng đá; lập hàng rào, biển báo; trồng cây xung quanh và khu vực moong khai thác; xây dựng các công trình thoát nước, xử lý nước; san gạt, phủ đất màu; đối với mỏ khai thác hầm lò, chi phí lắp kín cửa đường hầm vào mỏ, các lò nhánh (nếu cần thiết) theo quy phạm khai thác hầm lò; xây dựng hệ thống ngăn ngừa dòng thải axit mỏ đối với các mỏ khai thác khoáng vật sulfua và các mỏ có tính phóng xạ và các chi phí khác có liên quan;

M_{cn} : Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp, khu vực phân loại, làm giàu, khu vực phụ trợ và các hoạt động khác có liên quan, bao gồm các chi phí: tháo dỡ các công trình trên mặt bằng và vận chuyển đến nơi lưu chứa; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây; xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước;

M_{bt} : Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bãi thải, bao gồm các chi phí: san gạt, cắt tầng đảm bảo các yêu cầu an toàn; xây dựng kè chân tầng để đảm bảo an toàn, tránh trượt lở chân bãi thải; xây dựng hệ thống thu gom nước trên mặt tầng và chân tầng; xử lý nước từ các mặt tầng, chân tầng bãi thải trước khi xả ra môi trường; xây dựng hệ thống ngăn ngừa dòng thải axit mỏ đối với các mỏ khai thác khoáng vật sulfua và các mỏ có tính phóng xạ; trồng cây trên mặt tầng, sườn tầng các bãi thải;

M_{xq} : Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác, bao gồm các chi phí: nạo vét, khơi thông các dòng thủy vực; duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường vận chuyển; trồng cây tái tạo lại hệ sinh thái, thảm thực vật tại các khu vực xung quanh mỏ;

M_{hc} : chi phí duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường (được tính bằng 10% tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường); Chi phí hành chính phục vụ cho công tác cải tạo, phục hồi môi trường; chi phí thiết kế, thẩm định thiết kế; chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng; chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải;

M_k : Những khoản chi phí khác.

Phụ lục 41. Danh sách các chất POP được đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm

STT	Tên chất POP	Phụ lục của Công ước Stockholm	Lĩnh vực sử dụng	Hoạt động	Quy định về đăng ký miễn trừ của Công ước Stockholm
1	Hexabromodiphenyl ether và Heptabromodiphenyl ether (HBDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Không.
				Sử dụng	<p>Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được đăng ký miễn trừ theo các quy định tại phần IV, phụ lục A của Công ước Stockholm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Công ước Stockholm có thể được cho phép tái chế các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa hoặc có thể chứa HBDE; sử dụng và tiêu hủy các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được sản xuất từ vật liệu tái chế có chứa hoặc có thể chứa HBDE, với điều kiện: + Việc tái chế và tiêu hủy phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và không dẫn đến việc thu hồi các chất này để tái sử dụng; + Thành viên Công ước Stockholm thực hiện các bước để ngăn chặn việc xuất khẩu các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa HBDE vượt quá giới hạn cho phép để bán, sử dụng, nhập khẩu hoặc sản xuất trong lãnh thổ quốc gia; + Thành viên Công ước Stockholm thông báo với Ban Thư ký về đăng ký miễn trừ đối với HBDE. - Tại cuộc họp thường niên của Công ước Stockholm, Hội nghị các Bên sẽ đánh giá tiến độ đã đạt được để thực hiện mục tiêu cuối cùng là loại bỏ HBDE có trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị và xem xét nhu cầu tiếp tục của đăng ký miễn trừ. Đăng ký miễn trừ trong mọi trường hợp đối với HBDE có thời hạn đến năm 2030.

2	Tetrabromodiphenyl ether và Pentabromodiphenyl ether (PBDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Không.
				Sử dụng	<p>Nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa được sử dụng theo các quy định tại phần V, phụ lục A của Công ước Stockholm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Công ước Stockholm có thể được cho phép tái chế các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa hoặc có thể chứa PBDE; sử dụng và tiêu hủy các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được sản xuất từ vật liệu tái chế có chứa hoặc có thể chứa PBDE, với điều kiện: + Việc tái chế và tiêu hủy phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và không dẫn đến việc thu hồi các chất này để tái sử dụng; + Thành viên Công ước Stockholm không được phép đăng ký miễn trừ dẫn đến việc xuất khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa PBDE vượt quá giới hạn cho phép trong lãnh thổ quốc gia; + Thành viên Công ước Stockholm thông báo với Ban Thư ký về đăng ký miễn trừ đối với PBDE. - Tại cuộc họp thường niên của Công ước Stockholm, Hội nghị các Bên sẽ đánh giá tiến độ đã đạt được để thực hiện mục tiêu cuối cùng là loại bỏ PBDE có trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị và xem xét nhu cầu tiếp tục của đăng ký miễn trừ. Đăng ký miễn trừ trong mọi trường hợp đối với PBDE có thời hạn đến năm 2030.
3	Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF)	B	Công nghiệp, nông nghiệp	Sản xuất	Đăng ký miễn trừ theo mục đích quy định tại phần III, phụ lục B của Công ước Stockholm: Được phép hoặc sử dụng trung gian trong sản xuất các hóa chất khác được liệt kê tại dòng hoạt động sử dụng PFOS.
				Sử dụng	<p>1. Đăng ký miễn trừ riêng biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạ kim loại (mạ kiềm loại cứng) chỉ trong hệ thống khép kín;

					<ul style="list-style-type: none"> - Bọt chữa cháy (cho đám cháy loại B) trong các hệ thống đã lắp đặt, bao gồm cả hệ thống cố định và di động phù hợp với đoạn 10, phần III, phụ lục B của Công ước Stockholm. 2. Đăng ký miễn trừ theo mục đích sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Chất tạo ảnh; - Lớp phủ cản quang và lớp chống chói dành cho vật liệu bán dẫn; - Chất khắc (Etching agent) dùng trong các hợp chất bán dẫn và vật liệu lọc bằng sứ; - Chất lỏng thủy lực hàng không; - Mạ kim loại (mạ kim loại cứng) trong hệ thống khép kín; - Một số thiết bị y tế (chẳng hạn như các lớp ethylene tetrafluoroethylene copolymer (ETFE) và sản xuất ETFE không thấu xạ, các thiết bị chẩn đoán y tế trong ống nghiệm và thiết bị lọc màu CCD; - Bọt chữa cháy; - Bả côn trùng nhằm kiểm soát kiến xén lá từ <i>Atta spp.</i> và <i>Acromyrmex spp.</i>, chỉ sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp.
4	Hexabromocyclododecane (HBCDD)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Cho phép Thành viên Công ước Stockholm đã đăng ký miễn trừ theo quy định tại Phần VII, Phụ lục A của Công ước Stockholm. Các bên đăng ký miễn trừ HBCDD cho mục đích cách nhiệt đối với các vật liệu cách nhiệt expanded polystyrene (EPS) và extruded polystyrene (XPS) trong các tòa nhà phải đảm bảo các biện pháp cần thiết bằng cách dán nhãn hoặc các biện pháp kiểm soát trong suốt vòng đời sản phẩm.
				Sử dụng	Vật liệu cách nhiệt EPS và XPS được sử dụng trong lĩnh vực xây dựng theo quy định của Phần VII, Phụ lục A của Công ước Stockholm.
5	Polychlorinated	A, C	Nông nghiệp,	Sản xuất	Sử dụng trung gian trong quá trình sản xuất, bao gồm

	naphthalene (PCN)		phát sinh không chủ định		octafluoronaphthalene.
				Sử dụng	Các sản phẩm chứa polychlorinated naphthalene, bao gồm octafluoronaphthalene.
6	Decabromodiphenyl ether (DBDE)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Cho phép Thành viên Công ước Stockholm đã đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm.
				Sử dụng	Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị được sử dụng theo các quy định tại phần IX, phụ lục của Công ước Stockholm, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Các bộ phận của phương tiện giao thông (vật liệu cách nhiệt, hệ thống dây điện, vải bọc,...) - Máy bay đang sử dụng trước tháng 12/2018, và nhận trước tháng 12/2022, các phụ tùng thay thế cho các chiếc máy bay đó; - Các sản phẩm dệt may có chứa chất chống cháy trừ quần áo và đồ chơi; - Phụ gia trong các sản phẩm nhựa gia dụng, thiết bị điện và thiết bị gia dụng (thiết bị sưởi ấm, bàn là, quạt) chứa hoặc tiếp xúc trực tiếp với các bộ phận điện hoặc yêu cầu tuân thủ theo tiêu chuẩn chống cháy với nồng độ thấp hơn 10% trọng lượng của thiết bị; - Bọt polyurethane cách nhiệt trong lĩnh vực xây dựng.
7	Các paraffin mạch ngắn chứa clo (SCCP)	A	Công nghiệp	Sản xuất	Cho phép Thành viên Công ước Stockholm đã đăng ký miễn trừ theo quy định của Công ước Stockholm.
				Sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ gia trong sản xuất cao su; - Chất làm chậm cháy trong cao su, mực, keo dính và chất phủ bề mặt; - Sơn chống cháy và chống thấm; - Chế phẩm chứa dầu trong sản xuất da; - Sản xuất ccs loại ống cho bóng đèn trang trí ngoài trời; - Phụ gia trong dầu bôi trơn hoặc chất làm lạnh trong cắt kim

					loại hoặc tạo hình kim loại. - Chất làm dẻo thứ cấp trong polyvinyl chloride, ngoại trừ trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em.
8	Perfluorooctanoic acid (PFOA), muối của chúng và các hợp chất liên quan đến PFOA	A	Công nghiệp	Sản xuất	- Bột chũr cháy: Không - Các sản xuất khác được phép thực hiện theo quy định tại phần X, phụ lục của Công ước Stockholm.
				Sử dụng	Theo quy định tại phần X, Phụ lục của Công ước: - Lớp phủ chụp ảnh được áp dụng trong tráng phim; - Lớp phủ hình ảnh áp dụng cho phim; - Dệt may (chất chống thấm dầu và nước); - Thiết bị y tế dùng cho cấy ghép; - Bột chữa cháy (đám cháy loại B); - Sản xuất polytetrafluoroetylen (PTFE) và polyvinylidene fluoride (PVDF): Màng lọc khí hiệu suất cao, chống ăn mòn, màng lọc nước và màng lọc khí kháng khuẩn cho lĩnh vực y tế; thiết bị trao đổi khí thải công nghiệp; chất bịt kín công nghiệp có khả năng ngăn chặn rò rỉ các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và bụi PM2.5; - Sản xuất polyfluoroetylen propylene (FEP) để sản xuất dây và cáp điện cao thế để truyền tải điện; - Sản xuất fluoroelastomers để sản xuất vòng chữ O, đai và phụ kiện nhựa cho nội thất ô tô; - Miễn trừ sử dụng PFOA trong sản xuất dược phẩm đến năm 2036.

Phụ lục 42. Mẫu đề nghị đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP**Mẫu số 1**

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đăng ký nhu cầu sản
xuất, sử dụng các chất POP

Kính gửi: (2)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngàytháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tên tổ chức/cá nhân.....

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Email:

Đăng ký kinh doanh số.....ngày.....tháng.....năm.....tại...

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Họ tên người đại diện pháp luật.....Chức danh

CCCD/Hộ chiếu số:.....

Đơn vị cấp:.....ngày cấp

Hộ khẩu thường trú

Thông tin về người đăng ký:

- Họ tên người phụ trách:

- Số điện thoại di động:

Email:

Đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP sau:

a) Đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP (trừ chất PFOS, các muối của nó và PFOSF) thuộc Phụ lục 39 ban hành kèm theo Nghị định này

Tên chất POP	
--------------	--

Đã thực hiện đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng lần gần nhất	Thời gian:
	Chất POP đã đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng:
Thời gian đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng	
Ước tính khối lượng chất POP được sản xuất, sử dụng hằng năm	
Các lý do đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng	
Ghi chú	

b) Đăng ký nhu cầu sản xuất và sử dụng PFOS, các muối của nó và PFOSF thuộc Phụ lục 42 của Nghị định này

- Đăng ký nhu cầu sử dụng PFOS, các muối của nó và PFOSF:

Đăng ký nhu cầu sử dụng: (Có thể chọn nhiều nội dung)	<input type="checkbox"/> Mạ kim loại (mạ kiềm loại cứng) chỉ trong hệ thống khép kín; <input type="checkbox"/> Bọt chữa cháy (cho đám cháy loại B) trong các hệ thống đã lắp đặt, bao gồm cả hệ thống cố định và di động.
Nêu cụ thể tên chất POP và/hoặc chất ban đầu của nó (nếu có): số CAS, tên thương mại	<input type="checkbox"/> Either perfluorooctane sulfonic acid (CAS No: 1763-23-1); <input type="checkbox"/> Potassium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 2795-39-3); <input type="checkbox"/> Lithium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 29457-72-5); <input type="checkbox"/> Ammonium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 29081-56-9); <input type="checkbox"/> Diethanolammonium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 70225-14-8); <input type="checkbox"/> Tetraethylammonium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 56773-42-3); <input type="checkbox"/> Didecyldimethylammonium perfluorooctane sulfonate (CAS No: 251099-16-8); <input type="checkbox"/> Perfluorooctane sulfonyl fluoride (CAS No: 307-35-7).
Thời gian đăng ký nhu cầu sử dụng	
Các lý do đăng ký nhu cầu sử dụng	
Ghi chú	

- Đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng PFOS, các muối của nó và PFOSF theo các mục đích được phép:

Đăng ký việc sản xuất	Có tiếp tục sản xuất không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Thời gian dự kiến từ ngày..... tháng.... năm.....
Đăng ký việc sử dụng	Có tiếp tục sử dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Thời gian dự kiến từ ngày..... tháng.... năm.....
Các mục đích (Có thể chọn nhiều nội dung)	Các mục đích được phép hoặc sử dụng trung gian trong sản xuất hóa chất, như sau: <input type="checkbox"/> Chất tạo ảnh <input type="checkbox"/> Lớp phủ cản quang và lớp chống chói dành cho vật liệu bán dẫn <input type="checkbox"/> Chất khắc (Etching agent) dùng trong các hợp chất bán dẫn và vật liệu lọc bằng sứ <input type="checkbox"/> Chất lỏng thủy lực hàng không <input type="checkbox"/> Mạ kim loại (mạ kim loại cứng) trong hệ thống kín <input type="checkbox"/> Một số thiết bị y tế (chẳng hạn như các lớp ethylene tetrafluoroethylene copolymer (ETFE) và sản xuất ETFE không thấu xạ, các thiết bị chẩn đoán y tế trong ống nghiệm và thiết bị lọc màu CCD <input type="checkbox"/> Bọt chữa cháy <input type="checkbox"/> Bả côn trùng nhằm kiểm soát kiến xén lá từ <i>Atta spp.</i> và <i>Acromyrmex spp.</i>
Nêu cụ thể tên chất POP và/hoặc chất ban đầu của nó (nếu có): số CAS, tên thương mại	
Ghi chú	

Chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật, nếu vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

... (3) ...

- ... (2) ...;

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

- ... (4) ...

- Lưu ...

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ các chất POP;*
- (2) Bộ Tài nguyên và Môi trường;*
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Tổ chức hoặc cá nhân đăng ký miễn trừ các chất POP;*
- (4) Nơi nhận khác (nếu có).*

Mẫu số 2**MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ NHU CẦU SẢN XUẤT, SỬ DỤNG CÁC CHẤT POP****(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ)****BÁO CÁO ĐĂNG KÝ NHU CẦU SẢN XUẤT, SỬ DỤNG CÁC CHẤT POP****TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ (*)****(Người đại diện có thẩm quyền
ký, ghi họ tên, đóng dấu)****CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (*)****(Người đại diện có thẩm quyền
ký, ghi họ tên, đóng dấu)****Tháng ... năm ...***Ghi chú:**(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.*

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ NHU CẦU SẢN XUẤT, SỬ DỤNG CÁC CHẤT POP

MỤC LỤC

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị:
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng chất POP:.....
4. Tên người liên hệ:.....
- Chức vụ: Điện thoại: Fax: Email:

II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện sản xuất, sử dụng các chất POP

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.
2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; quy mô; công suất; nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP.
3. Mô tả năng lực đăng ký sản xuất, sử dụng chất POP:
 - a) Đối nhập khẩu chất POP:
 - Tên chất POP nhập khẩu, mã CAS, mã HS, Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) đối với chất POP, khối lượng dự kiến nhập khẩu theo năm.
 - Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu chất POP.
 - Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường: Kho lưu giữ, thiết bị phòng cháy chữa cháy, khu vực lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh,...
 - Tình trạng tiếp giáp của khu vực lưu giữ chất POP với khu vực xung quanh.
 - Phương pháp cách ký các yếu tố ảnh hưởng.
 - b) Trường hợp sản xuất chất POP:
 - Tên chất POP sản xuất, mã CAS, mã HS, Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) đối với chất POP, khối lượng dự kiến sản xuất theo năm.
 - Mô tả cụ thể mục đích sản xuất chất POP.
 - Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường: Kho lưu giữ, các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, sản xuất; Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất.
 - Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).
 - c) Trường hợp sử dụng chất POP:
 - Tên chất POP sử dụng, mã CAS, mã HS, khối lượng dự kiến sử dụng theo năm.

- Mô tả cụ thể mục đích sử dụng chất POP.
- Loại hình sử dụng: mô tả cụ thể loại hình sử dụng và công đoạn phát sinh chất thải.
- Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường

III. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 43. Mẫu quyết định thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP của “...(2)...”

...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...(1)...;

Theo đề nghị của ...(4)...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra để đánh giá hồ sơ nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP của “...(2)...” gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông/bà ..., Trưởng đoàn;
2. Ông/bà ..., Phó Trưởng đoàn (nếu có);
3. Ông/bà ..., Thành viên;
4.
5. Ông/bà ..., Thành viên, thư ký.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP của “...(2)...” trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu có liên quan làm căn cứ đăng ký miễn trừ các chất POP.

Điều 3. Việc kiểm tra phải được hoàn thành trước ngày ... tháng ... năm ...

Điều 4. Chi phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng (4), các ông, bà có tên trong Điều 1, tổ chức, cá nhân "...(2)..." chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

...(3)...

- Như Điều 5;

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

- ... (5) ...

- Lưu ...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp (Tổng cục Môi trường ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra);

(2) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;

(3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định (Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường);

(4) Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì thực hiện kiểm tra.

(5) Nơi nhận khác (nếu có).

Phụ lục 44. Mẫu biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ
NHU CẦU SẢN XUẤT, SỬ DỤNG CÁC CHẤT POP**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của *(tên cơ quan ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra)* về việc thành lập Đoàn kiểm tra để đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP của *(Tên tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ)*.

I. Thông tin Tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

II. Thành phần Đoàn Kiểm tra gồm: *(ghi đầy đủ họ tên của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và tất cả các thành viên có mặt)*

III. Đại diện tổ chức, cá nhân: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ những người có mặt)*

IV. Nội dung làm việc của Đoàn đánh giá

Đoàn kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động, hồ sơ của tổ chức đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP theo từng vấn đề:

a) Tư cách pháp nhân;

b) Loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; quy mô; công suất; nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP;

c) Mô tả năng lực của tổ chức đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP.

V. Nhận xét, đánh giá: *(nhận xét, đánh giá về các nội dung kiểm tra nói trên)*

VI. Kết luận

1. Các kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân.

2. Thông báo về kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP.

VII. Ý kiến của tổ chức, cá nhân

Biên bản được lập vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ... tại ... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe.

**Đại diện có thẩm quyền
của tổ chức, cá nhân**

(Ký, ghi họ tên, chức vụ)

Thư ký đoàn kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 45. Mẫu văn bản thông báo kết quả đánh giá nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo kết quả đăng
ký đánh giá nhu cầu sản
xuất, sử dụng các chất POP

Kính gửi: ...(2)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của (3) về việc thành lập Đoàn kiểm tra để đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP của (2);

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP ngày ... tháng ... năm ..., (1) thông báo kết quả đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP như sau:

Tên tổ chức/cá nhân.....

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Email:

Đăng ký kinh doanh số.....ngày.....tháng.....năm.....tại...

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Họ tên người đại diện pháp luật.....Chức danh

CCCD/Hộ chiếu số:.....

Đơn vị cấp:.....ngày cấp

Hộ khẩu thường trú

Thông tin về người đăng ký:

- Họ tên người phụ trách đăng ký:

- Số điện thoại di động:

Email:

Nội dung đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng các chất POP

Tên chất POP	
Đã thực hiện đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng lần gần nhất	Thời gian:
	Chất POP đã đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng:
Thời gian đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng	
Ước tính khối lượng chất POP được sản xuất, sử dụng hằng năm	
Các lý do đăng ký nhu cầu sản xuất, sử dụng	
Ghi chú	

Nơi nhận:

... (4) ...

- ... (2) ...;

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

- ... (5) ...

- Lưu ...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thông báo kết quả đăng ký miễn trừ các chất POP;

(2) Tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ các chất POP;

(3) Tên cơ quan ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ban hành văn bản thông báo kết quả đăng ký miễn trừ các chất POP;

(5) Nơi nhận khác (nếu có).

Phụ lục 46. Mẫu quyết định thành lập Đoàn kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của “... (2) ...”

...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...(1)...;

Theo đề nghị của ...(4)...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của “...(2)...” gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông/bà ..., Trưởng đoàn;
2. Ông/bà ..., Phó Trưởng đoàn (nếu có);
3. Ông/bà ..., thành viên;
4.
5. Ông/bà ..., thành viên, thư ký.

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô

những khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của “...(2)...” theo các nội dung sau:

- a) Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy; các yêu cầu về bảo vệ môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa liên quan đến quá trình sản xuất, nhập khẩu;
- b) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, công bố thông tin và các tài liệu kèm theo cần kiểm tra;
- c) Lấy mẫu để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng.

Điều 3. Việc kiểm tra phải được hoàn thành trước ngày...tháng... năm ...

Điều 4. Chi phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng (4), các ông, bà có tên trong Điều 1, tổ chức, cá nhân “...(2)...” chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- ...(5)...
- Lưu ...

...(3)...

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp (Tổng cục Môi trường ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra);

(2) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;

(3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định (Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường);

(4) Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì thực hiện kiểm tra;

(5) Nơi nhận khác (nếu có)

Phụ lục 47. Mẫu biên bản kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT Ô NHIỄM KHÓ PHÂN HỦY VÀ NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, THIẾT BỊ CÓ CHỨA CHẤT Ô NHIỄM KHÓ PHÂN HỦY

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc thành lập Đoàn kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (2), Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Thời gian kiểm tra: từ ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ...

I. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm: *(ghi đầy đủ họ tên của Trưởng đoàn và tất cả các thành viên có mặt)*

II. Đại diện tổ chức, cá nhân: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ những người có mặt)*

III. Nội dung kiểm tra

1) Kiểm tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật môi trường về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy; các yêu cầu về bảo vệ môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa liên quan đến quá trình sản xuất, nhập khẩu;

2) Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, công bố thông tin và các tài liệu kèm theo;

3) Lấy mẫu để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận theo tiêu chuẩn đã

công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng.

IV. Nhận xét, đánh giá: *(nhận xét, đánh giá về các nội dung kiểm tra nói trên)*

V. Kết luận

1. Các kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân.
2. Thông báo về kết quả kiểm tra, đánh giá sự phù hợp sau khi có kết quả thử nghiệm.

VI. Ý kiến của tổ chức, cá nhân

Biên bản được lập vào hồi ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ... tại ... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe.

**Đại diện có thẩm quyền
của tổ chức, cá nhân**
(Ký, ghi họ tên, chức vụ)

Thư ký đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trưởng đoàn kiểm tra và đại diện tổ chức, cá nhân ký nháy vào góc dưới phía trái của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

Phụ lục 48. Mẫu văn bản thông báo kết quả kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

...(1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo kết quả kiểm tra về bảo vệ môi trường

Kính gửi: ...(2)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc thành lập Đoàn kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (2);

Căn cứ Biên bản kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy ngày ... tháng ... năm ..., ...(1)... thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Đoàn kiểm tra đã lấy mẫu để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng, cụ thể:

TTT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy hoặc nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Mã HS	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/ Nhà sản xuất hoặc nhập khẩu	Khối lượng/ số lượng mẫu đã mẫu, đơn vị tính	Ghi chú
1						
2						

2. Căn cứ kiểm tra:

- + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:
- + Quy định khác:

3. Kết quả kiểm tra: *Ghi một trong các nội dung:*

- + Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng;
- + Không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng, trong trường hợp này, yêu cầu (2) phải thực hiện các yêu cầu theo quy định tại khoản ... Điều ... Nghị định này.

Nơi nhận:

...(3)...

- ... (2) ...;

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

- ... (4) ...

- Lưu ...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra (Tổng cục Môi trường);
- (2) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định (Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường);
- (4) Nơi nhận khác (nếu có).

Phụ lục 49. Mẫu văn bản đề nghị miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu(Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế
liệu)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị miễn kiểm tra chất
lượng phế liệu nhập khẩu

Kính gửi: Bộ Tài chính

(hoặc cơ quan được ủy quyền)

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....; Fax.....; Email.....

Thông tin về phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất đề nghị được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu: tên gọi, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của cùng một nhà cung cấp tại một quốc gia xuất khẩu hoặc phế liệu nhập khẩu có kết quả chứng nhận, giám định chất lượng của tổ chức chứng nhận, giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật. Thông tin chi tiết về phế liệu nhập khẩu đề nghị miễn kiểm tra như sau:

TT	Tên phế liệu nhập khẩu (mã HS)	Đặc tính kỹ thuật (loại, hình dạng,...)	Xuất xứ (đơn vị/ nước xuất khẩu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu (tấn)		
				Theo giấy xác nhận	Đã nhập	Còn lại được miễn kiểm tra
1	Nhựa phế liệu...	màng/bao bì,...	Công ty A/ Nhật	100.000	50.000	50.000
2	...					

Sau 5 lần nhập khẩu liên tiếp, phế liệu nhập khẩu của chúng tôi có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường thuộc đối tượng được miễn kiểm tra chất

lượng phế liệu nhập khẩu quy định tại khoản xx Điều xx Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chúng tôi xin gửi kèm theo Chứng thư giám định chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường của 5 lần nhập khẩu liên tiếp gần nhất và 01 bộ hồ sơ phế liệu nhập khẩu đã nhập cùng loại, gồm:

- Hợp đồng (Contract) số:
- Danh mục phế liệu (Packing list):
- Chứng chỉ/chứng nhận/chứng thư giám định của tổ chức giám định phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định) hoặc tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật.
- Hóa đơn (Invoice) số:
- Vận đơn (Bill of Lading) số:
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (bản tự khai điện tử) số:
- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:
- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (nếu có) số: ... do...cấp
- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa.
- Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
- Văn bản xác nhận đã ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu.

Đề nghị Bộ Tài chính (hoặc cơ quan được ủy quyền) xem xét, cấp Văn bản xác nhận miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu cho chúng tôi theo quy định tại khoản 6 Điều 60 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các nội dung đề nghị miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng các lô phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất của chúng tôi sẽ nhập đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường./.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ
CHỨC, CÁ NHÂN**

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu....

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; ký số hoặc
được xác thực bằng chữ ký điện tử trong
trường hợp quét từ bản chính)*

Phụ lục 50. Mẫu văn bản xác nhận miễn, giảm kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN XÁC NHẬN

MIỄN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

(1) XÁC NHẬN

1. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân nhập khẩu

Tên đầy đủ của (2):

Địa chỉ:

Địa điểm hoạt động: (của dự án, cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu)

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

Giấy xác nhận: số ngày.... của

2. Nội dung xác nhận

Xác nhận (2) đủ điều kiện miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu đối với các lô hàng phế liệu có cùng tên gọi, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của cùng một nhà cung cấp tại một quốc gia xuất khẩu hoặc phế liệu nhập khẩu có kết quả chứng nhận, giám định chất lượng của tổ chức chứng nhận, giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật, cụ thể:

TT	Tên phế liệu nhập khẩu (mã HS)	Đặc tính kỹ thuật (loại, hình dạng,...)	Xuất xứ (đơn vị/nước xuất khẩu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu (tấn)		
				Theo giấy xác nhận	Đã nhập	Còn lại được miễn kiểm tra
1	Nhựa phế liệu...	Màng/bao bì,...	Công ty A/ Nhật	100.000	50.000	50.000
2	...					

3. Thời hạn hiệu lực của Văn bản xác nhận: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (hết ngày hiệu lực của Văn bản này)/.

Nơi nhận:

- Như trên (02 bản);
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/TP...;
- Cổng thông tin một cửa Quốc gia;
- Lưu, website,...

THỦ TRƯỞNG CỦA (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu. Ký bản giấy và ký số hoặc được xác thực bằng chữ ký điện tử trong trường hợp quét từ bản chính lên Cổng thông tin một cửa quốc gia)

Ghi chú: (1) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

(2) Tên tổ chức, cá nhân có cơ sở sử dụng phé liệu nhập khẩu.

Phụ lục 51. Mẫu báo cáo tình hình nhập khẩu kèm theo kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường của các lô hàng phế liệu nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: ... (Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Về nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu năm/quý

Kính gửi: (2)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU

- Tên (1): (tổ chức, cá nhân nhập khẩu, địa chỉ, địa điểm cơ sở sản xuất, người đại diện theo pháp luật; người liên hệ, chức vụ, điện thoại, fax, email,...)
- Sản phẩm sản xuất ra từ phế liệu nhập khẩu:
- Giấy xác nhận đã cấp số:..... ngày Cơ quan cấp

II. BÁO CÁO VỀ NHẬP KHẨU, SỬ DỤNG PHÉ LIỆU ĐÃ NHẬP KHẨU TRONG NĂM

Lô hàng phế liệu nhập khẩu	Thời điểm nhập	Khối lượng phế liệu đã nhập khẩu	Cửa khẩu nhập khẩu	Số tiền ký quỹ phế liệu	Hoàn trả/sử dụng số tiền ký quỹ
1. Phế liệu...					
Lô 1					
Lô 2...					
Tổng cộng					
Đã sử dụng					
2. Phế liệu...					

III. BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: (báo cáo các nội dung về: tình trạng kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; tình hình thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải phát sinh; kết quả vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế phế liệu; việc chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; kết quả quan trắc chất thải: quan trắc tự động liên tục, quan trắc định kỳ,...; việc xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có); các nội dung bảo vệ môi trường khác). Chứng thư giám định các lô hàng đã thông quan đối với trường hợp được miễn kiểm tra.

IV. KIẾN NGHỊ

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Báo cáo này được lồng ghép và là một phần của báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm của các cơ sở, khu công nghiệp;

(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở, nhà máy sử dụng phế liệu nhập khẩu.

Phụ lục 52. Mẫu văn bản đề nghị sử dụng dung dịch khoan nền không nước

(Tên tổ chức, cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*Địa danh, ngày...tháng ...năm ...*V/v đề nghị sử dụng dung
dịch khoan nền không nước

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Thông tin chung:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

Chứng minh thư/hộ chiếu (đối với cá nhân):

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

Loại hình hoạt động:

Tên người liên hệ:

2. Mô tả tóm tắt dự án/hoạt động dự kiến sử dụng dung dịch khoan nền không nước:**3. Thông tin về dung dịch khoan nền không nước đăng ký sử dụng:****3.1. Danh mục đăng ký sử dụng:**

TT	Tên dung dịch khoan	Khối lượng của dung dịch nền bám dính theo mùn khoan thải (ước tính)	Phương pháp xử lý

3.2. Đặc điểm, đặc tính của dung dịch khoan nền không nước dự kiến sử dụng

- Tên thương mại:
- Tên công thức hóa học:
- Phân loại hóa chất:
- Mã SICC:
- Nhà sản xuất:
- Mã hóa chất:
- Đặc điểm lý hóa: (màu sắc, mùi vị, độ nhớt...)
- Thành phần hóa học của dung dịch khoan nền không nước

- Tính chất vật lý của dung dịch khoan nền không nước

4. Phương án sử dụng dung dịch khoan nền không nước:

- Vị trí;
- Thời gian dự kiến;
- Lý do cần phải sử dụng dung dịch khoan nền không nước;
- Các kết quả phân tích thử nghiệm tại Việt Nam của dung dịch khoan nền không nước;
- Khối lượng dự kiến sử dụng;
- Cách thức sử dụng và các biện pháp giám sát, giảm thiểu tác động môi trường do việc sử dụng;
- Cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước.

5. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ đi kèm:

- Bản sao hồ sơ có các thông tin về dung dịch khoan nền không nước của nhà sản xuất;
- Bản gốc các kết quả phân tích thử nghiệm tại Việt Nam của dung dịch khoan nền không nước (đối với trường hợp lần đầu sử dụng tại Việt Nam).

Chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và đồng ý sử dụng.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 53. Địa điểm, thời gian, tần suất, thông số quan trắc môi trường đối với các hoạt động dầu khí ngoài khơi

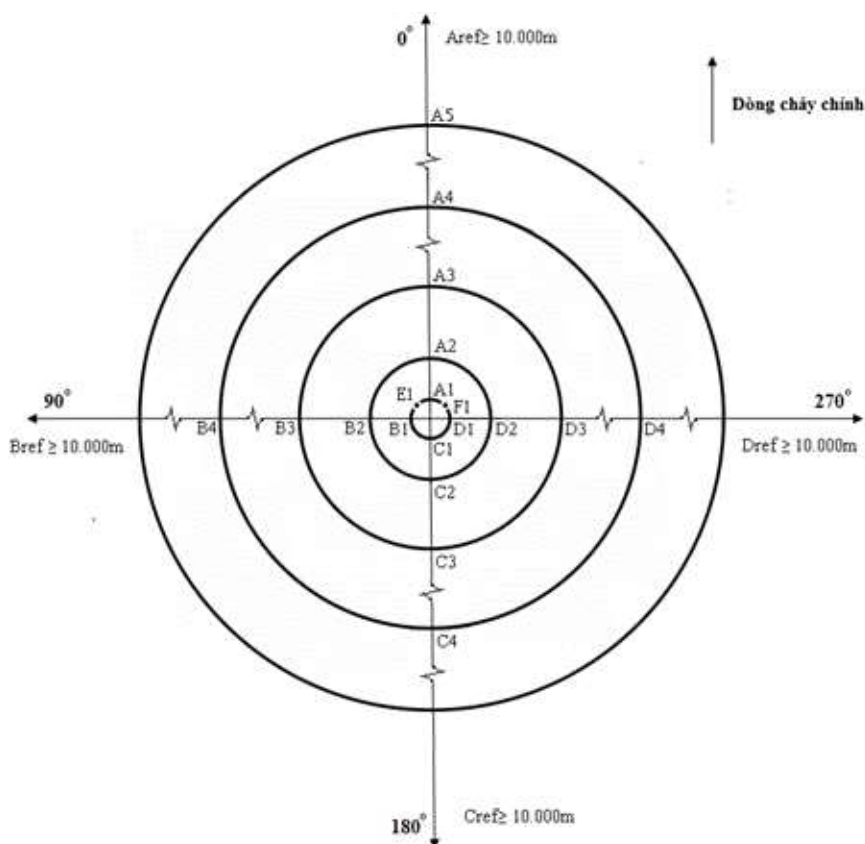
1. Địa điểm, thời gian, tần suất, thông số quan trắc:

Bảng 1: Tần suất, loại mẫu và vị trí (số lượng) mẫu quan trắc theo từng hoạt động

TT	Hoạt động		Loại mẫu	Tần suất	Các điểm quan trắc, được thể hiện tại Hình 1 và Bảng 2	Thông số quan trắc
1	Khoan thăm dò dung dịch khoan nền nước		Không cần thực hiện quan trắc môi trường			
2	Khoan thăm dò bằng dung dịch khoan nền không nước mới	Quan trắc môi trường trước thăm dò	Mẫu nước	01 lần trước khi khoan thăm dò	A3, B3, C3, D3	Quy định tại mục: 2.2.1; 2.2.2.
			Mẫu Trầm tích		A3, B3, C3, D3	Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5.
	Quan trắc môi trường sau khoan thăm dò	Mẫu nước	01 lần sau khi khoan thăm dò	A1, A2, Aref, C1, Cref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2	
		Mẫu Trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.	
3	Khoan phát triển và khai thác mỏ	Quan trắc môi trường trước khi phát triển và khai thác mỏ	Mẫu nước	01 lần trước khi khoan phát triển và khai thác mỏ	A1, A2, Aref, C1, Cref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2
			Mẫu trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.
	Quan trắc môi trường	Mẫu nước	01 lần đầu sau 1 năm khai	A1, A2, Aref, B1, Bref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2.	
		Mẫu trầm		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4,	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3,	

		sau khi phát triển và khai thác mỏ	tích	thác dòng dầu/khí thương mại đầu tiên, các lần quan trắc sau tiến hành 3 năm/lần	Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4 Trong trường hợp kết quả THC của mẫu trầm tích đáy ghi nhận tại 1 trong các điểm A1, B1, C1, D1 vượt quá 50 mg/kg khô, cần bổ sung thêm hai điểm quan trắc E và F trong vòng bán kính 250 m. Trong trường hợp có những mỏ có nhiều nguồn thải từ các công trình tương đối gần nhau (cụm các công trình). Khi khoảng cách giữa 2 điểm thuộc 2 mạng lưới lấy mẫu nhỏ hơn 500 m, chỉ cần tiến hành lấy mẫu tại điểm thuộc mạng lưới có khả năng phát sinh lượng thải nhiều hơn.	2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.
		Quan trắc đường ống chính dẫn dầu /khí	Mẫu nước	01 lần trước khi lắp đặt	Ít nhất 03 điểm lấy mẫu đáy bao gồm điểm đầu điểm cuối, bố trí dọc theo tuyến ống, nằm xuôi hướng dòng chảy chiếm ưu thế cách đường ống khoảng 250 m, khoảng cách tối đa giữa các điểm là 20 km	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2
			Mẫu trầm tích			Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5; 2.1.6.
4	Hoạt động tháo dỡ công trình dầu khí	Quan trắc sau tháo dỡ	Mẫu nước	01 lần trước tháo dỡ và 01 lần sau khi tháo dỡ xong	A1, A2, Aref, B1, Bref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2.
			Mẫu trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5; 2.1.6

Hình 1. Sơ đồ mạng lưới các điểm lấy mẫu quan trắc môi trường



Bảng 2. Mạng lưới lấy mẫu trầm tích và mẫu nước biển

(0° là hướng của dòng chảy chính kể từ tâm của hệ trục tọa độ tròn)

Vị trí	Khoảng cách kể từ tâm (m)	0°	90°	180°	270°	45°	315°	Ghi chú
1	250	A1	B1	C1	D1	E1	F1	
2	500	A2	B2	C2	D2			
3	1.000	A3	B3	C3	D3			
4	2.000	A4	B4	C4	D4			
5	4.000	A5						
6	Tối thiểu 10.000	A _{ref}	B _{ref}	C _{ref}	(Hoặc D _{ref})			Vị trí đối chiếu

2. Các thông số quan trắc

2.1. Quan trắc trầm tích đáy

2.1.1. Đặc điểm trầm tích đáy: Mô tả bề mặt trầm tích đáy, các loài động vật sống, màu

sắc, mùi (nếu có).

2.1.2. Tổng hàm lượng vật chất hữu cơ (TOM)

2.1.3. Phân bố độ hạt, nhiệt độ, độ ẩm, pH, Eh hoặc ORP

2.1.4. Hydrocacbon và dung dịch khoan nền không nước

- Tổng hàm lượng hydrocacbon (THC)

- Hàm lượng của 16 hydrocacbon thơm đa vòng (tại Bảng 3) và các đồng đẳng alkyl C1 – C3 của chúng (NPD) được phân tích tại tất cả điểm thuộc vòng 250 m, một điểm thuộc vòng 1.000 m, các điểm đối chiếu và các điểm khi có hàm lượng THC lớn hơn 50 mg/kg khô.

2.1.5. Kim loại nặng

- Phân tích các kim loại As, Ba, Cd, Cr, Cu, Pb, Zn và Hg.

2.1.6. Quần xã động vật đáy (quy định tại Bảng 4)

- Số loài trên diện tích lấy mẫu 0,5 m² (ở mỗi điểm lấy mẫu);

- Mật độ (số cá thể/đơn vị diện tích) quy về diện tích 1,0 m² (ở mỗi trạm lấy mẫu);

- Danh sách đầy đủ các loài; hoặc các cấp độ phân loại tới mức thấp nhất có thể (giống, họ, bộ...) trong trường hợp không thể định danh được đến mức loài;

- Bảng danh mục các loài chiếm ưu thế ở mỗi điểm lấy mẫu;

- Tính đa dạng, được thể hiện bằng chỉ số đa dạng sinh học (Chỉ số Shannon Wiener) - Hs trên cơ sở log₂;

- Chỉ số tương đồng Pielou (J);

- Chỉ số Hulbert ES100 khi số cá thể lớn hơn 100.

2.2. Quan trắc chất lượng môi trường nước

2.2.1. Các thông số đo đạc tại hiện trường

Nhiệt độ, pH, hàm lượng oxy hòa tan (DO), độ mặn.

2.2.2. Các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm

Tổng cacbon hữu cơ (TOC), tổng hydrocacbon (THC), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Zn, Hg, Cd, tổng Cr, Cu, As, Pb và Ba.

Bảng 3. Danh mục 16 hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)

STT	Tên hợp chất
1	Acenaphthene
2	Acenaphthylene
3	Anthracene
4	Benzo (a) anthracene
5	Benzo (a) pyrene

6	Benzo (b) fluoranthene
7	Benzo (ghi) perylene
8	Benzo (k) fluoranthene
9	Chrysene
10	Dibenzo (a,h) anthracene
11	Fluoranthene
12	Fluorene
13	Indeno (1,2,3-cd) pyrene
14	Naphthalene
15	Phenanthrene
16	Pyrene

Bảng 4. Đánh giá mức độ đa dạng của quần xã động vật đáy

Đa dạng động vật đáy $H_s = 1 - 5$ (Theo chỉ số đa dạng Shannon Weiner)	
$H_s = 0 - 0,99$	1
$H_s = 1 - 1,99$	2
$H_s = 2 - 2,99$	3
$H_s = 3 - 3,99$	4
$H_s > 4$	5

Phụ lục 54. Mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho mỗi lần chuyển giao đối với nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường

I. MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT Số:.....		
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):			
Địa chỉ văn phòng: ĐT:			
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):			
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:			
Địa chỉ cơ sở xử lý: ĐT:			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1		
2		
	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày tháng năm....	, ngày tháng năm....	
Bên giao (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		Bên nhận (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

1. Biên bản bàn giao được lập giữa chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển và chủ xử lý.

2. Tổ chức thực hiện:

- Bên giao CTCRCNTT phải thống nhất với bên nhận để điền đầy đủ thông tin vào biên bản giao nhận theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao.

- Biên bản bàn giao được lập mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao CTCRCNTT tương ứng với từng bên nhận chất thải.

- Trường hợp thu gom, vận chuyển, xử lý CTCRCNTT không có chủ nguồn thải cụ thể (như từ hộ gia đình, cá nhân; phát sinh do sự cố môi trường) hoặc không xác định được chủ nguồn thải (như CTCRCNTT vận chuyển bất hợp pháp bị bắt giữ), cơ quan có thẩm quyền là bên giao (chủ nguồn thải).

3. Trình tự kê khai, lưu và chuyển biên bản bàn giao CTCRCNTT

a) Mục 1, 2: Bên giao và bên nhận khai đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại.

b) Mục 3: Bên giao khai loại chất thải, số lượng một lần chuyển giao.

c) Mục 4: Người có thẩm quyền thay mặt bên giao, bên nhận ký (ghi rõ họ tên) để xác nhận các thông tin từ Mục 1 đến 3 trước khi chuyển giao. Trường hợp không có chủ nguồn thải thì thay bằng cơ quan giao nhiệm vụ vận chuyển.

Lưu ý: Có thể điều chỉnh một số thông tin cho phù hợp khi lập biên bản bàn giao CTCRCNTT theo thực tế phát sinh.

Phụ lục 55. Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
A. CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN – ĐIỆN TỬ						
1	<i>A.1. Bóng đèn</i>	A.1.1. Bóng đèn compact các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <p>1. Phá dỡ và, phân loại và chế biến thành phế liệu cơ bản (bột thủy tinh/cullet, nhôm).</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu hồi được tối thiểu 90% khối lượng thủy tinh trên tổng khối lượng 1 đơn vị đèn, có thể thu hồi thêm nhôm và khuyến khích thu hồi thêm Wolfram dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp ▪ Phá dỡ an toàn, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường trong công nghệ tái chế. ▪ Thu hồi được thủy tinh và nhôm ở các dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp (dạng mảnh với nhôm và bột thủy tinh). ▪ Có giải pháp phân tách, lưu giữ và xử lý CTNH (hơi thủy ngân, bột huỳnh quang). 	01/01/2024
2		A.1.2. Bóng đèn huỳnh quang các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <p>1. Phá dỡ và, phân loại và chế biến thành phế liệu cơ bản (bột thủy tinh/cullet, nhôm).</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu hồi được tối thiểu 90% khối lượng thủy tinh trên tổng khối lượng 1 đơn vị đèn, có thể thu hồi thêm nhôm và khuyến khích thu hồi thêm Wolfram dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp ▪ Phá dỡ an toàn, 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu hồi được thủy tinh và nhôm ở các dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp (dạng mảnh với nhôm và bột thủy tinh). ▪ Có giải pháp phân tách, lưu giữ và xử lý CTNH (hơi thủy ngân, bột huỳnh quang). 	
3	A.2. Máy tính	A.2.1. Máy tính để bàn các loại (gồm cả máy chủ)	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi vật liệu kim loại, thủy tinh và nhựa được tối thiểu 70% tổng lượng vật liệu đó có trong một đơn vị dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, thủy tinh chứa chì (nếu có), các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, dầu PCB và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử và thủy tinh chứa chì. 	01/01/2024
4		A.2.2. Máy tính	Tất cả		<i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		xách tay (các loại)			<p>1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được lượng vật liệu (nhôm/hộp kinh nhôm, magie, thủy tinh) tối thiểu 80% tổng lượng vật liệu đó có trong một đơn vị dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, thủy tinh chứa chì (nếu có), các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, dầu PCB và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử và thủy tinh chứa chì. 	
6	A.3. Thiết bị thông tin	A.3.1. Điện thoại di động các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <p>1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thải thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>cầu phế liệu.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp => phải có công đoạn thu hồi kim loại từ pin. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin điện thoại và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử, màn hình LCD và pin Lithium. 	
7		A.3.2. Máy tính bảng các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu cầu phế liệu. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp => phải có công đoạn thu hồi kim loại từ pin. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử, màn hình LCD và pin lithium. 	
8	A.4. Thiết bị nghe nhìn	A.4.1. Máy ảnh, máy quay phim	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thải thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu cầu phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 50% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>lý chất thải phát sinh).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử rời, màn hình LCD và pin. 	
10	A.5. Thiết bị điện tử gia dụng lớn	A.5.1. Ti vi	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, các linh kiện điện tử rời có chứa kim loại nặng và dầu PCB, màn hình các loại), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 50% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử rời có chứa kim loại nặng và dầu PCB, màn hình các loại và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử và màn hình các loại. 	01/01/2024
11		A.5.2. Tủ lạnh, tủ	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		đồng			<p>1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn, đèn nhiệt chứa thủy ngân), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 50% lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn, đèn nhiệt chứa thủy ngân và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	
12		A.5.3. Điều hòa không khí cố định, di động	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <p>1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch, màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. 	
13		A.5.4. Máy giặt	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình (nếu có), dầu bôi trơn), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các loại và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, cao su, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 75 % lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch, màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời, dầu bôi trơn và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
14		A.5.6. Máy rửa bát	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, cao su, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 70% lượng kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	01/01/2024
18		A.6.4. Lò nướng, lò vi sóng	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (linh kiện điện tử rời, bảng mạch (nếu có) và màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>loại các nhóm, nhựa, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% lượng kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	
19		A.6.5. Bếp điện từ, bếp hồng ngoại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (linh kiện điện tử rời, bảng mạch (nếu có) và màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh (nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					- Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định	
20	A.7. Tấm quang năng	A.7.1. Tấm quang năng các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế đề xuất:</p> <p>1. Tháo dỡ các bộ phận (bóc nhãn, khung nhôm, tách kính, bóc silicon, bóc cell quang năng) và tạo ra các phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Cullet thủy tinh, khung nhôm kính, nhựa và cell quang năng có thể tái sinh.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).- 	01/01/2024
B. ẮC QUY VÀ PIN CÁC LOẠI						
21	B.1. Ắc quy	B.1.1. Ắc quy chì các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <p>1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế chì thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và axit/muối sulphate.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% chì, 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp và có giải pháp thu hồi axit dưới dạng sản phẩm. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					ly chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
22		B.1.2. Ấc quy kiềm các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <p>1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Ni, Cd, Ag, Zn (tùy thuộc loại) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và hợp chất K/Na dựa trên các phương pháp thủy luyện, hòa luyện.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% tổng lượng kim loại, 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp và có giải pháp thu hồi kiềm dưới dạng sản phẩm. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2024
23	B.2. Pin	B.2.1. Pin lớn các loại (Li, NiMH, v.v.) sử dụng cho phương tiện giao thông, lưu giữ điện năng, v.v.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <p>1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Co, Al, Cu, Mn, Cd, Ni và Li (tùy thuộc loại pin) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp dựa trên các phương pháp thủy luyện, hòa luyện.</p> <p>2. Phá dỡ an toàn và xuất khẩu trong trường hợp không thể thực hiện tái chế loại pin đó ở Việt Nam một cách kinh tế.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 50% tổng lượng kim loại và 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<i>công nghiệp.</i> - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
24		B.2.2. Pin trung các loại, sử dụng cho các thiết bị điện – điện tử khác	Tất cả		<i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i> 1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Co, Al, Cu, Mn, Cd, Ni và Li (tùy thuộc loại pin) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp dựa trên các phương pháp thủy luyện, hỏa luyện. 2. Phá dỡ an toàn và xuất khẩu trong trường hợp không thể thực hiện tái chế loại pin đó ở Việt Nam một cách kinh tế <i>Yêu cầu:</i> - Đối với giải pháp 1: thu hồi được tối thiểu 50% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2024
C. DẦU, NHỚT CÁC LOẠI						
25	<i>C.1. Dầu nhớt các loại</i>	C.1.1 Dầu máy các loại	Tất cả		<i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i> 1. Chung thu hồi dầu gốc. 2. Chung thu hồi dầu các phân đoạn <i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i> - Thu hồi được tối thiểu 80% khối lượng dầu thải dưới dạng dầu gốc và các loại dầu đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2023
26		C.1.2. Nhớt các	Tất cả		<i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i>	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		loại			1. Chung thu hồi dầu gốc. 2. Chung thu hồi dầu các phân đoạn Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được tối thiểu 80% khối lượng dầu thải dưới dạng dầu gốc và các loại dầu đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
D. SẤM, LỚP CÁC LOẠI						
27	D.1. Săm	D.1.1. Săm các loại	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Cắt, thu hồi bột cao su, làm cốt liệu. 2. Chung phân đoạn thành dầu. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% khối lượng sấm dưới dạng bột cao su, kim loại phế liệu sử dụng được cho các ngành sản xuất - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 50% khối lượng sấm dưới các dạng dầu nặng, dầu nhẹ đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2023
28	D.2. Lớp	D.1.2. Lớp các loại	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Nghiền cắt, thu hồi bột cao su và kim loại, làm cốt liệu. 2. Chung cắt phân đoạn thu hồi nhiên liệu. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% khối lượng sấm dưới dạng bột cao su, kim loại phế liệu sử dụng được cho các ngành sản xuất - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 50% khối lượng sấm	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					dưới các dạng dầu nặng, dầu nhẹ đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
E. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VÀ MÁY MÓC CÔNG TRÌNH						
29	E.1. Xe hai	E.1.1 Xe máy	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Tháo dỡ an toàn, kiểm tra thu hồi các bộ phận cho tái sử dụng, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. 2. Nghiền cắt toàn bộ xe, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được tối thiểu 80% kim loại và 50% nhựa, cao su có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng bộ phận có thể tái sử dụng hoặc phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). - Có giải pháp xử lý, tái chế một phần lượng chất thải nguy hại phát sinh (dầu nhớt, dầu bôi trơn, ắc quy, v.v.).	01/01/2025
30	bánh	E.1.2. Xe máy điện, xe đạp điện	Tất cả			01/01/2025
32	E2. Xe ô tô các loại	E.2.1. Xe ô tô gia dụng	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Tháo dỡ an toàn, kiểm tra thu hồi các bộ phận cho tái sử dụng, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, thủy tinh, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. 2. Nghiền cắt toàn bộ xe, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được trên 90% kim loại, 80% thủy tinh và 50% nhựa, cao su có	01/01/2025
33		E.2.2. Xe chở khách	Tất cả			01/01/2025
34		E.2.3. Xe tải các loại	Tất cả			01/01/2025
35	E.3. Máy công trình xây dựng, giao	E.3.1. Máy công trình các loại	Tất cả		Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được trên 90% kim loại, 80% thủy tinh và 50% nhựa, cao su có	01/01/2025
36		E.3.2. Xe công	Tất cả			01/01/2025

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
	<i>thông</i>	trình các loại			<p>trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng bộ phận có thể tái sử dụng hoặc phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). - Có giải pháp xử lý, tái chế một phần lượng chất thải nguy hại phát sinh (dầu nhớt, dầu bôi trơn, ắc quy, bảng mạch, linh kiện điện tử, v.v.). 	
G. BAO BÌ CÁC LOẠI						
37	G.1. Thực phẩm và đồ uống	G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tái chế thành các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy, v.v. Phân loại, làm sạch và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% giấy có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng sản phẩm giấy - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
38		G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
39		G.1.3. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 300 ml.			2. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. 3. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). 4. Phân loại, làm sạch đồng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
40		G.1.4. Thực phẩm và đồ uống chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 300 ml.	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Làm sạch, tái sử dụng 2. Phân loại, xay nghiền thành cullet phục vụ sản xuất thủy tinh. 3. Xay, nghiền thành cốt liệu phục vụ xây dựng. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Đối với giải pháp 3: thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh dưới dạng cốt liệu đáp ứng được yêu cầu trong xây dựng. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2023
41	G.2. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm	G.2.1. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phân loại, làm sạch đồng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất.	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		ml			- Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
42		G.2.2. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng sử dụng vật liệu chứa bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 100 ml	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). Phân loại, làm sạch đồng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
43		G.2.3. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 100 ml	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm sạch, tái sử dụng Phân loại, xay nghiền thành cullet phục vụ sản xuất thủy tinh. Xay, nghiền thành cốt liệu phục vụ xây dựng. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 3: thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh dưới dạng cốt liệu đáp ứng được yêu cầu trong xây dựng. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
44	G.3. Các sản	G.3.1. Các sản phẩm khác sử	Các nhà sản xuất có tổng doanh	Các nhà sản xuất với lượng	<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tái chế thành các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy, 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
	<i>phẩm khác có sử dụng bao bì</i>	dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng giấy có dung tích trên 500 ml	thu từ sản phẩm có sử dụng bao bì của năm từ 100 tỷ VNĐ trở lên hoặc các nhà nhập khẩu có tổng giá trị nhập	tiêu thụ hằng năm từ 50 tấn từ sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên hoặc các nhà nhập khẩu với lượng	v.v. 2. Phân loại, làm sạch và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% giấy có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng sản phẩm giấy. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
45		G.3.2. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng nhựa có dung tích trên 500 ml	khẩu của sản phẩm từ sản phẩm có sử dụng bao bì trong năm từ 50 tỷ VNĐ trở lên	nhập khẩu hằng năm từ 25 tấn sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên trong năm trước.	Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. 3. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). 4. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2023
46		G.3.3. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng kim loại có dung tích trên 500 ml			Giải pháp tái chế: 1. Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom,	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
47	G.4. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa	G.4.1. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa bằng nhựa (chai, lọ, bình, hộp, hòm, thùng) có dung tích trên 500 ml			<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023

Phụ lục 56. Mẫu đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện tái chế

Tên nhà sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH NĂM ... VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ TÁI CHẾ NĂM**

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên công ty:	Số điện thoại:
Địa chỉ:	Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật	Mã số thuế:

I. Kế hoạch tái chế năm

Sản phẩm, bao bì	Số lượng	Khối lượng đưa vào thị trường VN	Tỷ lệ tái chế (tính theo kg)	Kế hoạch thu hồi, tái chế		
				Tổ chức tái chế, địa chỉ	Quy cách tái chế	
					Trong nước	Xuất khẩu

II. Kết quả tái chế

Sản phẩm, bao bì	Số lượng	Khối lượng đưa vào thị trường	Tỷ lệ tái chế đạt được (tính theo kg)	Tổ chức tái chế, địa chỉ	Quy cách tái chế	Điều chỉnh so với kế hoạch (nếu có)

Công ty kính gửi Văn phòng EPR Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*Ký, đóng dấu*

Họ và tên

Phụ lục 57. Mẫu bảng kê khai số lượng, khối lượng chủng loại sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được bán ra thị trường

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI

**SỐ LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM, BAO BÌ
SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU ĐƯỢC ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG**

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên công ty:		Số điện thoại:	
Địa chỉ:		Số đăng ký kinh doanh:	
Người đại diện theo pháp luật		Mã số thuế:	
Tên sản phẩm	Số lượng/khối lượng	Đơn vị	Tổng số lượng hằng năm

Công ty báo cáo Văn phòng EPR Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 58. Mẫu thông báo nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn**VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****THÔNG BÁO NỘP TIỀN**

Kính gửi: Công ty.....

Ngày...tháng...năm... Văn phòng EPR Việt Nam nhận được Bảng kê khai nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn của quý Công ty. Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn của quý Công ty như sau:

Tên công ty:		Số điện thoại:	
Địa chỉ:		Số đăng ký kinh doanh:	
Người đại diện theo pháp luật		Mã số thuế:	
Kỳ nộp tiền <i>(từ ngày đến ngày)</i>			Đồng
	<i>Tổng cộng</i>		<i>Đồng</i>
Số tiền truy thu (nếu có)			
	<i>Tổng cộng</i>		<i>Đồng</i>
Tiền nộp chậm (nếu có)			Đồng
	<i>Tổng cộng</i>		<i>Đồng</i>
Tổng cộng số tiền phải nộp			

Văn phòng EPR Việt Nam kính gửi Công ty... biết, nộp tiền theo thời gian quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 59. Mẫu giấy đăng ký hoạt động của bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền

Tên tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên tổ chức:	Số điện thoại: Địa chỉ email:
Địa chỉ:	Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật	Mã số thuế:
Các nhà sản xuất ủy quyền: - Công ty.... Số đăng ký kinh doanh... Số đăng ký EPR.... - Công ty.... Số đăng ký kinh doanh... Số đăng ký EPR.... - ...	
Sản phẩm, bao bì được ủy quyền tái chế	

(kèm theo Hợp đồng ủy quyền đã được ký kết)

Công ty kính gửi Văn phòng EPR Việt Nam

..., ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 60. Giấy chứng nhận hoạt động cho bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế

VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-EPRVN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ SẢN XUẤT**

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số ...QĐ-BTNMT ngày...tháng...năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng EPR Việt Nam.

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Tên sản phẩm, bao bì xử lý:

Danh sách nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế:

STT	Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu	Số đăng ký doanh nghiệp	Số hợp đồng ủy quyền; thời hạn ủy quyền	Tên sản phẩm, bao bì ủy quyền tái chế

Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm

Tổ chức thực trách nhiệm của nhà sản xuất có trách nhiệm đăng ký thay đổi giấy chứng nhận trong trường hợp có sự thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận này./.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC
Ký, đóng dấu
Họ và tên

Phụ lục 61. Danh mục sản phẩm, bao bì kèm theo mức đóng góp và thời điểm thực hiện trách nhiệm hỗ trợ xử lý chất thải

TT (1)	Loại sản phẩm (2)	Quy mô sản xuất hoặc doanh thu từ sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất phải đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (3)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải			Thời điểm thực hiện (7)
			Hình dáng (4)	Dung tích/ khích thước (5)	Mức đóng góp (6)	
1	Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, diệt côn trùng, hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy các loại	Tổng doanh thu hàng năm từ 15 tỷ đồng trở lên; Hoặc Tổng lượng nhập khẩu hàng năm từ 10 tỷ đồng trở lên; Hoặc Sử dụng từ 10.000 kg nhựa trở lên để làm nguyên liệu để sản xuất sản	Bao, gói, túi	Nhỏ hơn 500ml	100 đồng/1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	120 đồng/1 chiếc	01/01/2023
			Chai, lọ, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500ml	200 đồng/1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	350 đồng/1 chiếc	01/01/2023
			Chai, lọ, bình kim loại	Nhỏ hơn 500ml	190 đồng/1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	330 đồng/1 chiếc	01/01/2023
2	Tã lót, bím, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần		Tất cả	Tất cả	1,5% tổng giá trị lô hàng được bán trên thị trường trong một năm	01/01/2023
3	Kẹo cao su		Tất cả	Tất cả	1,8% tổng giá trị lô hàng được bán trên thị trường trong một năm	01/01/2023
4	Thuốc lá		Tất cả	Tất cả	100 đồng/20 điếu	01/01/2023
5	Sản phẩm, bao bì sử dụng nhựa như một thành phần nguyên liệu		Tất cả			

TT (1)	Loại sản phẩm (2)	Quy mô sản xuất hoặc doanh thu từ sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất phải đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (3)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải			Thời điểm thực hiện (7)
			Hình dáng (4)	Dung tích/ kích thước (5)	Mức đóng góp (6)	
5.1	Dao, kéo, thìa, đĩa, đũa, cốc, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần		Tất cả	Tất cả	2.000 đồng/1 kg	01/01/2023
5.2	Ống hút, bóng bay					
5.3.	Sản phẩm may mặc					
5.4	Sản phẩm da, túi, giày, dép					
5.5	Đồ chơi trẻ em					
5.6	Sản phẩm đồ nội thất					
6.7	Sản phẩm nhựa dùng trong xây dựng					

Phụ lục 62. Mẫu giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với ...(1)...;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận ...(1)..., địa chỉ tại ...(2)..., đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (số hiệu **VIMCERTS** ...) theo quy định tại Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. ...(1)... phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ... năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

BỘ TRƯỞNG

- ...⁽³⁾...;

- Lưu: ...

Phụ lục
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với ...⁽¹⁾...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Ghi chú:

(1) Tên đầy đủ của tổ chức đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(2) Địa chỉ của Tổ chức đề nghị chứng nhận;

(3) Nơi nhận khác (nếu có).

Phụ lục 63. Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

1. Tên tổ chức:

2. Người đại diện: Chức vụ:

3. Địa chỉ:

4. Số điện thoại: Số fax:

Địa chỉ Email:

5. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

a) Quan trắc hiện trường:

b) Phân tích môi trường:

6. Phạm vi, thành phần môi trường đề nghị chứng nhận:

a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Nước mặt:

- Nước dưới đất:

- Nước mưa:

- Nước biển:

- Nước thải:

- Khác:

b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh:

- Khí thải:

- Khác:

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

7. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, gồm:

.....
.....
.....
.....
.....

...(Tên tổ chức)... cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và mọi quy định về chứng nhận.

Tổ chức cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động quan trắc môi trường. Tổ chức xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về chứng nhận và quan trắc môi trường.

Tổ chức sẵn sàng được đánh giá kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Đề nghị Tổng cục Môi trường xem xét, cấp giấy chứng nhận./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 64. Mẫu hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

TÊN TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Tên tổ chức đề nghị chứng nhận

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email: Website:

II. Cơ quan chủ quản

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email: Website:

III. Lãnh đạo đơn vị

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email:

IV. Người liên lạc

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Địa chỉ Email:

(Bản chính hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài phải có quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam gửi kèm theo).

B. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

I. Lĩnh vực quan trắc hiện trường

1. Số mẫu tiến hành (đối với đơn vị đã đi vào hoạt động)

- Số mẫu tiến hành (tính trung bình của 3 năm gần nhất): ... mẫu/năm

(Liệt kê theo từng thành phần môi trường đề nghị chứng nhận)

- Nguồn mẫu (tích vào ô trống nếu thích hợp):

+ Nội bộ Chiếm %

+ Khách hàng bên ngoài Chiếm %

2. Nhân sự

Danh sách người thực hiện quan trắc tại hiện trường:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ (trong tổ chức)	Trình độ	Số năm công tác trong ngành

(Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng kèm theo).

3. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mục đích sử dụng	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Ngày nhận	Ngày sử dụng	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Nơi hiệu chuẩn

- Điều kiện phòng bảo quản thiết bị:

+ Nhiệt độ: °C ± °C

+ Độ ẩm: % ± %

+ Điều kiện khác:

4. Thông số và các phương pháp lấy mẫu, đo, phân tích tại hiện trường

a) Thông số đo, phân tích tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Thành phần môi trường	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo

b) Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số/Loại mẫu	Thành phần môi trường	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng

5. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

- Trụ sở làm việc: Có Không
- Tổng diện tích: m²;
- + Phòng làm việc: m²;
- + Phòng chuẩn bị trước khi đi quan trắc hiện trường: m²;
- + Phòng bảo quản thiết bị, dụng cụ: m²;
- + Phòng xử lý và lưu trữ số liệu: m²;
- + Khu phụ trợ: m².

6. Các tài liệu kèm theo

- Sổ tay chất lượng
- Phương pháp quan trắc, phân tích tại hiện trường/hiệu chuẩn
- Các tài liệu liên quan khác: (*đề nghị liệt kê*)

II. Lĩnh vực phân tích môi trường

1. Số mẫu tiến hành (đối với đơn vị đã đi vào hoạt động)

- Số mẫu tiến hành (tính trung bình của 3 năm gần nhất): mẫu/năm

(Liệt kê theo từng thành phần môi trường đăng ký chứng nhận)

- Nguồn mẫu (tích vào ô tương ứng):

- + Nội bộ Chiếm %
- + Khách hàng bên ngoài Chiếm %

2. Nhân sự

- Danh sách người thực hiện phân tích tại phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ	Trình độ	Số năm công tác trong ngành

(Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng kèm theo)

3. Tiện nghi và môi trường

- Đề nghị cung cấp sơ đồ mặt bằng phòng thí nghiệm và vị trí các thiết bị phân tích môi trường.

- Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm:

+ Nhiệt độ: $^{\circ}\text{C} \pm \text{ }^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm: $\% \pm \%$

4. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mục đích sử dụng	Mã hiệu	Hãng / nước sản xuất	Ngày nhận	Ngày sử dụng	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Nơi hiệu chuẩn

5. Thông số và các phương pháp xử lý, phân tích mẫu

TT	Tên thông số	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Độ không đảm bảo đo

6. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

- Trụ sở làm việc: Có Không

- Tổng diện tích: m²;
- + Phòng làm việc: m²;
- + Phòng xử lý và phân tích mẫu: m²;
- + Phòng bảo quản thiết bị, dụng cụ: m²;
- + Kho chứa mẫu: m²;
- + Kho hóa chất: m²;
- + Phòng đặt cân: m²;
- + Khu phụ trợ: m².

(Kèm theo sơ đồ vị trí địa lý và sơ đồ bố trí trang thiết bị phân tích của phòng thí nghiệm).

7. Các tài liệu kèm theo

- Sổ tay chất lượng
- Báo cáo đánh giá nội bộ phòng thí nghiệm của lần gần nhất
- Danh mục hồ sơ, phương pháp thử/hiệu chuẩn/giám định nội bộ
- Danh mục các thủ tục, quy trình, hồ sơ thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng
- Danh mục các tài liệu liên quan khác:

8. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận/công nhận trước đây:

Có Chưa

(Nếu có, đề nghị photo bản sao có chứng thực các chứng chỉ kèm theo)

NGƯỜI LẬP HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 65. Mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

1. Tên tổ chức:

2. Người đại diện: Chức vụ:

3. Địa chỉ:

4. Số điện thoại: Số fax:

Địa chỉ Email:

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số: ... ngày ... tháng ... năm ...

6. Lĩnh vực được cấp giấy chứng nhận:

a) Quan trắc hiện trường:

b) Phân tích môi trường:

7. Lĩnh vực đề nghị điều chỉnh nội dung:

a) Quan trắc hiện trường:

b) Phân tích môi trường:

8. Phạm vi, thành phần môi trường được cấp giấy chứng nhận:

a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Nước mặt:

- Nước dưới đất:

- Nước mưa:

- Nước biển:

- Nước thải:

- Khác:

b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh:

- Khí thải:

- Khác:

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

g) Đa dạng sinh học (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

9. Phạm vi, thành phần môi trường đăng ký điều chỉnh nội dung:

a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Nước mặt:

- Nước dưới đất:

- Nước mưa:

- Nước biển:

- Nước thải:

- Khác:

b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh:

- Khí thải:

- Khác:

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

10. Giấy chứng nhận đã được cấp có hiệu lực đến: Ngày ... tháng ... năm ...

11. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường bao gồm:

-

...(Tên tổ chức)... cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và mọi quy định về chứng nhận.

Tổ chức cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động quan trắc môi trường. Tổ chức xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về chứng nhận và quan trắc môi trường.

Tổ chức sẵn sàng được đánh giá kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh giấy chứng nhận./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 66. Mẫu phiếu đánh giá, kiểm tra của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI TỔ CHỨC

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đoàn đánh giá, kiểm tra tại tổ chức:

Thành lập theo Quyết định số: .../QĐ-TCMT ngày ... tháng ... năm ... của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

Họ và tên:	<i>Trưởng Đoàn đánh giá</i>	
Học hàm, học vị:	<i>Phó Trưởng Đoàn đánh giá</i>	
Cơ quan:	<i>Thành viên Đoàn đánh giá</i>	

1.2. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.2.1. Tên tổ chức:

1.2.2. Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail: Website:

1.2.3. Tên cơ quan chủ quản:

1.2.4. Đại diện tổ chức:

Thủ trưởng cơ quan:

Người đại diện:

1.3. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

1.4. Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thái

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong nước

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Phóng xạ trong không khí
- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Khác:

c) Đất

- + Lấy mẫu
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

- + Lấy mẫu
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

- + Lấy mẫu
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

- + Lấy mẫu
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Đa dạng sinh học

- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

2.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.1.1. Người phụ trách đội quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

2.1.2. Cán bộ thực hiện quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

2.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện quan trắc hiện trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.2.1. Phương pháp quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

2.2.2. Trang thiết bị quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

.....

2.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

2.2.4. Hóa chất phục vụ quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:
.....
.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):
.....

2.2.5. Điều kiện phòng bảo quản thiết bị quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:
.....
.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):
.....

2.2.6. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:
.....
.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):
.....

2.2.7. Điều kiện về trụ sở, diện tích đặc thù

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:
.....
.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):
.....

2.2.8. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:
.....
.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):
.....

.....
2.2.9. Các tài liệu kèm theo (Số tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị)

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

2.2.10. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

2.2.11. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

2.2.12. Các tài liệu liên quan khác

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.1.1. Người quản lý phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....
Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....
3.1.2. Cán bộ QA/QC

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....
1.3. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....
3.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.2.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....
3.2.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....
3.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

3.2.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

3.2.5. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

3.2.6. Điều kiện về trụ sở, diện tích đặc thù

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

3.2.7. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

.....

3.2.8. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.9. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.10. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị; Quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, chất chuẩn; Quy trình xử lý, lưu mẫu phân tích)

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.11. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

3.2.12. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

3.2.13. Các tài liệu liên quan khác

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

4.1. Kết luận:

.....
.....

4.2. Kiến nghị:

.....

THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

(Họ, tên và chữ ký)

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong nước

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong không khí

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

c) Đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Đa dạng sinh học

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

2.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.1.1. Người phụ trách đội quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu

Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.1.2. Cán bộ thực hiện quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu

Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện quan trắc hiện trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.2.1. Phương pháp quan trắc hiện trường

3.1.3. Cán bộ QA/QC

Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
-------------	-------------------

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.1.4. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
-------------	-------------------

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.2.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
-------------	-------------------

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
-------------	-------------------

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
-------------	-------------------

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.5. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

- Lý do:
-
- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.6. Điều kiện về trụ sở, diện tích đặc thù

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.7. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.8. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.9. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.10. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị; Quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, chất chuẩn; Quy trình xử lý, lưu mẫu phân tích)

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.11. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá nếu có (ghi rõ):

3.2.12. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá nếu có (ghi rõ):

3.2.13. Các tài liệu liên quan khác

Có Không

- Ý kiến nhận xét, đánh giá nếu có (ghi rõ):

IV. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN (nếu có)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA TẠI TỔ CHỨC

Đoàn đánh giá đề nghị Tổng cục Môi trường xem xét trình cấp có thẩm quyền:

Chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường Phân tích môi trường

Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong nước

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển
- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Khác:
- b) Khí:
 - Không khí xung quanh
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
 - Khí thải
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
 - Phóng xạ trong không khí
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
 - Khác:
- c) Đất
 - + Lấy mẫu
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- d) Trầm tích
 - + Lấy mẫu
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- đ) Chất thải
 - + Lấy mẫu
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- e) Bùn
 - + Lấy mẫu
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- g) Đa dạng sinh học
 - + Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

Không chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lý do:

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐOÀN ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA TẠI TỔ CHỨC

Thành phần trong Đoàn	Họ và tên, học hàm, học vị	Cơ quan	Chữ ký
Trưởng đoàn			
Thành viên 1			
Thành viên 2			
<p>ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC (Ký, ghi rõ họ tên)</p>			

Phụ lục 68. Mẫu bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU
KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN NHẬN XÉT

ĐIỀU KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Họ và tên:	<i>Chủ tịch hội đồng:</i>	
Học hàm, học vị:	<i>Phó Chủ tịch hội đồng:</i>	
Chức vụ:	<i>Ủy viên phản biện:</i>	
Cơ quan:	<i>Ủy viên hội đồng:</i>	

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:

1.1.2. Tên cơ quan chủ quản:

1.1.3. Đại diện tổ chức:

- Thủ trưởng cơ quan:

- Người đại diện:

1.1.4. Địa chỉ trụ sở chính:

1.1.5. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

1.1.6. Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Nước thải
- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Nước dưới đất
- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Nước mưa
- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Nước biển
- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Phóng xạ trong nước
- + Lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Khác:
- b) Khí:
- Không khí xung quanh
 - + Số thông số lấy mẫu:
 - + Số thông số đo tại hiện trường:
 - + Số thông số phân tích môi trường:
- Khí thải
 - + Số thông số lấy mẫu:
 - + Số thông số đo tại hiện trường:
 - + Số thông số phân tích môi trường:

- Phóng xạ trong không khí
- + Số thông số lấy mẫu:
- + Số thông số đo tại hiện trường:
- + Số thông số phân tích môi trường:
- Khác:
- c) Đất:
 - + Lấy mẫu:
 - + Số thông số phân tích môi trường:
- d) Trầm tích:
 - + Lấy mẫu:
 - + Số thông số phân tích môi trường:
- đ) Chất thải:
 - + Lấy mẫu:
 - + Số thông số phân tích môi trường:
- e) Bùn:
 - + Lấy mẫu:
 - + Số thông số phân tích môi trường:
- g) Đa dạng sinh học:
 - + Lấy mẫu:
 - + Số thông số phân tích môi trường:

II. Đánh giá điều kiện quan trắc hiện trường đối với thành phần môi trường và thông số quan trắc đề nghị chứng nhận

2.1. Đánh giá chung

2.1.1. Có quyết định thành lập/giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp

Có

Không

- Nhận xét (nếu có):

.....

2.2. Đánh giá điều kiện về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường

2.2.1. Người đứng đầu của tổ chức

Đạt yêu cầu

Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.5. Điều kiện phòng bảo quản thiết bị quan trắc hiện trường Trang thiết bị quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.6. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.7. Điều kiện về trụ sở, diện tích đặc thù

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.8. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.9. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị)

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

2.3.10. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có Không

-- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.2.4. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.3. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường

3.3.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu /

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.3.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.3.3. Công cụ, dụng cụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.3.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

- Lý do:

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):

3.3.5. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

Phụ lục 69. Mẫu phiếu đánh giá, thẩm định tại phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU
KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI
TRƯỜNG

....., ngày ... tháng ... năm ...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Họ và tên:	<i>Chủ tịch hội đồng:</i>	
Học hàm, học vị:	<i>Phó Chủ tịch hội đồng:</i>	
Chức vụ:	<i>Ủy viên phân biện:</i>	
Cơ quan:	<i>Ủy viên hội đồng:</i>	

I. Thông tin chung

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:

1.1.2. Tên cơ quan chủ quản:

1.1.3. Đại diện tổ chức:

- Thủ trưởng cơ quan:

- Người đại diện:

1.1.4. Địa chỉ trụ sở chính:

II. Ý kiến đánh giá, thẩm định

2. 1. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

2. 2. Phạm vi đề nghị chứng nhận

- Phạm vi đề nghị chứng nhận: theo Bản nhận xét điều kiện của Tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Ý kiến khác về phạm vi đề nghị chứng nhận:

III. Những ý kiến nhận xét khác

.....
.....
.....

IV. Kết luận và đề nghị

Đạt yêu cầu

Không đạt yêu cầu

- Lý do:

.....
.....
.....

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

3.1.1									
Tiêu chí 3.2.1									
Tiêu chí 3.2.2									
Tiêu chí 2.3									
Tiêu chí 3.2.4									
Tiêu chí 3.3.1									
Tiêu chí 3.3.2									
Tiêu chí 3.3.3									
Tiêu chí 3.3.4									
Tiêu chí 3.3.5									
Tiêu chí 3.3.6									
Tiêu chí 3.3.7									
Tiêu chí 3.3.8									
Tiêu chí 3.3.9									
Tiêu chí 3.3.10									
	Tổng hợp chung (1) <i>(số tiêu chí đạt yêu cầu trên tổng số các tiêu chí đánh giá)</i>								

2.2. Các tiêu chí khác (nếu có):

Đạt: X

Không đạt: O

STT	Họ và tên thành viên hội đồng								Tổng hợp
								Số phiếu đạt/ số phiếu hợp lệ (*)	Đạt (*>3/4) hoặc Không đạt (*≤3/4)
A. Đánh giá điều kiện quan trắc hiện trường									
Tiêu chí 2.3.10									
Tiêu chí 2.3.11									
Tiêu chí 2.3.12									
B. Đánh giá điều kiện phân tích môi trường									
Tiêu chí 3.3.11									
Tiêu chí 3.3.12									
Tiêu chí 3.3.13									
	Tổng hợp chung (2) <i>(số tiêu chí đạt yêu cầu trên tổng số các tiêu chí đánh giá)</i>								

Phụ lục 71. Mẫu biên bản phiên họp của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ..., ngày ... tháng ... năm ...
CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CỦA TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:

1.1.2. Cơ quan chủ quản:

1.1.3. Người đứng đầu tổ chức:

1.1.4. Địa chỉ:

1.2. Hội đồng thẩm định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:

Thành lập theo Quyết định số .../QĐ-TCMT ngày ... tháng ... năm ... của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

1.3. Địa điểm và thời gian họp hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian: Ngày ... tháng ... năm ...

1.4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../... người.

Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên

1.5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

Khách mời tham dự họp gồm ... đại biểu, cụ thể:

.....

.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

2.1. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc.

2.2. Hội đồng đã thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về mặt mạnh, mặt yếu của từng tổ chức theo các điều kiện đã quy định.

2.3. Hội đồng đã nghe báo cáo nhận xét hồ sơ của cơ quan thẩm định; kết quả kiểm tra đánh giá hiện trường của Đoàn đánh giá, kiểm tra tại chỗ.

2.4. Hội đồng đã nghe các Ủy viên phản biện nhận xét, đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của tổ chức đề nghị chứng nhận .

2.5. Hội đồng đã nghe các ý kiến nhận xét của từng Ủy viên.

2.6. Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các thành viên Đoàn đánh giá, kiểm tra tại chỗ, nêu câu hỏi đối với Ủy viên phản biện về từng điều kiện đã được quy định.

2.7. Hội đồng đã tiến hành thảo luận, phân tích, đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ của tổ chức đề nghị chứng nhận theo từng vấn đề: Tư cách pháp nhân, nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động quan trắc môi trường thông qua báo cáo nhận xét hồ sơ của Cơ quan thẩm định và kết quả kiểm tra, kết luận của Đoàn đánh giá, đặc biệt là về năng lực của tổ chức trong lĩnh vực, phạm vi đề nghị chứng nhận.

2.8. Hội đồng đã bỏ phiếu kín đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của tổ chức đề nghị chứng nhận. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được tổng hợp trình bày trong Biên bản Kiểm phiếu gửi kèm theo.

2.9. Kết luận và kiến nghị của hội đồng

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức đề nghị chứng nhận sau

đủ điều kiện/không đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:

Tên tổ chức:

Người đứng đầu của tổ chức:

Trụ sở chính:

Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong nước

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Phóng xạ trong không khí

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

c) Đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Đa dạng sinh học

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

Hội đồng đề nghị Tổng cục Môi trường xem xét trình cấp có thẩm quyền:

Không ban hành Quyết định chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lý do:

.....

Ban hành Quyết định chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Lấy mẫu

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Nước dưới đất
- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Nước mưa
- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Phóng xạ trong nước
- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Nước biển
- + Lấy mẫu
- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Khác:
- b) Khí:
 - Không khí xung quanh
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
 - Khí thải
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
 - Phóng xạ trong không khí
 - + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:
 - + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
 - + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:

c) Đất

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Đa dạng sinh học

+ Lấy mẫu

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

tư số/2021/TT-BTNMT..... (đáp ứng các quy định về năng lực, thiết bị quan trắc, đảm bảo chất lượng số liệu quan trắc)

Nhân lực quản lý và vận hành;

Hồ sơ quản lý của Hệ thống bao gồm:

Danh mục các thông số quan trắc;

Danh mục, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị quan trắc, báo cáo kết quả kiểm tra thiết bị (test report) của nhà sản xuất thiết bị;

Hướng dẫn sử dụng thiết bị;

Bản vẽ thiết kế và mô tả về Hệ thống;

Quy trình vận hành chuẩn (SOP) đối với quan trắc tự động;

Các trang thiết bị và linh phụ kiện dự phòng;

Giấy chứng nhận kèm theo báo cáo kết quả kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc của Hệ thống;

Bảng chứng tham gia các chương trình đo, phân tích các dung dịch chuẩn (nếu có);

Biên bản kiểm tra độ chính xác tương đối của Hệ thống quan trắc tự động (nếu có);

Chúng tôi/Tôi cam kết thực hiện việc quan trắc môi trường, cung cấp/công bố thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về năng lực, thiết bị quan trắc, đảm bảo chất lượng số liệu quan trắc; bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

¹ Theo địa bàn có thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường của tổ chức, cá nhân.

Phụ lục 73. Dự án đầu tư, cơ sở thuộc danh mục các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có các thiết bị xử bụi, khí thải với lưu lượng lớn

TT	Dự án đầu tư, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí	Loại hình hệ thống, công trình, thiết bị xử bụi, khí thải	Lưu lượng xả bụi, khí thải/Công suất thiết bị	Thông số quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản xuất than cốc	Lò cốc	Xả thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
		Thiết bị đập cốc khô (CDQ)	Xả thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi
2	Lọc hóa dầu	Thiết bị tái sinh xúc tác	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi
		Thiết bị xử lý SO ₂ , thu hồi lưu huỳnh	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	SO ₂
		Thiết bị đốt CO (công đoạn cracking dầu)	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x , CO
3	Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản	Thiết bị tái sinh xúc tác	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi
		Thiết bị xử lý SO ₂ , thu hồi lưu huỳnh	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	SO ₂
		Thiết bị đốt CO (công đoạn cracking dầu)	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x , CO
4	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản	Thiết bị sản xuất axit sulfuric	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	SO ₂
		Thiết bị sản xuất axit phosphoric	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	HF

TT	Dự án đầu tư, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí	Loại hình hệ thống, công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Lưu lượng xả bụi, khí thải/Công suất thiết bị	Thông số quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Thiết bị sản xuất hợp chất flo	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	HF
		Thiết bị sản xuất axit clohidric	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	HCl
		Thiết bị đốt, nung, nung chảy	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
5	Sản xuất chất nhuộm và chất màu	Thiết bị đốt, nung, gia nhiệt	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
6	Sản xuất phân bón hóa học, hợp chất nitơ	Thiết bị sản xuất phân đạm	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, NH ₃
		Thiết bị sản xuất phân bón hỗn hợp (trừ phương thức phối trộn)	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, NH ₃ , HF
		Sản xuất, thu hồi axit nitric	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	NO _x
		Thiết bị đốt, nung, nung chảy	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
7	Sản xuất hóa sợi, cao su, nhựa và các sản phẩm nhựa, cao su	Thiết bị gia nhiệt, đốt, nung	Xả thải từ 30.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
8	Sản xuất thủy tinh	Thiết bị nung, nung chảy	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên, trừ trường hợp sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt	Bụi, NO _x , SO ₂

TT	Dự án đầu tư, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí	Loại hình hệ thống, công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Lưu lượng xả bụi, khí thải/Công suất thiết bị	Thông số quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9	Sản xuất gạch, ngói, gốm, sứ	Thiết bị đốt, nung	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên, trừ trường hợp sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt	Bụi, SO ₂ , NO _x
10	Sản xuất clinke, xi măng	Lò nung	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, NO _x
11	Sản xuất sắt, thép, gang, kim loại quý, kim loại màu và sản xuất máy móc, thiết bị, đồ gia dụng	Lò điện hồ quang (EAF), lò điện cảm ứng (lò trung tần), lò tinh luyện (LF)	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi
		Máy thiêu kết	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
		Lò chuyển thổi ôxy (BOF)	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
		Thiết bị đúc	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi
		Lò nung chảy, gia nhiệt khác	Xả thải từ 50.000 m ³ /giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x
12	Nhiệt điện	Thiết bị đốt (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt)	Công suất phát điện từ 50 MW	Bụi, SO ₂ , NO _x
13	Xử lý, tái chế, đồng xử lý chất thải (bao gồm đốt phát điện)	Lò đốt chất thải nguy hại	Công suất từ 500 kg/giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x , HCl, CO
		Lò đốt chất thải rắn	Công suất từ 1.000	Bụi, SO ₂ ,

TT	Dự án đầu tư, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí	Loại hình hệ thống, công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Lưu lượng xả bụi, khí thải/Công suất thiết bị	Thông số quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		sinh hoạt, lò đốt chất thải rắn thông thường	kg/giờ trở lên	NO _x , HCl, CO
		Lò đốt chất thải y tế	Công suất từ 500 kg/giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x , HCl, CO
		Lò nung xi măng đồng xử lý chất thải	Khối lượng chất thải đồng xử lý từ 1.000 kg/giờ trở lên	Bụi, NO _x , HCl
		Thiết bị lò nung nấu tái chế chì	Công suất từ 500 kg/giờ trở lên	Bụi, SO ₂ , NO _x , HCl, CO
15	Dự án đầu tư, cơ sở có sử dụng lò hơi công nghiệp	Thiết bị đốt (trừ trường hợp sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt, dầu DO)	Công suất từ 20 tấn hơi/giờ trở lên (tính cho tổng công suất các lò hơi, không bao gồm lò hơi dự phòng)	Bụi, SO ₂ , NO _x
16	Dự án đầu tư, cơ sở có sử dụng lò dầu tải nhiệt	Thiết bị đốt (trừ trường hợp sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt)	Công suất từ 3,5 triệu kcal/giờ trở lên (tính cho tổng công suất các lò, không bao gồm lò dự phòng)	Bụi, SO ₂ , NO _x
17	Dự án đầu tư, cơ sở có sử dụng nhiên liệu được thu hồi từ chất thải	Thiết bị đốt sử dụng nhiên liệu được thu hồi từ chất thải (dạng rắn SRF/RDF/RPF)	Khối lượng nhiên liệu được thu hồi từ chất thải (dạng rắn SRF/RDF/RPF) từ 2.000 kg/giờ trở lên	Bụi, NO _x , HCl, CO
Ghi chú:				

TT	Dự án đầu tư, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí	Loại hình hệ thống, công trình, thiết bị xử bụi, khí thải	Lưu lượng xử bụi, khí thải/Công suất thiết bị	Thông số quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<p>1) Lưu lượng xử bụi, khí thải, công suất thiết bị quy định tại Cột 4 Phụ lục này là tổng lưu lượng của các hệ thống, công trình, thiết bị xử bụi, khí thải công nghiệp (gọi chung là thiết bị xử bụi, khí thải), tổng công suất của các thiết bị cùng loại hình (không bao gồm thiết bị dự phòng).</p> <p>2) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có 01 thiết bị xử bụi, khí thải hoặc 02 thiết bị xử bụi, khí thải cùng loại hình có tổng công suất, tổng lưu lượng xử bụi, khí thải tương đương Cột 4 Phụ lục này nhưng được thiết kế, lắp đặt để xử bụi, khí thải thông qua 02 ống thải trở lên thì việc lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục được thực hiện trên từng ống thải.</p> <p>3) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có trên 02 thiết bị xử bụi, khí thải (khác loại hình) đầu nối để xử bụi, khí thải chung vào một ống thải (phải được cấp phép trong Giấy phép môi trường) thì lưu lượng xử bụi, khí thải là tổng lưu lượng của tất cả các thiết bị xử bụi, khí thải đó. Việc lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục được thực hiện trên ống thải sau đầu nối.</p> <p>4) Thiết bị dự phòng là các thiết bị có tổng số ngày vận hành, hoạt động không quá 30 ngày trong 01 năm (365 ngày).</p> <p>5) Đối với lò đốt chất thải nguy hại, lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, lò đốt chất thải rắn thông thường, lò đốt chất thải y tế, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải có các thiết bị đo nhiệt độ đầu ra ngay sau buồng đốt (vùng đốt) cuối cùng và nhiệt độ sau bộ phận giải nhiệt (hạ nhanh nhiệt độ) theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về lò đốt chất thải.</p> <p>6) Trường hợp phải chuyển đổi về đơn vị đo quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải có thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, oxy dư và các thiết bị phụ trợ khác.</p>				

Phụ lục 74. Mẫu văn bản thông báo về môi trường có dấu hiệu ô nhiễm, suy thoái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG CÓ DẤU HIỆU Ô NHIỄM, SUY THOÁI

Kính gửi: (1)

Tên tôi là: (2), đại diện cho (3)

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Căn cứ quy định tại các Điều Nghị định số.....

.....,tôi /chúng tôi xin thông báo với quý cơ quan về môi trường có dấu hiệu ô nhiễm, suy thoái, bao gồm các nội dung sau:

1. Dấu hiệu, địa điểm về môi trường bị ô nhiễm, suy thoái:

.....
.....
.....
.....

2. Nguồn nghi gây ô nhiễm, suy thoái

.....
.....
.....

3. Các thiệt hại ban đầu xảy ra (nếu có)

.....
.....
.....

4. Chứng cứ khác có liên quan (nếu có)

.....

.....
.....
.....

5. Các tài liệu kèm theo

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường theo quy định của pháp luật./.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Tổ chức, cá nhân thông báo

*(Ký, và ghi rõ tên cơ quan, họ
tên cá nhân)*

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có trách nhiệm yêu cầu bồi thường;
- (2) Tên cá nhân thông báo hoặc tên cá nhân đại diện cho tổ chức thông báo;
- (3) Tên tổ chức thông báo.

Phụ lục 75. Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ

1. Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề (*đ.a, k2 Đ141*):

- a) Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải.
- b) Xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (*k4Đ52*)
- c) Xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. (*k3Đ80*)
- d) Đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*k1Đ78*)

2. Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường (*đ.b, k2 Đ141*):

a) Cung cấp công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, công nghệ tiết kiệm năng lượng được đánh giá hoặc thẩm định hoặc có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

b) Cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt; đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*k1Đ78*); dịch vụ quan trắc môi trường xung quanh; dịch vụ vận tải công cộng sử dụng năng lượng điện, nhiên liệu sạch, nhiên liệu tái tạo.

c) Sản xuất năng lượng sạch; năng lượng tái tạo; thiết bị quan trắc môi trường.

d) Sản xuất, cung cấp thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ cho cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình; sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam; sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần; sản phẩm thay thế bao bì nhựa khó phân hủy sinh học được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận; phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải theo quy định của pháp luật (*k7Đ65*);

đ) Sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh:

a) Dự án đổi mới công nghệ, cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải tập trung;

b) Dự án di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường;

c) Dự án đầu tư phát triển vốn tự nhiên có khả năng tái tạo, cung cấp dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ di sản thiên nhiên.

d) Dự án nghiên cứu, phát triển hệ thống thu gom và xử lý rác thải nhựa trôi nổi trên biển và đại dương (*k5Đ73*).

Phụ lục 76. Danh mục công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dự án phát triển ngành công nghiệp môi trường

I. Danh mục công nghệ, thiết bị, sản phẩm công nghiệp môi trường

1. Công nghệ xử lý, tái chế chất thải rắn.
 2. Công nghệ xử lý, tái chế nước thải.
 3. Công nghệ xử lý khí thải.
 4. Thiết bị xử lý khí thải công nghiệp, lọc bụi túi vải, lọc bụi tĩnh điện.
 5. Thiết bị tái chế: dầu thải, pin, ắc quy, thiết bị điện, điện tử, nhựa.
 6. Thiết bị thu hồi năng lượng, sản phẩm từ chất thải.
 7. Thiết bị quan trắc, phân tích môi trường.
 8. Thiết bị xử lý chất thải nguy hại.
 9. Thiết bị hấp chất thải y tế.
 10. Thiết bị phân loại rác thải, lò đốt rác.
 11. Thiết bị xử lý nước thải kiểu mô đun.
 12. Thiết bị xử lý chất thải hữu cơ làm phân vi sinh.
 13. Xe chuyên dùng phun nước - quét rác, xe chở rác thải, xe hút bùn thải, thông cống.
 14. Hệ thống xử lý chất thải hợp vệ sinh trên các phương tiện giao thông vận tải (toa xe khách, tàu thủy).
 15. Thiết bị xử lý khí thải của phương tiện giao thông vận tải.
 16. Xe, thiết bị chuyên dụng hút bùn thải, nước thải.
 17. Xe, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại.
 18. Thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất, sự cố môi trường.
 19. Hóa phẩm và Chế phẩm sinh học xử lý chất thải.
 20. Vật liệu đệm, xúc tác xử lý chất thải.
 21. Thiết bị, công nghệ, sản phẩm phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học.
- ### **II. Danh mục dự án phát triển công nghiệp môi trường**
1. Xây dựng khu xử lý, tái chế chất thải tập trung.
 2. Dự án sản xuất, chế tạo các thiết bị, sản phẩm tại Mục I Phụ lục này.
 3. Xây dựng cơ sở phân loại rác, sản xuất phân vi sinh, đốt rác kết hợp thu hồi nhiệt, phát điện.
 4. Xây dựng cơ sở xử lý chất thải nguy hại.
 5. Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khu vực công ích bị ô nhiễm.

6. Dự án tái chế, tái sử dụng chất thải rắn thông thường.
7. Xây dựng cơ sở xử lý, tái chế các loại chất thải: thạch cao nhân tạo (gyps), xỉ, tro bay của các nhà máy nhiệt điện, sản xuất phân bón; bùn đỏ của nhà máy sản xuất alumin.
8. Xây dựng cơ sở tái chế nhựa phế liệu thành dầu nhiên liệu hoặc các sản phẩm khác.
9. Xây dựng cơ sở tái chế chất dầu thải thành dầu nhiên liệu hoặc các sản phẩm khác.
10. Xây dựng cơ sở tái chế rác thải thiết bị điện, điện tử;
11. Xây dựng cơ sở tái chế pin, ắc quy.
12. Xây dựng cơ sở phá dỡ phương tiện vận tải hết hạn sử dụng.
13. Chuyển giao công nghệ xử lý, tái chế chất thải./.

Phụ lục 77. Mẫu quyết định ban hành tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số .../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của ... (1)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/dịch vụ

.....

Điều 2. Khái niệm, tác động môi trường của sản phẩm/dịch vụ, mục tiêu và đối tượng áp dụng

1. Khái niệm:

...(2)... là

2. Tác động môi trường của sản phẩm/dịch vụ:

3. Mục tiêu:

4. Đối tượng áp dụng:

Điều 3. Thuật ngữ

Thông tin về các thuật ngữ chứng chỉ quốc tế liên quan đến sản phẩm/dịch vụ đề nghị chứng nhận.

Điều 4. Tiêu chí cụ thể

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan đối với từng loại sản phẩm/dịch vụ đề nghị chứng nhận.

2. Đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn tương đương đối với sản phẩm/dịch vụ.

3. Tiêu chí về hóa chất, phụ gia bị cấm sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm/ vận hành dịch vụ.

4. Tiêu chí về hàm lượng kim loại nặng của sản phẩm.

5. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm/dịch vụ.

6. Tiêu chí về bao bì và đóng gói sản phẩm.

7. Yêu cầu về tái chế trong quá trình sản xuất, tái chế sản phẩm thải bỏ sau khi sử dụng

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Thủ trưởng cơ quan thường trực chứng nhận, thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(1) Tên cơ thường trực đánh giá Nhân sinh thái Việt Nam.

Phụ lục 78. Mẫu quyết định chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số ... của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam;

Xét đề nghị của ...(1)... tại Công văn/văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/dịch vụ thân thiện với môi trường;

Theo đề nghị của ...(2)....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận sản phẩm/dịch vụ ... của ...(1)... đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam.

Người đại diện pháp lý:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.....

Địa chỉ trụ sở chính và cơ sở sản xuất:.....

Mã số chứng nhận: VN-ECO-năm cấp-số thứ tự

Biểu tượng “Nhãn sinh thái Việt Nam”.

Điều 2. ...(1)... thường xuyên thực hiện và duy trì việc đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam của sản phẩm/dịch vụ ... như đã đăng ký và được chứng nhận theo quy định tại Nghị định ... và các quy định hiện hành của pháp luật; định kỳ hằng năm lập báo cáo gửi Tổng cục Môi trường để hướng dẫn, kiểm tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký.

Thủ trưởng ...(2)..., Chánh Văn phòng Tổng cục Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở TNMT (có cơ sở sản xuất sản phẩm dịch vụ được chứng nhận);
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THƯỜNG TRỰC ĐÁNH GIÁ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- (1) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.
- (2) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhãn sinh thái Việt Nam.

Phụ lục 79. Mẫu đơn đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường

Tên Tổ chức/cá nhân

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

~~Độc lập – Tự do – Hạnh phúc~~

Số:

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(2)..., Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số ... ngày tháng ... năm 2021 của Chính phủ,

Tên tổ chức/cá nhân đăng ký chứng nhận:

Người đại diện: Chức vụ:

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

- Đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ

- Hồ sơ đăng ký chứng nhận bao gồm:

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chứng nhận theo danh mục hồ sơ quy định tại Điều 198 Nghị định này).

...(1)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị ...(2)... xem xét, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ ... đáp ứng các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam./.

Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại Điều 198 của Nghị định này, nếu có).

ĐẠI DIỆN PHÁP LÝ CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

(2) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhãn sinh thái Việt Nam.

Phụ lục 80. Mẫu báo cáo sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam

Tên Tổ chức/cá nhân

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (2) ..., Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số .../ND-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ,

Căn cứ Tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ...,

...(1)... đề nghị ... (2)... xem xét, đánh giá sản phẩm, dịch vụ ... của ... (1)...
đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam, cụ thể như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Đại diện pháp lý:

Số điện thoại Fax: Email:

Địa chỉ website của tổ chức, cá nhân (nếu có):

Người liên hệ:

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số ... ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (Gửi kèm bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh)

3. Sản phẩm/dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam:

Tên sản phẩm/dịch vụ:

Nhãn hiệu nhận diện:

Sản lượng sản xuất (trường hợp đăng ký sản phẩm thân thiện với môi trường) trung bình ... tấn/năm (Gửi kèm báo cáo sản xuất kinh doanh năm gần nhất).

4. Lao động hiện có:

- Số cán bộ làm việc toàn thời gian cố định cho cơ sở:

- Lao động làm việc theo thời vụ (tổng số tháng/người trong cả năm):

5. Mô tả về đặc tính sản phẩm/dịch vụ:

5.1. Mô tả về đặc tính kỹ thuật và quy trình công nghệ sản xuất (nếu là sản phẩm):

a) Chung loại và định mức nguyên liệu, nhiên liệu chính để sản xuất sản phẩm (liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có).

b) Quy trình công nghệ sản xuất:

- Liệt kê các loại máy móc, thiết bị đang vận hành với chỉ dẫn cụ thể về: tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng thiết bị (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu phần trăm).

- Mô tả tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ khối để minh họa.

5.2. Mô tả về hoạt động dịch vụ

- Mô tả mục đích dịch vụ.

- Mô tả việc sử dụng nguyên vật liệu, thiết bị, tiêu hao năng lượng để phục vụ việc cung cấp dịch vụ (đặc tính, định mức tiêu thụ, cách thức xử lý khi thải bỏ).

- Mô tả quy trình cung cấp dịch vụ.

5.3. Mô tả về kế hoạch thu hồi tái chế (đối với sản phẩm đăng ký chứng nhận là túi ni lông có độ dày > 30 micromet)

- Kế hoạch thu hồi sản phẩm sau khi thải bỏ: Mô tả về kế hoạch hay giải pháp để hạn chế lượng, phương pháp thu gom và xử lý chất thải phát sinh sau khi sử dụng sản phẩm; dự kiến khối lượng sản phẩm thải bỏ được thu hồi/đơn vị thời gian

- Mô tả quy trình xử lý tái chế, khối lượng tái chế; dây chuyền công nghệ, nguyên vật liệu đầu vào và đặc tính kỹ thuật sản phẩm tái chế.

Trường hợp phối hợp các cơ sở liên kết thực hiện thu hồi hoặc tái chế sản phẩm thì đính kèm theo văn bản ký kết thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc và ghi đầy đủ các thông tin về cơ sở liên kết (thông tin chung về cơ sở, thủ tục pháp lý, năng lực của cơ sở và dự kiến khối lượng sản phẩm thu hồi hoặc tái chế...)

- Giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi tái chế và sản xuất túi ni lông thân thiện với môi trường

- Phương án đầu tư nguồn lực cho hoạt động thu hồi tái chế để sản xuất túi ni lông thân thiện với môi trường: nhân lực, trang thiết bị, dự trù kinh phí thực hiện...

B. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện thủ tục môi trường:

- Liệt kê các hồ sơ, thủ tục môi trường đã thực hiện: báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/đơn giản...

(Gửi kèm theo bản sao các quyết định phê duyệt, giấy xác nhận các hồ sơ, thủ tục nêu trên)

2. Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường (nếu có)

3. Mô tả công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

Mô tả rõ việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và quản lý, xử lý từng loại chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn, CTNH) trong quá trình sản xuất (đối với sản phẩm) hoặc vận hành (đối với dịch vụ):

- Các nguồn chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn, CTNH) và khối lượng chất thải phát sinh;

- Công trình, biện pháp xử lý/quản lý chất thải phát sinh (mô tả và thuyết minh rõ sơ đồ quy trình xử lý chất thải, các tài liệu kỹ thuật có liên quan)

- Công tác quản lý CTNH: Số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do ... cấp ngày... tháng năm ...; Mã số chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ mới nhất.

(Gửi kèm theo các bản sao tài liệu liên quan như hợp đồng ký với đơn vị có chức năng, giấy phép hành nghề QLCTNH, chứng từ chuyên giao CTNH)

- Tần suất quan trắc và giám sát môi trường định kỳ.

(Gửi kèm theo báo cáo giám sát môi trường định kỳ mới nhất và các bản sao tài liệu liên quan).

C. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM

1. Kết quả tự đánh giá sản phẩm/dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam

TT	Tiêu chí ban hành	Kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí	Kết quả thử nghiệm	Ghi chú
1	Tiêu chí 1		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	
2	Tiêu chí 2		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	
3	...			
...	Tiêu chí n		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	

2. Các thông tin khác (nếu có)

- Việc sử dụng tài nguyên, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng thân thiện với môi trường:

Mô tả phương án hoặc chương trình mà doanh nghiệp đã hoặc đang áp dụng, tự đánh giá về hiệu quả kinh tế thông qua các phương án hoặc chương trình.

- Công trình, biện pháp và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cháy, nổ:

Tự mô tả việc thực hiện các biện pháp phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, cháy, nổ theo các kịch bản hoặc phương án được phê duyệt, xác định những tiến bộ, ưu điểm và nhược điểm liên quan đến công tác phòng cháy nổ tại doanh nghiệp (mô tả rõ tiến độ thực hiện; kinh phí dự kiến; trách nhiệm thực hiện).

Với các nội dung trên đây, ...(1)... đề nghị ...(2)... chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/dịch vụ ...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- (1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam
- (2) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhãn sinh thái Việt Nam

Phụ lục 81. Mẫu báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam

...(1)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam

I. Thông tin chính về sản phẩm, dịch vụ đề nghị chứng nhận:

1. Tên, nhãn hiệu sản phẩm hoặc dịch vụ
2. Tên cơ sở sản xuất, vận hành sản phẩm dịch vụ
3. Báo cáo sơ lược về hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo sơ lược về nguyên liệu, quy trình công nghệ và sản lượng sản xuất (đối với sản phẩm đề nghị chứng nhận).

Báo cáo sơ lược về quy trình vận hành dịch vụ (đối với dịch vụ đề nghị chứng nhận).

Báo cáo tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm dịch vụ

II. Kết quả đánh giá trên hồ sơ:

1. Đánh giá về hiệu quả sản xuất sản phẩm/vận hành dịch vụ và nội dung thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Căn cứ các nội dung báo cáo tự đánh giá của doanh nghiệp, đối chiếu với các quy định pháp luật về lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và BVMT, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan và thủ tục môi trường đã được phê duyệt, đánh giá các biện pháp bảo vệ môi trường và xử lý chất thải mà đơn vị sản xuất sản phẩm hoặc vận hành dịch vụ thực hiện để xem xét, đánh giá:

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề tồn tại, vướng mắc, cần khắc phục để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

2. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí thân thiện với môi trường

Kết quả đánh giá:

TT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Lý do
1	Tiêu chí 1			

2	Tiêu chí 2			
3	...			
...	Tiêu chí n			

- Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung, khắc phục hoặc hoàn thiện
- Một số khuyến nghị khác

3. Đánh giá về nội dung khác

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung
- Một số khuyến nghị khác

III. Kết quả kiểm tra/đánh giá thực tế sản xuất/vận hành sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường:

1. Việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ.

Về khả năng đáp ứng các tiêu chí thân thiện với môi trường do Bộ TNMT ban hành của sản phẩm, dịch vụ đề nghị chứng nhận.

Về kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi tái chế sản phẩm có độ dày > 30 micromet (trường hợp chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam đối với túi ni lông).

3. Kết quả trưng cầu giám định, đánh giá sự phù hợp (nếu có).
4. Công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy...
5. Các nội dung khác (nếu có)

III. Kết luận và kiến nghị:

...(1)...

(Đơn vị thường trực được giao đánh giá sản phẩm, dịch vụ)

(1) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhãn sinh thái Việt Nam.

Phụ lục 82. Mẫu quyết định thành lập hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

...(2)...

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Số: .../QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập hội đồng đánh giá sản phẩm/ dịch vụ đáp ứng tiêu chí
Nhãn sinh thái Việt Nam của ...(1)...**

THỦ TRƯỞNG ...(2)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam;

Xét đề nghị của ...(1)... tại Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/ dịch vụ thân thiện với môi trường;

Theo đề nghị của ...(3)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam (sau đây gọi là Hội đồng) của ...(1)... gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Nơi công tác	Chức danh
1	Chủ tịch
2	Phó Chủ tịch
3	Ủy viên
4	Ủy viên
5	Ủy viên

6	Ủy viên
7	Ủy viên thư ký

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm xem xét, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam của sản phẩm/dịch vụ..., chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá và gửi bản nhận xét cho ...(2)... để tổng hợp chung, làm căn cứ để chứng nhận sản phẩm/ dịch vụ ... đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam.

Điều 3. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật và được sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng ...(3)..., các Ông/Bà có tên tại Điều 1, ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ...(1)...;
- Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả;
- ...
- Lưu: VT...

THỦ TRƯỞNG ...(2)...

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(1) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam.

(2) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhân sinh thái Việt Nam.

(3) Đơn vị là chủ tài khoản chi trả kinh phí họp hội đồng đánh giá

Phụ lục 83. Mẫu bản nhận xét của ủy viên hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam

...(1)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BẢN NHẬN XÉT SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM

Đối với sản phẩm/dịch vụ

I. Người viết nhận xét

1. Họ và tên:
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
3. Nơi công tác:
4. Chức danh trong hội đồng:

II. Đánh giá sản phẩm/dịch vụ đáp ứng các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam:

1. Đánh giá về nội dung báo cáo thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

2. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam

Kết quả đánh giá:

TT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Lý do
1	Tiêu chí 1			
2	Tiêu chí 2			
3	...			
...	Tiêu chí n			

- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

2. Đánh giá về nội dung khác

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

III. Đánh giá thực trạng sản xuất sản phẩm / vận hành dịch vụ:

1. Đánh giá về việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

2. Đánh giá việc tổ chức sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ theo tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam:

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

3. Các nội dung khác:

- Kết quả đạt được:
- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

III. Kết luận và đề nghị:

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi họ tên)

(1) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhân sinh thái Việt Nam

Phụ lục 84. Mẫu biên bản họp hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam

...(2)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM

Tên sản phẩm/ dịch vụ:

Do ...(1)... sản xuất/cung cấp.

Thời gian họp: ngày... tháng... năm...

Căn cứ Quyết định số ... của ...(2)...

1. Thành phần hội đồng:

1. ... Chủ tịch

2. ... Phó Chủ tịch

3. ... Ủy viên

4.....

2. Đại diện ...(1)...

1. ...

2. ...

3. ...

3. Ý kiến thành viên hội đồng:

- Đánh giá về việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đánh giá về việc tổ chức sản xuất sản phẩm/ vận hành dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam.

- Đánh giá các vấn đề khác.

- Một số yêu cầu cần lưu ý (nếu có).

4. Ý kiến của đại diện ...(1)...

....

5. Kết quả đánh giá

TT	Tiêu chí	Số thành viên đánh giá Đạt	Số thành viên đánh giá Không đạt	Kết quả đánh giá
1	Tiêu chí 1			Đạt/không đạt
2	Tiêu chí 2			Đạt/không đạt
3	...			Đạt/không đạt
...	Tiêu chí n			Đạt/không đạt

(tiêu chí được đánh giá là “đạt” nếu có tối thiểu 2/3 số thành viên hội đồng đánh giá là “đạt”)

- Những vấn đề cần giải trình, chỉnh sửa, bổ sung:

6. Kết luận:

Kết luận chung về sản phẩm/ dịch vụ đáp ứng/không đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam.

Biên bản được hoàn thành, đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe và đã được thống nhất giữa các bên liên quan./.

Ủy viên thư ký

Chủ tịch

(1) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam.

(2) Tên cơ quan thường trực đánh giá Nhân sinh thái Việt Nam.

Phụ lục 85. Danh mục dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh

STT	Mục tiêu môi trường chính	Loại hình dự án	Yêu cầu không gây hại cho các mục tiêu bảo vệ môi trường khác
(1)	(2)	(3)	(4)
A. NĂNG LƯỢNG			
A1. Điện mặt trời			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện từ tấm pin quang điện năng lượng mặt trời	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu quản lý và xử lý chất thải (Loại trừ loại loại tấm pin quang điện có chất gây hại môi trường)
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời hội tụ	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu quản lý và xử lý chất thải (Loại trừ loại loại tấm pin quang điện có chất gây hại môi trường)
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đồng phát nhiệt/làm mát và năng lượng từ năng lượng mặt trời hội tụ	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu quản lý và xử lý chất thải (Loại trừ loại loại tấm pin quang điện có chất gây hại môi trường)
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất nhiệt/làm mát từ năng lượng mặt trời hội tụ	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu quản lý và xử lý chất thải (Loại trừ loại loại tấm pin quang điện có chất gây hại môi trường)
A2. Điện gió			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện gió ngoài khơi	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện gió gần bờ	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện gió trên đất liền	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (loại trừ khu vực bảo tồn đa dạng sinh học, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu vực an ninh quốc phòng);
A3. Điện từ địa nhiệt			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện từ địa nhiệt	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (loại trừ khu vực bảo tồn đa dạng sinh học, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu vực an ninh quốc phòng)
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đồng phát nhiệt/làm mát và năng lượng từ năng lượng địa nhiệt	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (loại trừ khu vực bảo tồn đa dạng sinh học, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu vực an ninh quốc phòng)
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất nhiệt/làm mát từ địa nhiệt	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên (loại trừ khu vực bảo tồn đa dạng sinh học, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu vực an ninh quốc phòng)

	hậu		học, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu vực an ninh quốc phòng)
A4. Điện từ năng lượng sinh học			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện từ năng lượng sinh học (sinh khối, khí sinh học và nhiên liệu sinh học)	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu áp dụng kinh tế tuần hoàn, Mục tiêu xử lý và quản lý chất thải: Mục tiêu xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất sinh khối, khí sinh học hoặc nhiên liệu sinh học	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu áp dụng kinh tế tuần hoàn, Mục tiêu xử lý và quản lý chất thải: Mục tiêu xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đồng phát nhiệt / mát và điện từ năng lượng sinh học (sinh khối, khí sinh học, nhiên liệu sinh học)	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu áp dụng kinh tế tuần hoàn, Mục tiêu xử lý và quản lý chất thải: Mục tiêu xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất nhiệt/Làm mát từ năng lượng sinh học (Sinh khối, Khí sinh học và Nhiên liệu Sinh học)	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Mục tiêu áp dụng kinh tế tuần hoàn, Mục tiêu xử lý và quản lý chất thải: Mục tiêu xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Dự án thủy điện không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường	Sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất điện từ năng lượng đại dương	Mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học
A5. Truyền tải			
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Phát triển mạng lưới truyền tải và phân phối điện	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Phát triển mạng lưới truyền tải và phân phối khí	
A6. Tích điện			
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Lưu trữ điện	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Lưu trữ năng lượng nhiệt	

	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Lưu trữ Hydrogen	
A7. Các hoạt động năng lượng khác			
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Sản xuất điện từ khí đốt (không loại trừ khí đốt tự nhiên)	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đồng phát nhiệt/làm mát và năng lượng từ khí (không dành riêng cho khí tự nhiên)	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Sản xuất nhiệt/làm mát từ quá trình đốt cháy khí	
A8. Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả			
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong sản xuất năng lượng	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong quản lý và vận hành giao thông vận tải	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong khai thác và quản lý tài nguyên nước	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong xây dựng	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong công nghiệp chế biến, chế tạo	
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả trong xử lý chất thải	
B. GIAO THÔNG VẬN TẢI			

Ứng phó với biến đổi khí hậu	Mua sắm mới và để sử dụng lại các phương tiện ít phát thải và không phát thải	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Các cơ sở sản xuất linh kiện và phương tiện các-bon thấp giao thông vận tải ít và không phát thải trong chuỗi cung ứng	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Vận tải hàng hóa và chuyên trở hàng hóa các-bon thấp	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Giao thông vận tải công cộng	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Giao thông vận tải cá nhân ít và/hoặc không phát thải	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
Ứng phó với biến đổi khí hậu	Chuyển đổi và cải thiện các phương thức vận tải sẵn có sang loại không phát thải và/hoặc ít phát thải hơn	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

C. TÀI NGUYÊN NƯỚC

Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	Thích ứng biến đổi khí hậu
Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Bảo vệ và kiểm soát chất lượng nước và môi trường nước ngầm	Thích ứng biến đổi khí hậu
Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Quản lý nguồn nước từ sông ngòi và nước biển	Thích ứng biến đổi khí hậu
Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Ngăn chặn và phòng ngừa ô nhiễm nước mặt tại các cảng và bến tàu	Thích ứng biến đổi khí hậu
Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Tiết kiệm nước	Thích ứng biến đổi khí hậu

	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Sử dụng tuần hoàn nước	Thích ứng biến đổi khí hậu
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Khử mặn nước biển và nước lợ phục vụ sinh hoạt và sản xuất	Thích ứng biến đổi khí hậu
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phát triển các khu đô thị mới, thành phố thông minh có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Tiêu thoát nước trong đô thị và khu công nghiệp	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Cải tiến hệ thống tưới tiêu hiệu quả	Thích ứng biến đổi khí hậu
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Phát triển hệ thống tưới tiêu thông minh	Thích ứng biến đổi khí hậu

D. XÂY DỰNG

	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Cải tạo, sửa chữa các công trình xây dựng đạt được mục tiêu công trình xanh và sử dụng hiệu quả năng lượng	Ứng phó với biến đổi khí hậu
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Xây dựng mới các công trình xanh và sử dụng hiệu quả năng lượng	
	Xây dựng, cải tạo hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường	Phát triển cơ sở hạ tầng xanh xung quanh các công trình xây dựng	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường
	Xây dựng, cải tạo hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường	Xây dựng các khu vệ sinh công cộng tại các cơ sở lưu trú, khu bảo tồn hoang dã và du lịch sinh thái	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học	

	Xây dựng, cải tạo hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường	Các công trình hỗ trợ bảo vệ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử	
	Xây dựng, cải tạo hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường	Công trình bảo vệ, cảnh báo rủi ro thiên tai.	
Đ. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC			
Đ1. Trồng trọt			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Trồng cây lâu năm	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Trồng cây hàng năm	
Đ2. Nông nghiệp xanh			
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái, chăn nuôi hữu cơ và thủy sản bền vững	
	Công nghệ môi trường	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bảo tồn tài nguyên di truyền trong nông nghiệp bản địa	
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và phát triển du lịch với các hệ sinh thái tự nhiên	
	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Chuỗi cung ứng các nông sản xanh	
	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Chuỗi cung ứng các lâm sản và các sản phẩm sạch từ rừng	
	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Chuỗi cung ứng các thủy hải sản sạch	
Đ3. Phát triển lâm nghiệp			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Trồng rừng	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên

	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Phục hồi rừng và ngăn suy thoái rừng	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên
	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Trồng lại rừng	
	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Quản lý rừng hiện có	
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bảo tồn rừng	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Kiểm soát và phòng ngừa rủi ro thiên tai	
	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và bảo vệ tài nguyên đất	
Đ4. Xử lý chất thải nông nghiệp			
	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Chất thải chăn nuôi	
	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Phụ phẩm nông nghiệp trồng trọt	
	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Chất thải nuôi trồng thủy sản	
Đ5. Tài nguyên biển			
	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Phát triển kinh tế biển	
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Bảo tồn và khai thác bền vững tài nguyên biển	
E. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO			
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất thiết bị và linh kiện cải thiện sử dụng tiết kiệm nâng cao hiệu quả điện và	

		các dạng năng lượng	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất một số sản phẩm nhôm	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất một số sản phẩm sắt thép	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất một số vật liệu xây dựng thân thiện môi trường	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sản xuất các linh kiện điện tử và sản phẩm phụ trợ phát triển công nghệ các-bon thấp	
	Công nghệ môi trường	Sản phẩm của công nghệ xử lý chất thải rắn	
	Công nghệ môi trường	Sản phẩm của công nghệ xử lý nước thải	
	Công nghệ môi trường	Sản phẩm của công nghệ xử lý khí thải	
	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Sản phẩm của công nghệ tái chế tài nguyên	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Các sản phẩm phát triển công nghệ nhiên liệu Hydrogen	Công nghệ môi trường

G. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

G1. Thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải

	Quản lý và xử lý chất thải	Thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn	
	Quản lý và xử lý chất thải	Tối ưu hóa vận chuyển chất thải	
	Quản lý và xử lý chất thải	Phân loại chất thải rắn tại khu xử lý tập trung	

G2. Tái sử dụng chất thải

	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Tái sử dụng cùng chức năng	
	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Tái sử dụng cho mục tiêu khác	

G3. Tái chế chất thải

	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Tái chế lại sản phẩm	
	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Tái chế cho mục tiêu khác	
G4. Xử lý chất thải			
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường	
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý chất thải nguy hại	
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý nước thải sinh hoạt	
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý nước thải y tế	
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý nước thải công nghiệp	
	Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý khí thải	
	Quản lý và xử lý chất thải	Nguyên vật liệu, hóa chất, thiết bị xử lý chất thải	
H. THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ			
	Công nghệ môi trường	Xử lý và truyền dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu để giảm phát thải khí nhà kính	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động chuyển dịch và phát triển năng lượng	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho các giao thông công cộng và giao thông vận tải	
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động khai thác và quản lý tài	

		nguyên nước bền vững	
	Công nghệ môi trường	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động xây dựng	
	Công nghệ môi trường	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động nông, lâm nghiệp, thủy sản	
	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học	
	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động công nghiệp, chế biến, chế tạo	
	Công nghệ môi trường	Dự án có áp dụng giải pháp công nghệ thông tin cho hoạt động xử lý môi trường	
	Dịch vụ môi trường	Truyền thông về các mục tiêu môi trường	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ về tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ vận tải công cộng và/hoặc giao thông vận tải không phát thải	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ khai thác và quản lý tài nguyên nước bền vững	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ hỗ trợ xây dựng các công trình xanh	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học	

	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ hỗ trợ phát triển hoạt động công nghiệp xanh và ít phát thải	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ hỗ trợ phát triển hoạt động xử lý môi trường	
	Dịch vụ môi trường	Dịch vụ tư vấn tài chính khí hậu	
I. CÁC DỰ ÁN KHÁC			
	Dự án có tính chất tương đương với các loại hình dự án quy định tại cột 3 Phụ lục này đồng thời đáp ứng mục tiêu môi trường chính tương ứng quy định tại cột 2 Phụ lục này		

Phụ lục 86. Mẫu quyết định thành lập đoàn thanh tra thường xuyên(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....(3), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thanh tra thường xuyên về bảo vệ môi trường**

..... (4)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Căn cứ (5);

Căn cứ (6);

Căn cứ (7);

Xét đề nghị của (8),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với..... (9);

Thời hạn của giấy phép thanh tra thường xuyên là ngày, kể từ ngày công bố giấy phép thanh tra.

Cuộc thanh tra được chia thành đợt.

Thời gian thanh tra đợt 1 là.....ngày, kể từ ngày.....tháng..... năm

Thời gian thanh tra đợt 2 là.....ngày, kể từ ngàytháng..... năm

.....

Điều 2. Thành lập Đoàn thanh tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1., Trưởng đoàn;

2., Phó Trưởng đoàn (nếu có);

3., thành viên;

.....

Điều 3. Đoàn thanh tra thường xuyên việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường có nhiệm vụ (10)

Giao cho (8) chỉ đạo, theo dõi, giúp (5) xử lý hoặc trình (4) xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn thanh tra.

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 2, (8), (11), (12) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

.....(4)

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

- (1);

- Như Điều 4;

- Lưu:...

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ra quyết định thanh tra.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định thanh tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định thanh tra.

(5) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).

(6) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ra quyết định thanh tra.

(7) Kế hoạch thanh tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(8) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất tiến hành thanh tra (nếu có).

(9) Đối tượng thanh tra, nội dung thanh tra, phạm vi thanh tra, đợt thanh tra...

(10) Nhiệm vụ của Đoàn thanh tra.

(11) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc thanh tra.

(12) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng thanh tra.

Phụ lục 87. Mẫu quyết định thành lập đoàn kiểm tra

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....(3) , ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường**

..... (4)

Can cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Căn cứ (5);

Căn cứ (6);

Căn cứ (7);

Xét đề nghị của (8),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với (9);

Thời hạn kiểm tra là ngày, kể từ ngày công bố giấy phép thanh tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1., Trưởng đoàn;

2., Phó Trưởng đoàn (nếu có);

3., thành viên;

.....

Điều 3. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ (10)

Giao cho (8) chỉ đạo, theo dõi, giúp (4) xử lý hoặc trình (4) xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 2, (8), (11), (12) và các cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

.....(4)

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

- (1);

- Như Điều 4;

- Lưu:...

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Chức danh của người ra quyết định kiểm tra.

(5) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (nếu có).

(6) Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ra quyết định kiểm tra.

(7) Kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(8) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất tiến hành kiểm tra (nếu có).

(9) Đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra, phạm vi kiểm tra, thời gian kiểm tra

(10) Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra.

(11) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra.

(12) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là đối tượng kiểm tra.